



LÃ NHÂM THÌN - ĐỖ NGỌC THỐNG (đồng Tổng Chủ biên)
VŨ THANH (Chủ biên) - BÙI MINH ĐỨC - PHẠM THỊ THU HƯƠNG

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP

Ngữ văn

10

BẢN MẪU



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

Đọc sách tại hoc10.vn

LÃ NHÂM THÌN – ĐỖ NGỌC THỐNG (đồng Tổng Chủ biên)
VŨ THANH (Chủ biên) – BÙI MINH ĐỨC – PHẠM THỊ THU HƯƠNG

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP

Ngữ văn

10

BẢN MẪU



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ



Các em giữ gìn sách cẩn thận, không viết vào sách để sử dụng được lâu dài.

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Theo *Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018*, ngoài sách giáo khoa *Ngữ văn* dùng cho tất cả học sinh, mỗi lớp còn có các chuyên đề học tập. Đây là những chuyên đề tự chọn nhằm nâng cao kiến thức văn học, ngôn ngữ và phát triển kỹ năng vận dụng những tri thức ngữ văn đã được trang bị vào thực tiễn học tập và cuộc sống; đáp ứng năng lực, nhu cầu và sở thích cá nhân của người học; giúp học sinh bước đầu phân hoá theo định hướng nghề nghiệp, nhất là với những em có thiên hướng về lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

Ở lớp 10, các em được học ba chuyên đề sau:

– Chuyên đề 1: *Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian* giúp các em bước đầu biết cách thức nghiên cứu; cách viết báo cáo nghiên cứu và thuyết trình về một vấn đề văn học dân gian.

– Chuyên đề 2: *Sân khấu hoá tác phẩm văn học* cung cấp những hiểu biết về các hình thức sân khấu hoá tác phẩm văn học; cách thức tiến hành các bước sân khấu hoá một tác phẩm văn học: chuyển thể tác phẩm thành kịch bản văn học (biên kịch); đề xuất cách thức thể hiện trên sân khấu (đạo diễn) và thực hành biểu diễn (diễn viên).

– Chuyên đề 3: *Đọc, viết và giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết* giúp các em biết cách đọc, viết bài giới thiệu và thuyết trình về một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết.

Với những nội dung trên, các chuyên đề bước đầu giúp các em làm quen với một số công việc của nhà nghiên cứu khoa học xã hội, văn học; phóng viên báo chí, giới thiệu sách; các nhà biên kịch, đạo diễn, diễn viên;...

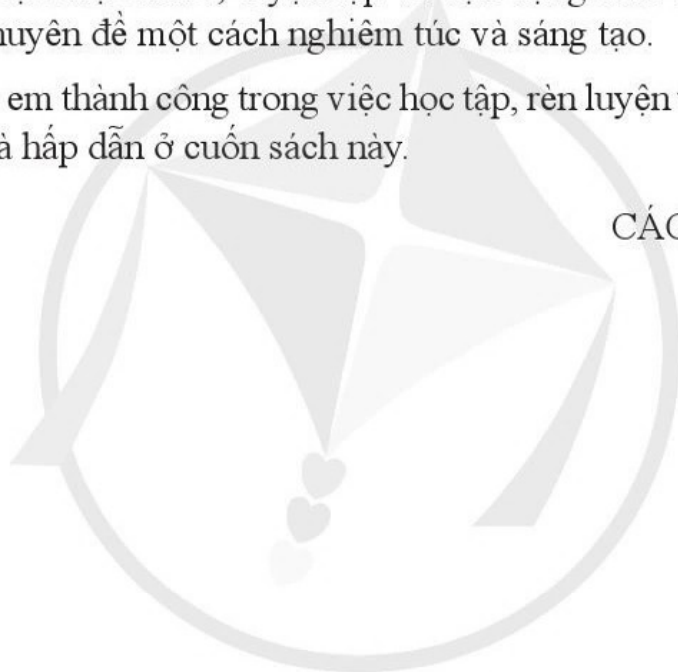
Cấu trúc chuyên đề có sự thống nhất giữa lí thuyết và thực hành. Trong đó, thực hành là chính, gồm: thực hành nghiên cứu, viết báo cáo và thuyết trình về một vấn đề văn học dân gian; thực hành chuyển thể

tác phẩm văn học thành kịch bản, thực hành đạo diễn và diễn xuất trên sân khấu; thực hành đọc, viết giới thiệu và thuyết trình về một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết.

Tổng thời lượng cho học chuyên đề là 35 tiết / năm. Việc học tập các chuyên đề này tùy thuộc vào kế hoạch dạy học cụ thể, cách thức tổ chức của mỗi nhà trường. Tuy nhiên, dù theo cách nào thì khi học, các em cũng cần chủ động đọc, tìm hiểu kĩ nội dung lí thuyết; suy nghĩ, trả lời các câu hỏi, bài tập trong mỗi phần; ghi lại những câu hỏi, những băn khoăn, thắc mắc để trao đổi với bạn bè, thầy cô. Điều quan trọng nhất là phải tích cực thực hành, luyện tập và vận dụng theo các hướng dẫn trong mỗi chuyên đề một cách nghiêm túc và sáng tạo.

Chúc các em thành công trong việc học tập, rèn luyện với các chuyên đề rất mới và hấp dẫn ở cuốn sách này.

CÁC TÁC GIẢ



YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Biết các yêu cầu, cách thức nghiên cứu, viết báo cáo và thuyết trình về một vấn đề văn học dân gian.
- ▶ Vận dụng được hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết về văn học dân gian.
- ▶ Yêu thích văn học dân gian và việc nghiên cứu văn học dân gian.

I. YÊU CẦU VÀ CÁCH THỨC NGHIÊN CỨU MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

1. Thế nào là nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian?

Nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian là hoạt động thu thập và xử lý thông tin, nhằm làm sáng tỏ một vấn đề chưa được giải quyết hay làm rõ những băn khoăn, thắc mắc về một nội dung nào đó của văn học dân gian.

Đối với học sinh Trung học phổ thông, mục đích chủ yếu của hoạt động nghiên cứu văn học dân gian là tập phát hiện, nêu và giải quyết những vấn đề còn chưa hiểu, chưa thấy thuyết phục về văn học dân gian. Qua đó, mở rộng vốn hiểu biết về văn học, góp phần gìn giữ, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; đồng thời, hình thành một số thao tác đơn giản và quen thuộc của hoạt động nghiên cứu văn học dân gian như: tìm kiếm, phân loại và lựa chọn nguồn tư liệu; quan sát, phân tích môi trường diễn xướng⁽¹⁾; so sánh, đối chiếu các dị bản; tra cứu các tài liệu về văn hoá, xã hội có liên quan để giải thích, cắt nghĩa các tác phẩm văn học dân gian;...

2. Tiến hành hoạt động nghiên cứu văn học dân gian như thế nào?

2.1. Hình thành ý tưởng, xác định đề tài và câu hỏi nghiên cứu về văn học dân gian

Ý tưởng nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian thường bắt nguồn từ những băn khoăn, thắc mắc chưa thể lí giải trong quá trình học tập, giao tiếp. Ý tưởng đó cũng có thể nảy sinh qua hoạt động quan sát, thảo luận, đọc sách / báo / tài liệu; hoặc từ yêu cầu của các nhiệm vụ học tập văn học dân gian;...

(1) *Diễn xướng*: trình bày sáng tác dân gian bằng động tác, lời lẽ, âm thanh, nhịp điệu.

Ý tưởng nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian thường hiện diện dưới dạng các câu hỏi hoặc nêu vấn đề. Ví dụ:

- Vì sao lại có thần thoại?
- Sử thi khác thần thoại như thế nào?
- Thế giới nhân vật trong truyện cổ tích Việt Nam.
- Đặc điểm nội dung và hình thức của các câu ca dao mở đầu bằng cụm từ “Thân em...”.

Trong thực tế, có nhiều vấn đề văn học dân gian cần được giải quyết. Tuy nhiên, không phải vấn đề văn học dân gian nào cũng trở thành đề tài nghiên cứu bởi đã có người tìm ra kết quả hoặc vấn đề quá phức tạp, vượt ra khỏi khả năng của chúng ta, hay chúng ta chưa đủ cơ sở, nguồn tư liệu để đảm bảo việc nghiên cứu sẽ thành công. Do đó, để xác định được đề tài nghiên cứu về văn học dân gian, các em cần tìm hiểu xem đã có những ai, những tài liệu nào đề cập vấn đề mà mình muốn giải quyết. Có thể kết hợp các cách dưới đây để thực hiện việc đó:

- Sử dụng Internet: nhập từ khoá chứa vấn đề văn học dân gian cần tìm hiểu và đọc tiêu đề, tóm tắt, đề mục của các bài viết để có cái nhìn tổng quan.
- Đến thư viện: tra cứu các sách, báo, tạp chí, luận văn, luận án về vấn đề văn học dân gian mà em quan tâm; có thể tham khảo thêm ý kiến, gợi ý của những người thủ thư về các nguồn tư liệu này.
- Trao đổi với những người có hiểu biết về vấn đề văn học dân gian mà em dự định nghiên cứu (các nhà nghiên cứu văn học dân gian, các nghệ nhân, giáo viên Ngữ văn, ...).
- Tham gia các câu lạc bộ, hội thảo, thảo luận có liên quan đến vấn đề văn học dân gian cần tìm hiểu (ví dụ: Hội thảo về ca dao, dân ca xứ Huế, Câu lạc bộ Chèo Yên Hoà (Yên Mô – Ninh Bình), ...).

Từ những hoạt động nêu trên, có thể thu hẹp vấn đề cần tìm hiểu hoặc loại trừ những nội dung đã có câu trả lời để xác định đề tài nghiên cứu. Tham khảo bảng sau đây:

Vấn đề chung	Vấn đề thu hẹp	Đề tài
Sử thi Tây Nguyên	Sử thi của dân tộc Ê-đê ở Tây Nguyên	Hình tượng người anh hùng trong các thiên sử thi của dân tộc Ê-đê ở Tây Nguyên
Thần thoại Hy Lạp	Nhân vật “thần” trong thần thoại Hy Lạp	Vẻ đẹp của các nhân vật “nữ thần” trong thần thoại Hy Lạp
Nội dung và nghệ thuật của các truyện thần thoại Hy Lạp	Các đề tài, chủ đề trong thần thoại Hy Lạp	Tìm hiểu các ngành nghề của người Hy Lạp cổ đại qua truyện thần thoại

Bước tiếp theo là xác định các câu hỏi nghiên cứu. Đây là những khía cạnh nhỏ cần được đặt ra và giải quyết ở đề tài văn học dân gian đã chọn, là cơ sở để tìm hiểu các nội dung cụ thể cần phải thực hiện trong quá trình triển khai nghiên cứu.

Ví dụ:

Vẻ đẹp của các nhân vật “nữ thần” trong thần thoại Hy Lạp

- Các nữ thần trong thần thoại Hy Lạp là những ai? Họ có những vẻ đẹp gì?
- Đây là điểm độc đáo, thú vị trong cách miêu tả vẻ đẹp của các nữ thần trong thần thoại Hy Lạp?
- Thông qua vẻ đẹp của các nữ thần, người Hy Lạp cổ đại muốn thể hiện điều gì? (ví dụ: quan niệm về cái đẹp nói chung và vẻ đẹp của người phụ nữ xưa nói riêng).
- Bài học nào được rút ra và có thể vận dụng trong cuộc sống hôm nay từ việc tìm hiểu trên?

Ở mỗi câu hỏi nghiên cứu, cần xác định những từ ngữ quan trọng vì đây sẽ là từ khoá để tra cứu tư liệu trong bước tiếp theo. Ví dụ: thần thoại Hy Lạp, nữ thần, vẻ đẹp,...



Từ các chủ đề sau, hãy xác định vấn đề mà em muốn tìm hiểu:

- Sử thi của các dân tộc Tây Nguyên.
- Nhân vật “thần” trong thần thoại Hy Lạp.
- Ca dao than thân của người Việt Nam (người Kinh).

Gợi ý:

- Chọn một chủ đề mà em quan tâm hoặc có hứng thú nhất.
- Xác định vấn đề muốn tìm hiểu. Ví dụ: Vẻ đẹp độc đáo của hình tượng người anh hùng trong sử thi Tây Nguyên; ý nghĩa của nhân vật “thần” trong thần thoại Hy Lạp; những mô típ quen thuộc trong ca dao than thân của người Việt Nam (người Kinh). Để xác định được vấn đề, cần tìm đọc các tài liệu có liên quan, từ đó, phát hiện những nội dung gây hứng thú, những khía cạnh khơi gợi nhu cầu hiểu biết và mong muốn giải quyết của bản thân. Các em cũng có thể trao đổi với thầy, cô, người thân và các chuyên gia để được gợi ý, hướng dẫn tìm hiểu một vấn đề nào đó.



Ghi vào vở những câu hỏi nghiên cứu cho một trong những vấn đề sau:

Vấn đề	Câu hỏi
Vẻ đẹp độc đáo của hình tượng người anh hùng trong sử thi Tây Nguyên	
Ý nghĩa của nhân vật “thần” trong thần thoại Hy Lạp	
Những mô típ quen thuộc trong ca dao than thân của người Việt Nam (người Kinh)	

Gợi ý:

Từ một vấn đề được lựa chọn, xác định các câu hỏi cần được trả lời để làm rõ vấn đề. Dưới đây là ví dụ về một trong các câu hỏi cần được đặt ra của mỗi vấn đề:

– Hình tượng người anh hùng trong sử thi Tây Nguyên có những vẻ đẹp nào độc đáo?

– Dựa vào đâu để xác định ý nghĩa của nhân vật “thần” trong thần thoại Hy Lạp?

– Những mô típ quen thuộc trong ca dao than thân của người Việt Nam (người Kinh) được xây dựng bằng cách nào?

2.2. Tìm kiếm, thu thập, đánh giá, lựa chọn các nguồn tài liệu phù hợp về vấn đề văn học dân gian

Để tìm kiếm, thu thập các nguồn tài liệu phù hợp về vấn đề văn học dân gian, các em có thể sử dụng các cách sau:

a) Sử dụng Internet

Nhập các từ khoá đã xác định trên công cụ tìm kiếm tư liệu (Google, Cốc Cốc,...) để tìm đến các trang web hoặc kênh thông tin khác (YouTube, Blog, Facebook,...) có chứa đựng những tài liệu liên quan đến chủ đề nghiên cứu. Cần kết hợp các từ khoá và có thể sử dụng tìm kiếm nâng cao hoặc đặt cụm từ khoá trong ngoặc kép để việc tìm kiếm tài liệu sát với đề tài mà chúng ta lựa chọn. Ví dụ sau cho thấy với các từ khoá khác nhau, chúng ta sẽ có những kết quả tìm kiếm khác nhau bằng Google về vấn đề văn học dân gian đang tiến hành nghiên cứu:

Từ khoá	Kết quả	Nhận xét
Thần thoại	130 000 000 kết quả	Quá rộng, cần thêm từ khoá
Thần thoại Hy Lạp	3 090 000 kết quả	Khá rộng, cần cụ thể hơn
Nhân vật “nữ thần” trong thần thoại Hy Lạp	1 950 000 kết quả	Vẫn tương đối rộng
Vẻ đẹp của nhân vật “nữ thần” trong thần thoại Hy Lạp	770 kết quả	Có thể chấp nhận

Sau khi các kết quả tìm kiếm về vấn đề văn học dân gian được hiển thị, cần đọc và xác định những địa chỉ đáng tin cậy và những mô tả phù hợp với mục tiêu hoặc từ khoá. Thông thường, những địa chỉ đáng tin cậy là của các tổ chức, cơ quan nghiên cứu thuộc Chính phủ (... gov.vn), ngành Giáo dục (...edu.vn). Nếu không đạt các yêu cầu trên, hãy truy cập kết quả tiếp theo hoặc đến trang kết quả tiếp theo.

b) Sử dụng thư viện

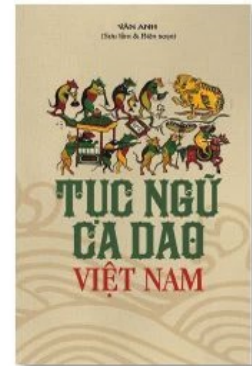
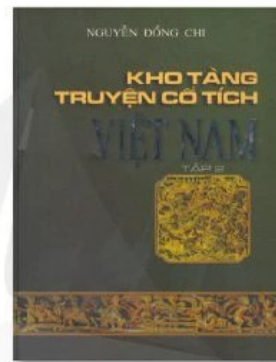
Cũng giống Internet, thư viện là nơi cung cấp nhiều thông tin, tài liệu phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu nói chung và nghiên cứu văn học dân gian nói riêng. Có thể

đến thư viện của nhà trường hoặc thư viện quốc gia / tỉnh / thành phố / quận / huyện / thị xã, thậm chí thư viện của các viện nghiên cứu, các trường đại học để tìm kiếm sự hỗ trợ. Khác với Internet, thư viện tập trung vào các sách, công trình nghiên cứu đã được in ấn, xuất bản. Thư viện Quốc gia hay thư viện của các viện nghiên cứu, các trường đại học còn có nhiều luận văn, luận án là kết quả nghiên cứu về văn học dân gian của các nhà khoa học, học viên cao học, nghiên cứu sinh. Đây là những công trình thể hiện rõ nét nhất nội dung, phương pháp nghiên cứu và hình thức của một văn bản nghiên cứu khoa học.

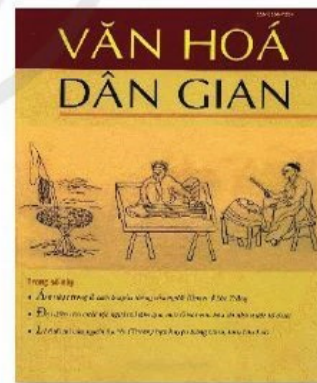
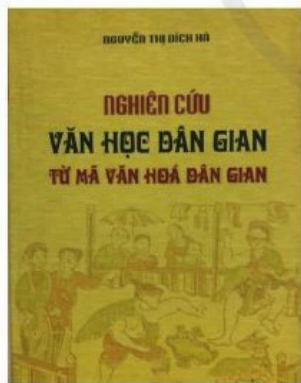
Đến thư viện, chúng ta cần sự hỗ trợ của người thủ thư để nắm bắt được các quy định về mượn, đọc, trả sách cũng như các thao tác tra cứu tài liệu.

Tùy từng vấn đề nghiên cứu về văn học dân gian mà việc tìm các nguồn tài liệu trong thư viện có sự khác nhau. Tuy nhiên, có những nguồn cơ bản sau:

– Tuyển tập tác phẩm văn học dân gian theo thể loại (thần thoại, truyện cổ tích, tục ngữ, ca dao,...). Đây là nguồn sách tập hợp các văn bản văn học dân gian để có thể nghiên cứu cụ thể về nội dung, nghệ thuật (đề tài, chủ đề, thể thơ, mô típ, biện pháp nghệ thuật, loại hình nhân vật,...).



– Các công trình nghiên cứu về văn học dân gian (sách chuyên khảo, giáo trình, luận văn, luận án, bài báo trên tạp chí khoa học – kết quả của các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu của các nhà khoa học, học viên cao học, nghiên cứu sinh).



c) Sử dụng các phương thức khác

Thư viện và Internet đều là những nguồn thông tin phong phú nhưng chúng ta cũng có thể thu thập dữ liệu về văn học dân gian ở những nơi khác. Ví dụ, có thể đến thăm Viện Bảo tàng Dân tộc học, tham dự các bài giảng của các diễn giả là chuyên gia trong lĩnh vực văn học dân gian, thực hiện các cuộc phỏng vấn, đôi khi có thể và cần thiết phải đi điền dã để tìm hiểu về văn học dân gian địa phương.

– *Phỏng vấn* là một trong những cách hiệu quả để thu thập thông tin. Ví dụ, để tìm hiểu sử thi Tây Nguyên, có thể phỏng vấn một nhà văn hoặc nhà nghiên cứu văn hoá / văn học Tây Nguyên; phỏng vấn trực tiếp hay qua điện thoại, email hoặc các công cụ khác.

– *Nghiên cứu thực địa và quan sát*: Khi quan sát, tìm hiểu thực tế tại một khu vực, địa điểm nào đó với mục tiêu nghiên cứu cụ thể, tức là chúng ta đang thực hiện nghiên cứu thực địa. Nếu muốn nghiên cứu về sử thi Tây Nguyên, có thể đến các buôn làng Tây Nguyên vào những dịp kể sử thi để quan sát, ghi chú tên, nội dung của thiên sử thi, cách kể sử thi, bối cảnh,... Hoặc có thể tìm hiểu các văn bản sử thi, nhất là những bản gốc được lưu giữ trong thư viện, bảo tàng văn hoá quốc gia / tỉnh / thành phố hay qua các nghệ nhân dân gian.



Các công trình sử thi Tây Nguyên
(Viện Khoa học xã hội Việt Nam)



Đêm Khan của người Ê-đê ở huyện Cư M'gar,
tỉnh Đắk Lắk (Ảnh: Ngô Minh Đức)

Trong quá trình tìm kiếm tài liệu nghiên cứu về văn học dân gian, chúng ta sẽ thấy có nhiều nguồn và tài liệu khác nhau, trong đó, có những nguồn, tài liệu chưa thực sự đáng tin cậy. Vì vậy, cần phải tiến hành việc đánh giá làm căn cứ để lựa chọn tài liệu. Dưới đây là một số gợi ý:

1. Đọc tiêu đề và mục lục các phần, chương để có một cái nhìn tổng quan về nội dung tài liệu.
2. Tìm ngày, năm xuất bản để có thể chọn tài liệu cập nhật, gần với thời điểm tiến hành nghiên cứu nhất.
3. Tham khảo ý kiến của những người có hiểu biết để tìm được tài liệu của các tác giả có uy tín về chuyên môn, sát với vấn đề văn học dân gian cần nghiên cứu.
4. Tìm đọc thư mục tham khảo, các bảng chú giải thuật ngữ (danh sách các thuật ngữ chuyên ngành) để tìm kiếm thêm các nguồn tài liệu văn học dân gian khác có liên quan hoặc những thuật ngữ, khái niệm gắn với vấn đề đang nghiên cứu.

Chọn một trong các vấn đề ở bài tập 2 và tìm kiếm, thu thập tài liệu cần thiết theo hướng dẫn sau:

Vấn đề	Tài liệu	Nguồn (Internet, thư viện,...)
Vẻ đẹp độc đáo của hình tượng người anh hùng trong sử thi Tây Nguyên		
Ý nghĩa của nhân vật “thần” trong thần thoại Hy Lạp		
Những mô típ quen thuộc trong ca dao than thân của người Việt Nam (người Kinh)		

Gợi ý:

- Liệt kê tên và nguồn của các tài liệu tìm được.
- Đánh giá, xác định các tài liệu phù hợp với vấn đề văn học dân gian được lựa chọn.

2.3. Nghiên cứu sâu tài liệu

Bước tiếp theo của tiến trình nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian là thực hiện các thao tác nghiên cứu sâu nguồn tư liệu đã thu thập được. Có những thao tác cơ bản sau:

– *Đọc* là phương thức tìm kiếm, lĩnh hội thông tin từ tài liệu thông qua việc nhận thức về các yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ,...) được thể hiện trong tài liệu. Trong khi đọc, cần kết hợp giữa đọc tổng thể văn bản để có nhận thức ban đầu về cấu trúc và những nội dung lớn của tài liệu với đọc kĩ, đọc sâu các khía cạnh cụ thể có liên quan đến vấn đề văn học dân gian cần tìm hiểu, giải quyết.

– *Ghi chép* là phương thức thường được sử dụng kết hợp với đọc để ghi chú, lưu giữ những thông tin quan trọng; những từ ngữ, khái niệm, thuật ngữ cần tra cứu; những câu hỏi, băn khoăn nảy sinh trong lúc đọc; thậm chí cả những suy nghĩ, cảm xúc thời tại thời điểm đọc một nội dung nào đó. Có thể sử dụng sổ tay đọc, nhật kí đọc sách, giấy nhớ,... để ghi chép.

– *Tra cứu* là hoạt động bổ trợ cần thiết trong và sau khi đọc tài liệu nhằm giúp người đọc hiểu rõ ràng và đầy đủ hơn về các thông tin được đề cập trong văn bản đọc. Có thể tra cứu thông tin ở các trang khác trong cùng một tài liệu hoặc từ các nguồn tài liệu khác (sách, báo, công trình nghiên cứu, Internet,...), ví dụ: *Từ điển Tiếng Việt*, *Từ điển Văn học*, Wikipedia,...



Tự chọn một tài liệu in (từ nguồn thư viện) và một tài liệu điện tử (từ nguồn Internet), hãy tiến hành việc đọc, ghi chú và tra cứu những thông tin cần thiết giúp em trả lời một trong các câu hỏi nghiên cứu đã được xác định.

Gợi ý:

- Chọn một câu hỏi nghiên cứu ở một vấn đề văn học dân gian đã lựa chọn ở trên.
- Chọn những phần / chương / mục trong hai tài liệu (một bản in từ thư viện, một bản điện tử từ Internet) có nội dung liên quan trực tiếp đến việc trả lời câu hỏi nghiên cứu.
- Tiến hành việc đọc và ghi chú bằng cách gạch chân, ghi chú bên lề, sổ tay đọc, ... (Lưu ý: với bản tài liệu in, không ghi hay đánh dấu vào các trang sách).
- Xác định một số thuật ngữ, khái niệm, từ ngữ, ... cần tra cứu bằng từ điển, sách, báo, ... và tiến hành việc tra cứu.
- Tập hợp các thông tin cần thiết cho việc trả lời câu hỏi nghiên cứu.

3. Một số phương pháp nghiên cứu văn học dân gian

Phương pháp nghiên cứu văn học dân gian là cách thức tiến hành hoạt động nghiên cứu văn học dân gian nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra. Dưới đây là một số phương pháp cơ bản và quen thuộc:

– *Phương pháp phân tích văn bản*: Văn bản (văn tự) là một trong các phương thức tồn tại của văn học dân gian. Trải qua thời gian, nhiều tác phẩm văn học dân gian đã được sưu tầm, ghi chép lại dưới dạng văn bản viết. Vì thế, bám sát văn bản văn học dân gian để tìm hiểu, phân tích là một trong những yêu cầu cơ bản. Tuy nhiên, theo các nhà khoa học, không nên bám vào câu chữ đơn thuần mà cần bám vào các sự việc, tình tiết, hình ảnh, biểu tượng có giá trị, ý nghĩa hay những mô típ được lặp lại. Dưới đây là ví dụ về tìm hiểu một vấn đề văn học dân gian qua việc khảo sát, phân tích các văn bản và đưa ra nhận định, đánh giá của người nghiên cứu:

Mô típ: dùng cho đơn vị nhỏ hơn tác phẩm, chỉ những yếu tố cố định hoặc tương đối cố định, có mặt trong những tác phẩm văn học dân gian khác nhau. [...]

Trong ca dao cũng có những yếu tố cố định và tương đối cố định nằm ở nhiều bài khác nhau, nhưng những yếu tố đó thường không có quy mô lớn, có khi chỉ là một câu, một từ hoặc một nhóm từ. Ví dụ, xét những câu sau đây:

1. – Trên trời có đám mây xanh...
 - Trên trời có vẩy tê tê
 - Trên trời có đám mây vàng
 - Trên trời có ông sao Rùa...

2. – Trèo lên cây bưởi hái hoa...
 - Trèo lên cây gạo cao cao...
 - Trèo lên cây gỗ sơn son...
 - Trèo lên cây khế nửa ngày...
3. – Hôm qua tát nước đầu đình...
 - Hôm qua anh đến chơi nhà...
 - Tối qua chớp bể mưa nguồn...
 - Đêm qua ba bốn lần mơ...

Trong ba nhóm ca dao trên có ba mô típ (yếu tố cố định) khác nhau. Ở nhóm thứ nhất, mô típ cố định chỉ gồm có ba từ “Trên trời có”; ở nhóm thứ hai, mô típ cố định cũng gồm ba từ là “Trèo lên cây”; ở nhóm thứ ba, yếu tố cố định chỉ gồm một phó từ chỉ thời gian là “Hôm qua”, “Đêm qua” và “Tối qua”. Trong ca dao, ngoài loại mô típ từ ngữ cố định còn có những loại mô típ khác như những mô típ mang tính ẩn dụ “con cò”, “con kiến”, “con bướm”, “con ong”, “rồng”, “mây”, “đào”, “mận”, “trúc”, “mai”,... Cả hai loại mô típ trên đều mang tính ước lệ, tượng trưng với những mức độ và tính chất khác nhau. Loại mô típ từ ngữ cố định thường có nội dung ước lệ về thời gian, không gian (thời gian như “Hôm qua”, “Tối qua”, “Sáng ngày”, “Chiều chiều”; không gian, địa điểm như “Trên trời”, “Trèo lên cây”, “Trèo lên trái núi”,...). Việc thường xuyên sử dụng những mô típ cố định, những khuôn có sẵn đối với tác giả dân gian là việc làm tự nhiên, quen thuộc trong sáng tác. Họ coi chúng là những phương tiện diễn đạt thông thường giống như ngôn ngữ vậy! Năng lực sáng tạo của tác giả dân gian thường hướng nhiều vào sự tổ chức, sắp xếp các mô típ, các tình tiết trong phạm vi những khuôn truyền thống. Nhiều khi chỉ một thay đổi nhỏ mà làm cho các tác phẩm có một hiệu quả, một tác dụng thẩm mỹ lớn.

(Theo Hoàng Tiến Tựu, *Mấy vấn đề phương pháp giảng dạy – nghiên cứu văn học dân gian*, NXB(*) Giáo dục, 1997, trang 47 – 48)

– *Phương pháp so sánh*: Do văn học dân gian có tính dị bản nên trong quá trình nghiên cứu, cần chú ý so sánh, đối chiếu những bản ghi khác nhau, cụ thể là những chi tiết, sự việc, lời kể,... giống nhau và không giống nhau giữa các văn bản để tìm ra điểm chung và đặc sắc riêng. Từ đó, có nhận thức, lí giải, đánh giá đúng đắn, hợp lí về những quan niệm, suy nghĩ chung của cả cộng đồng, dân tộc và những cái riêng, độc đáo trong cách cảm, cách nghĩ của người dân ở từng địa phương, cũng như thấy được trí tuệ và sức sáng tạo của nhân dân. Sau đây là một ví dụ:

(*) NXB: viết tắt của Nhà xuất bản.

CHỦ ĐỒNG TỬ

[...]

3. So sánh các bản kể

Về truyện này, có các bản kể sau: bản của Vũ Ngọc Phan tức là bản được chọn trong sách *Văn 10*, lấy từ *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập I, NXB Văn học, 1972; bản của Nguyễn Đồng Chi trong *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, tập I, in lần thứ 4, 1972; bản kể trong sách *Lĩnh Nam chích quái*. Ngoài ra, còn có một số truyền thuyết và thần tích trong dân gian được ghi lại trong sách *Tứ bất tử*, 1990. Đối chiếu các bản kể trên đây, ta thấy: về cốt truyện, ba bản Vũ Ngọc Phan, Nguyễn Đồng Chi, *Lĩnh Nam chích quái* không có gì khác nhau lắm mà chỉ có sự khác nhau về một số chi tiết (sẽ được nói đến trong phần phân tích và bình luận dưới đây). Riêng bản *Tứ bất tử* có thêm hai chi tiết cần lưu ý để hiểu đầy đủ hơn ý nghĩa của truyện:

a) Dùng phép mầu để cứu nhân độ thế

Bản *Tứ bất tử*, theo sách *Hội Chân biên* cũng như theo truyền thuyết dân gian, thì cả ba vợ chồng Chủ Đồng Tử đều trở thành những nhà đại danh y, họ đã dùng phép mầu để chữa chạy cho dân làng. Ông Đình (phủ Khoái Châu, Hưng Yên) tai qua nạn khỏi. “Cả dân làng quỳ lạy ba ông bà, tôn làm chủ tế của cả vùng.” (trang 60). *Thần tích xã Đa Hoà* kể: “Lúc đó, ở ấp Ông Đình có 5, 6 người chết vì dịch, Đồng Tử dùng gậy chỉ vào những người chết đều sống lại, ăn nói như thường. Tây Cung (vợ thứ hai của Chủ Đồng Tử) lấy một tờ giấy trắng viết một chữ đỏ vào, đốt lên lấy tàn cho những người bị bệnh dịch uống, hàng trăm người đều khỏi cả. Già trẻ ở vùng Ông Đình kéo đến bái tạ và nhận làm tôi con.” (trang 71).

b) Dùng phép mầu để cứu nước

Bản *Tứ bất tử* kể hai truyền thuyết dân gian: truyền thuyết thứ nhất giống như đoạn cuối bản Vũ Ngọc Phan và bản *Lĩnh Nam chích quái* (bản Nguyễn Đồng Chi không có đoạn này) kể chuyện Chủ Đồng Tử cho Triệu Quang Phục vượt rừng để đánh thắng giặc Lương; truyền thuyết thứ hai kể chuyện Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn nằm mộng thấy đến thờ Chủ Đồng Tử, được biết trời đã định cho Lê Lợi làm vua nước Nam, nhờ đó đã tìm đường vào Lam Sơn tụ nghĩa (trang 61, 62).

(Nguyễn Xuân Lạc, *Giảng văn Văn học Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2005, trang 61)

– *Phương pháp quan sát* là phương pháp sử dụng giác quan tự nhiên (thị giác) và các công cụ quan sát để thu thập, ghi nhận những biểu hiện, đặc tính của sự vật, hiện tượng, con người, phục vụ cho việc nghiên cứu. Trong nghiên cứu văn học dân gian, quan sát được sử dụng chủ yếu trong hoạt động tìm hiểu đặc tính “diễn xướng” của tác phẩm văn học dân gian (ví dụ: kể sử thi, biểu diễn chèo, trình diễn ca dao, dân ca, ...), cũng như những dấu tích, dấu vết trong thực địa gắn liền với các chi tiết nghệ thuật trong các sáng tác văn học dân gian, nhất là truyền thuyết. Để ghi lại thông tin, bên cạnh các phương tiện như điện thoại, máy ảnh, máy quay phim, ... , người nghiên cứu có thể sử dụng phiếu quan sát để xác định những thông tin cần quan sát, ghi chép những thông tin thu thập được theo mục tiêu đã định và cả những suy nghĩ, cảm xúc, nhận xét trong và sau khi quan sát.

– *Phương pháp nghiên cứu thực địa / điền dã*: Một trong những đặc trưng cơ bản của văn học dân gian là “tính diễn xướng” (tính biểu diễn). Theo nhà nghiên cứu Hoàng Tiến Tựu, “tác phẩm văn học dân gian sinh ra trong biểu diễn, lớn lên bằng biểu diễn và tồn tại ở dạng sinh động nhất cũng là dạng biểu diễn”⁽¹⁾. Do đó, khi nghiên cứu văn học dân gian, bên cạnh việc nghiên cứu văn bản bằng văn tự, cần dành thời gian nhất định để đi vào môi trường sống, sinh hoạt văn hoá cộng đồng của nhân dân, nhất là về các địa phương gốc của những tác phẩm, vấn đề văn học dân gian cần tìm hiểu.

Ở phương pháp này, có một hoạt động đặc trưng mà những người nghiên cứu văn học dân gian thường tiến hành, đó là “điều tra văn học dân gian”. Theo Hoàng Tiến Tựu, “có thể phân điều tra văn học dân gian thành hai loại chính là điều tra cơ bản và điều tra chuyên đề (hay chuyên biệt). Điều tra cơ bản là loại điều tra tương đối toàn diện, có hệ thống tình hình cơ bản của văn học dân gian một địa phương (một làng, bản hay một xã, cụm xã nhất định). Chẳng hạn, điều tra cơ bản về văn học dân gian một làng,... Điều tra chuyên đề (hay chuyên biệt) nhằm phục vụ cho những yêu cầu nghiên cứu nhất định. Ví dụ: a) Điều tra vốn hiểu biết văn học dân gian của một người cao tuổi hoặc một nghệ nhân dân gian có tiếng của một làng,...; b) Điều tra dị bản, diễn bản và ý kiến của nhân dân về một tác phẩm văn học dân gian có giá trị nào đó (ví dụ: truyện *Tám Cám*, truyện *Thạch Sanh*, truyện *Trương Chi*, ca dao *Thằng Bờm*,...).”⁽²⁾. Dưới đây là ví dụ về một hoạt động điều tra văn học dân gian:

Theo Giáo sư Đinh Gia Khánh, vào đầu những năm 60, trong một cuộc điều tra văn học dân gian tại một vùng ở tỉnh Phú Thọ, đoàn công tác của Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội đã thăm dò ý kiến của nhân dân một làng về câu ca dao:

*Thóc bổ thương kẻ ăn đong
Có chổng thương kẻ nằm không một mình.*

Một số người tán thưởng, một số người phản bác câu đó. Những người phản bác cho rằng nói như câu ca dao trên là không đúng, vì chỉ có những người cùng giai cấp, cùng cảnh ngộ mới có tình thương yêu và sự thông cảm với nhau thực sự. Và cho câu ca dao trên phải sửa lại như sau mới đúng:

*Dốc bổ thương kẻ ăn đong
Vắng chổng thương kẻ nằm không một mình.*

Như vậy là câu ca dao (hay cũng có thể gọi là tục ngữ, vì nó tổng kết một kinh nghiệm sống, một nhận xét về quan hệ tình cảm của con người, vừa có sắc thái biểu cảm) có hai dị bản bổ sung cho nhau. Mỗi dị bản đều phản ánh được một phần thực tế, một phần kinh nghiệm sống của nhân dân. Và vì chỉ là kinh nghiệm nên tính tổng hợp, khái quát hoá không cao, không đúng với mọi trường hợp, đó là điều dễ hiểu.

(Hoàng Tiến Tựu, *Mấy vấn đề phương pháp giảng dạy – nghiên cứu văn học dân gian*.
Sách đã dẫn, trang 203 – 204)

(1), (2) Hoàng Tiến Tựu, *Mấy vấn đề phương pháp giảng dạy – nghiên cứu văn học dân gian*. Sách đã dẫn, trang 202 – 203.

– *Phương pháp sưu tầm văn học dân gian* là phương pháp gần gũi với phương pháp thực địa / điền dã nhưng không phải là thực địa / điền dã vì hoạt động sưu tầm có thể diễn ra ở những không gian khác (ví dụ: thư viện, không gian mạng,...). Tất nhiên, đặc trưng của phương pháp này vẫn là cách thức tiến hành các hoạt động tìm kiếm, tập hợp, phân loại những sáng tác truyền miệng trong dân gian. Dưới đây là ví dụ về hoạt động sưu tầm văn học dân gian, trường hợp tác phẩm *Đẻ đất đẻ nước* (sử thi Mường):

Văn bản đầu tiên được sưu tập là một bài mo không thuần nhất với độ dài ban đầu trên 20 000 câu. Công lao sưu tập này thuộc về hai cha con nhà thơ người Mường là Vương Anh. Nhà thơ thuật lại: Mới học lớp Ba mà bố đã bắt Vương Anh làm công việc ghi mo. Ông mời các ông mo nổi tiếng đến, bày cơm rượu ăn để các ông đọc cho Vương Anh ghi. Cái khó khăn lớn của việc ghi mo này đối với cậu học sinh mười tuổi là: người Mường chưa có chữ viết. Cũng may là tiếng Mường lại gần gũi tiếng Việt, nên Vương Anh cứ tự sáng tác ra cách ghi. Hai bố con dắt nhau đi hết mường này đến mường khác. Sau mấy năm, họ đã có một tập giấy dày chùng gang tay, khói bếp và bụi bặm bám vàng. Tập giấy đã đi qua mường Khê, mường Ống, mường Lựt, mường Lồ,... Sau này, Vương Anh dịch sang tiếng Việt.

Văn bản thứ hai do Ty Văn hoá Thanh Hoá công bố năm 1975, Vương Anh, Hoàng Anh Nhân sưu tầm, chỉnh lí, phiên âm và dịch ra tiếng Việt. Điều đáng lưu ý là: căn cứ vào những chỉ dẫn trong văn bản đầu, các soạn giả vạch lại con đường “kéo chu” trên thực địa. Họ lần theo con đường ấy, hướng sự chú ý vào bảy vùng mường: Ống, Ai, Lãm, Yển, Rặc, Dồ, La Khơn. Kết quả là họ tìm ra được nhiều văn bản khác nhau. Sau khi đối chiếu, cân nhắc, còn bảy văn bản, họ chọn bản của mường Yển làm cơ sở biên soạn thành sách trên.

Văn bản thứ ba: Theo thời gian công bố chính thức, văn bản này ra đời sau văn bản trên một năm. Ông Bùi Văn Kín cho biết: Bản này lấy tài liệu của bốn mường: Bi, Vang, Thàng, Động làm căn cứ chính, đồng thời có sử dụng các nguồn tài liệu ở một số vùng khác thuộc tỉnh Hoà Bình. Nó đã được ấn hành dưới tiêu đề: *Đẻ đất đẻ nước, thơ ca dân gian dân tộc Mường*, lời tựa của Bùi Văn Kín, NXB Văn học, Hà Nội, 1976.

Văn bản thứ tư: Bản *Đẻ đất đẻ nước* (sử thi Mường) do ba soạn giả Vương Anh, Hoàng Anh Nhân, Đặng Văn Lung sưu tập (phần giới thiệu và khảo dị của Đặng Văn Lung), NXB Khoa học xã hội ấn hành.

(Vũ Anh Tuấn, *Giảng văn Văn học Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2005, trang 8)

Đối tượng mà hoạt động sưu tầm văn học dân gian hướng tới chính là nhân dân. Đó là những người đã tích lũy được một “vốn văn học dân gian” trong quá trình sinh sống hằng ngày. Tuy nhiên, sự hiểu biết, tích lũy về văn học dân gian của mỗi người không giống nhau, có người biết nhiều truyện cổ tích, người thuộc nhiều ca dao, dân ca,

có người lại nhớ được nhiều làn điệu chèo cổ,... Vì thế, để xác định đúng đối tượng, cần phải sử dụng các cách thức khác nhau như hỏi ý kiến các chuyên gia, thăm dò những người ở trong vùng khảo sát, tìm gặp và xin gợi ý, hướng dẫn của cán bộ văn hoá, trưởng làng, trưởng bản, giáo viên địa phương,... Trong quá trình đó, việc xác định đúng đối tượng có thể sẽ không thuận lợi ngay từ đầu nên người sưu tầm cần kiên nhẫn vì từ đối tượng này sẽ tìm ra đối tượng khác trong một làng hoặc ở các làng khác,...

Để tiến hành hoạt động sưu tầm, một trong những hoạt động cơ bản và quen thuộc là ghi chép. Nhưng không thể ghi chép tùy tiện mà cần có cách thức ghi chép khoa học, có mục đích, ý tưởng rõ ràng.

Trong quá trình ghi chép, có thể xảy ra tình huống: người ghi chép không thể ghi kịp do người cung cấp đang hát, nói hoặc kể một cách hào hứng với tốc độ nhanh. Khi đó, người sưu tầm không nên yêu cầu họ ngừng lại hoặc diễn chậm lại vì điều đó sẽ làm họ mất hứng, gây gián đoạn diễn trình tái tạo tác phẩm. Trong bối cảnh ấy, có thể áp dụng những biện pháp như: a) Dùng các phương tiện ghi âm (máy ghi âm, điện thoại,...) để ghi lại; b) Ghi nhanh (tốc kí). Theo gợi ý của các nhà nghiên cứu có kinh nghiệm, “nếu tốc kí vẫn không kịp thì nên “ghi cách quãng” hay ghi “cóc nhảy”, tức là chưa ghi liên tục, đầy đủ, nhưng cố gắng theo dõi sát lời người kể, những câu người kể lướt nhanh không thể ghi kịp thì để trống, chỉ chọn ghi một số câu (thậm chí có câu chỉ ghi được một số từ), sau đó sẽ hỏi lại và điền vào chỗ trống,... Nếu nhóm sưu tầm gồm hai, ba người thì có thể áp dụng biện pháp phân công và phối hợp...”⁽¹⁾.

– *Phương pháp khảo sát* (bằng phiếu hỏi, phỏng vấn) là phương pháp thu thập thông tin về vấn đề văn học dân gian thông qua việc khảo sát ý kiến, quan điểm của một (một số) đối tượng nào đó có liên quan. Ví dụ: nhà nghiên cứu văn học dân gian; nhân dân ở một buôn, làng nào đó; giáo viên dạy Ngữ văn; cán bộ văn hoá ở địa phương;... Việc khảo sát được tiến hành qua phiếu hoặc phỏng vấn hoặc kết hợp cả hai hình thức. Có hai cách cơ bản:

+ Cách 1 là khảo sát bằng phiếu một lượng mẫu phù hợp để có thông tin chung, sau đó, từ thông tin thu thập được, tiến hành phỏng vấn một số trường hợp tiêu biểu để tìm hiểu thêm thông tin. Ví dụ: dùng phiếu hỏi để khảo sát 30 người dân ở làng Phù Đổng về kết thúc truyện *Thánh Gióng*. Giả sử hầu hết ý kiến đều nhắc đến kết thúc truyện *Thánh Gióng* như trong sách giáo khoa nhưng trong số các câu trả lời thu được, có 2 – 3 câu nhắc đến kết thúc khác: Trước khi bay về trời, Thánh Gióng đã xuống tắm ở Hồ Tây. Từ thông tin này, người nghiên cứu sẽ tiếp tục phỏng vấn những cá nhân có câu trả lời đó để tìm hiểu thêm thông tin. Chẳng hạn: Từ nguồn nào, anh / chị biết được điều đó? Anh / Chị có lưu giữ bản kể nào có kết thúc như thế không? Anh / Chị đánh giá thế nào về cách kết thúc ở các bản kể khác nhau của truyện *Thánh Gióng*?

(1) Hoàng Tiên Tựu, *Mấy vấn đề phương pháp giảng dạy – nghiên cứu văn học dân gian*. Sách đã dẫn, trang 198 – 199.

+ Cách 2 là phỏng vấn một số cá nhân có hiểu biết về vấn đề văn học dân gian, sau đó, từ những thông tin thu thập được, tiến hành khảo sát bằng phiếu trên một mẫu rộng hơn để tìm hiểu thêm thông tin. Ví dụ: Qua phỏng vấn một số cán bộ đã, đang làm công tác văn hoá ở làng Phù Đổng, người nghiên cứu được biết, đại bộ phận người dân làng Phù Đổng không biết chi tiết: Sau khi đánh tan giặc, Thánh Gióng đã xuống tắm ở Hồ Tây rồi bay về trời. Từ thông tin này, người nghiên cứu sẽ lựa chọn một số người đại diện cho những người cao tuổi, một số đại diện cho tầng lớp trung niên và một số đại diện cho thanh thiếu niên rồi tiến hành khảo sát để xác minh thông tin trên. Từ kết quả khảo sát, có thể nhận định về mức độ phổ biến của từng bản kể và thái độ của người dân về những cách kết thúc truyện *Thánh Gióng*.



1. Hãy nêu một ví dụ về hoạt động nghiên cứu và chỉ ra ý nghĩa / tác dụng của hoạt động nghiên cứu đó với con người hoặc cá nhân em.
2. Hãy nêu ví dụ về một vấn đề nghiên cứu văn học dân gian và xác định các câu hỏi nghiên cứu cho vấn đề đó.
3. Trình bày ngắn gọn cách tìm kiếm, xác định tư liệu cho vấn đề văn học dân gian mà em vừa xác định ở câu 2.
4. Trình bày một số phương pháp nghiên cứu văn học dân gian và lí giải căn cứ của việc xác định những phương pháp nghiên cứu này.

II. VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

1. Thế nào là viết báo cáo nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian?

Viết báo cáo nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian là trình bày những kết quả đã tìm hiểu được về một vấn đề của văn học dân gian bằng văn bản viết. Đây là kiểu văn bản thông tin (báo cáo khoa học), thể hiện các nội dung mô tả và suy luận, phân tích và đánh giá, bình luận và kết luận của người nghiên cứu văn học dân gian một cách tường minh, lô gích, thuyết phục theo một cấu trúc nhất định.

2. Viết báo cáo nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian như thế nào?

a) Chuẩn bị

Đây là bước chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc viết báo cáo, bao gồm:

- Sắp xếp tài liệu theo các nội dung nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu.
- Phác thảo đề cương / dàn ý của báo cáo với những phần, chương (nếu có), đề mục lớn.

b) Viết báo cáo

Viết tiêu đề

Tiêu đề là phần đầu tiên của báo cáo. Tiêu đề nên được diễn đạt một cách ngắn gọn (không nhiều hơn 15 chữ) và phải nêu rõ vấn đề văn học dân gian sẽ được trình bày trong báo cáo. Ví dụ: Hình tượng “con cò” trong ca dao của người Kinh.



Từ các gợi ý sau, em hãy viết tiêu đề cho một báo cáo nghiên cứu:

Thần thoại Hy Lạp	
Sử thi Ấn Độ	
Ca dao hài hước	
Truyện truyền thuyết	
Truyện cổ tích	

Gợi ý:

Bằng hiểu biết, hứng thú của bản thân và từ việc tham khảo một số tài liệu liên quan (nếu cần), xác định một vấn đề cụ thể mà em muốn tìm hiểu. Ví dụ: Vẻ đẹp của các “nữ thần” trong thần thoại Hy Lạp.

Viết phần mở đầu

– Nêu lí do lựa chọn vấn đề văn học dân gian (ví dụ: xuất phát từ ý nghĩa của vấn đề văn học dân gian đối với bản thân, địa phương đang sinh sống; hay từ yêu cầu cần phải thực hiện của một dự án học tập về văn học dân gian; hoặc sự đam mê, hứng thú với vấn đề đó;...).

– Trình bày các câu hỏi nghiên cứu.

– Mô tả cách thức đã triển khai tìm hiểu, nghiên cứu vấn đề văn học dân gian như: các phương pháp đã sử dụng (phương pháp phân tích văn bản, phương pháp nghiên cứu thực địa, phương pháp so sánh, đối chiếu,...), công cụ tìm kiếm, tra cứu tư liệu (Internet, thư viện điện tử,...), các cách thức quan sát, khảo sát (bảng hỏi, phiếu quan sát, câu hỏi phỏng vấn,...),...

– Giới thiệu ngắn gọn nội dung chính của các phần tiếp theo.

Tham khảo bố cục sau cho phần mở đầu:

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

.....
.....

2. Mục đích nghiên cứu

.....
.....

3. Câu hỏi nghiên cứu

.....
.....

4. Phương pháp nghiên cứu

.....
.....



Từ một trong những vấn đề dưới đây, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 20 – 30 dòng) giới thiệu ý nghĩa hoặc lí do lựa chọn vấn đề nghiên cứu đó và một đoạn văn trình bày các cách thức triển khai nghiên cứu:

- *Vẻ đẹp độc đáo của hình tượng người anh hùng trong sử thi Tây Nguyên.*
- *Những mô típ quen thuộc trong ca dao than thân của người Việt Nam (người Kinh).*

Gợi ý:

– Suy nghĩ về ý nghĩa thực tiễn của vấn đề đó đối với việc học văn học nói chung, văn học dân gian nói riêng (ví dụ: làm rõ cái hay, cái đẹp, cái độc đáo của văn học dân gian; giúp việc tiếp nhận tác phẩm văn học dân gian thuận lợi, đúng đắn hơn;...) và với cuộc sống (ví dụ: vấn đề bảo tồn giá trị văn hoá đặc sắc của cộng đồng, dân tộc; vấn đề tiếp thu tinh hoa văn hoá nước ngoài; hiểu biết và vận dụng kinh nghiệm sống của người xưa;...).

– Nêu các phương pháp, công cụ đã sử dụng để tìm hiểu tư liệu, tra cứu, ghi chú, tổng hợp thông tin có liên quan đến vấn đề văn học dân gian.

– Trình bày lần lượt các kết quả nghiên cứu văn học dân gian có liên quan đến các câu hỏi nghiên cứu đã được xác định trước đó. Kết quả có thể được trình bày lần lượt theo mức độ quan trọng của nội dung.

– Nội dung báo cáo được thể hiện dưới dạng các đoạn văn, mỗi đoạn cần nêu rõ luận điểm và luận cứ. Tùy thuộc vào nội dung mà mỗi đoạn có sự kết hợp ở các mức độ khác nhau giữa lí lẽ và dẫn chứng, mô tả và bình luận, phân tích và đánh giá. Phần nội dung có thể trình bày theo các đề mục, thậm chí các chương (nếu là báo cáo lớn, có nhiều nội dung). Mỗi đề mục nhỏ hoặc chương cần có tiêu đề để định hướng cho người viết tập trung vào nội dung cần phải trình bày cũng như giúp người đọc có nhận thức tổng quan về vấn đề sẽ được diễn giải sau đó.

Tham khảo đoạn viết sau:

c) Văn học dân gian là những sáng tác nghệ thuật gắn liền với sinh hoạt nhân dân

Văn học dân gian nảy sinh và tồn tại như *một bộ phận hợp thành* của sinh hoạt nhân dân. Mối liên hệ này có thể ví như mối liên hệ của một sinh thể với môi trường sống của nó. Đây vốn cũng là một đặc tính của folklore thời cổ được duy trì khá bền vững trong văn học dân gian truyền thống. Vì mỗi thể loại văn học dân gian gắn chủ yếu với một mảng sinh hoạt cụ thể và phạm vi sinh hoạt đó là “hệ sinh thái” của nó, là bầu không khí cần cho sự hô hấp của nó, và vì mỗi lĩnh vực sinh hoạt truyền thống cũng không thể thiếu được yếu tố văn học dân gian của nó, cho nên người ta cũng chỉ thật sự hiểu được sáng tác dân gian khi nó đang “sống” cuộc sống tự nhiên của nó và khi chính họ cũng giao hoà được với cơ cấu sinh hoạt – xã hội ấy. Xuân Diệu đã có một nhận xét rất tinh tế: “Cái hay, cái sâu sắc của ca dao, cái hồn của ca dao chỉ lộ ra được hết khi ta sống với nó, khi ca dao làm thành không khí ta thở, ca dao quyện làm một với nét mặt những nhà cửa, chòm xóm, làng mạc, khi ca dao cất lên rất trữ tình một cách hồn nhiên; ca dao đã thành một cái điệu của tâm hồn cảnh vật và tâm hồn người;...”.

Đặc trưng “gắn liền với sinh hoạt nhân dân” của văn học dân gian không chỉ nói lên mối liên hệ hữu cơ của nó với sinh hoạt mà còn nói lên vai trò và tác dụng thực tế của nó trong sinh hoạt nhân dân. Các thể loại văn học dân gian được sáng tác, được sử dụng không chỉ nhằm mục đích thẩm mĩ đơn thuần mà còn nhằm những mục đích ích dụng thiết thực nào đó. Người ta gọi đó là chức năng thực hành – sinh hoạt của văn học dân gian. Chức năng này biểu lộ rõ khi tác phẩm văn học dân gian được sử dụng. Chẳng hạn: *Hát ru* không chỉ là khúc tâm tình của người mẹ, nó được hát lên (không nhất thiết chỉ bởi người mẹ) đơn giản cốt để ru trẻ ngủ; *Hò lao động* cất lên

đượm ý vị trữ tình, để biểu hiện một nỗi niềm, một cảm nghĩ của chủ thể bài ca, của những người tham gia diễn xướng, song hò lên cũng là để cảm trịch nhịp điệu lao động, điều hoà sự phối hợp các thao tác lao động; *Hò đưa linh* là những áng dân ca được sáng tác để mở lối thoát cho nỗi buồn tử biệt và biểu đạt những triết luận về kiếp người;... nhưng trong sử dụng, nó còn là một phương tiện để điều hành tang lễ,... Một số thể loại như thần thoại, sử thi, truyện cổ tích,... thoát tiên, đã nảy sinh và tồn tại như một yếu tố thích hợp của nghi lễ. Về sau, khi những nghi lễ này biến đổi hoặc mất đi, chúng mới tách ra và có cuộc sống độc lập. Tuy vậy, dấu vết của mối liên hệ nguyên thủy kia vẫn chưa mất hẳn ở chức năng thực hành – sinh hoạt của chúng. Chẳng hạn, chức năng giáo huấn của truyện cổ tích bắt nguồn từ vai trò của các thể loại truyện kể nói trên trong nghi lễ thành đinh thời cổ, tức là nghi lễ thừa nhận người con trai đã thành “người lớn” (sau này là 18 tuổi), trong buổi lễ, anh ta được dạy bảo những điều thuộc pho hiểu biết được bảo tồn nghiêm ngặt của thị tộc.

(Đỗ Bình Trị, *Phân tích tác phẩm văn học dân gian*,
NXB Giáo dục, 1995, trang 28 – 29)

– Các dẫn chứng, trích dẫn cần có nguồn đầy đủ, có thể sử dụng cách cước chú (footnote) hoặc đánh số trích dẫn gắn với tài liệu tham khảo ở phần cuối của bản báo cáo.



Từ một vấn đề được lựa chọn ở bài tập 2, hãy viết các đoạn văn thể hiện những nhận định, đánh giá và nội dung thông tin mà em đã tìm hiểu được.

Gợi ý:

Từ các câu hỏi nghiên cứu, xác định các đề mục theo một trật tự hợp lí, căn cứ từng vấn đề đã được nêu trong đề mục, viết một hoặc một số đoạn văn trình bày những nội dung cụ thể, bao gồm những thông tin đã tìm hiểu được qua tài liệu, quan sát, điều tra,... và những nhận định, bình luận, đánh giá của người viết.

Viết phần kết luận

Những nội dung chính được trình bày trong phần kết luận gồm:

- Khẳng định ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề nghiên cứu.
- Khái quát các kết quả quan trọng đã đạt được.
- Nêu hướng hoặc vấn đề nghiên cứu liên quan trong tương lai.



Từ một vấn đề văn học dân gian được lựa chọn ở bài tập 2, em hãy viết đoạn văn kết luận khoảng 10 dòng.

Gợi ý:

Từ kết quả thực hiện bài tập 3, em có thể viết kết luận theo hướng dẫn trên.

Trình bày phân tài liệu tham khảo

Phần này trình bày những tài liệu đã tham khảo trong quá trình khai thác thông tin, dữ liệu phục vụ cho việc giải quyết vấn đề nghiên cứu. Việc đánh số tài liệu tham khảo cần gắn kết chặt chẽ với các trích dẫn trong báo cáo để giúp người đọc có thể xác định, kiểm tra nội dung trích dẫn, đồng thời đảm bảo tính khách quan, trung thực của người viết. Có thể sử dụng các phần mềm hoặc các công cụ trên máy tính để sắp xếp, định dạng danh mục các tài liệu tham khảo. Ví dụ: APA, IEEE,... trong chức năng Reference của phần mềm Microsoft Word.

Các tài liệu tham khảo được trình bày theo các nhóm ngôn ngữ: tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Ở mỗi nhóm, sắp xếp tài liệu theo Alphabet tên hoặc họ của tác giả hoặc tác giả đứng đầu. Mỗi tài liệu (sách, giáo trình,...) cần nêu rõ các thông tin: Tác giả, năm xuất bản tài liệu, tên tài liệu, nhà xuất bản. Với những bài báo trên các tạp chí, cần nêu thêm tên tạp chí và số của các trang có bài báo.

Ví dụ:

TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. Nguyễn Bích Hà (2015), *Giáo trình Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Ngọc Lan (2015), “Mô típ “người mang lột cóc” trong truyện cổ tích từ góc nhìn dân tộc học”, *Tạp chí Văn hoá dân gian*, số 3, tr. 64 – 70.
3. Lê Chí Quế, Võ Quang Nhơn, Nguyễn Hùng Vĩ (2004), *Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

TÀI LIỆU TIẾNG ANH

4. Tran Quynh Ngoc Bui (2009), *Structure and Motif in the Innocent Persecuted Heroine Tale in Vietnam and Other Southeast Asian Countries*, International Research in Children's Literature, Vol 2, pp. 1 – 4.



Từ một vấn đề văn học dân gian được lựa chọn và triển khai qua các bài tập 1 – 4, em hãy lập danh mục ba tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt.

Gợi ý:

Chọn các tài liệu có liên quan đến vấn đề văn học dân gian đang triển khai, căn cứ vào hướng dẫn trên, sắp xếp theo thứ tự tên tác giả.

Trình bày phụ lục

Phụ lục là phần nêu các minh chứng cụ thể của nghiên cứu, giúp người đọc hiểu rõ hơn về nội dung, cách thức mà người viết đã thực hiện. Có các dạng minh chứng cơ bản sau: văn bản (ví dụ: văn bản tác phẩm, các dị bản); hình ảnh, video (đường link) về các buổi diễn xướng thể loại văn học dân gian; các phiếu khảo sát, quan sát, bảng hỏi, phiếu phỏng vấn, biên bản phỏng vấn nhà nghiên cứu văn học dân gian,...



Từ một vấn đề văn học dân gian đã được lựa chọn và triển khai qua các bài tập 1 – 5, em hãy trình bày một hoặc một số minh chứng ở phần phụ lục.

Gợi ý:

Chọn một số hình ảnh, tài liệu có tác dụng giải thích, chứng minh, làm rõ thêm cho các khía cạnh được đề cập trong phần nội dung và lần lượt trình bày theo thứ tự của các chương / mục. Đặt đề mục: Phụ lục 1, Phụ lục 2,... cho các minh chứng.

c) Kiểm tra, chỉnh sửa báo cáo

Để rà soát, chỉnh sửa báo cáo, người viết có thể sử dụng bảng sau:

Nội dung	Đạt / Có	Chưa đạt / Không
Tiêu đề và các yêu cầu nêu tiêu đề		
Phần mở đầu và các nội dung cần trình bày		
Sự rõ ràng và hợp lí của các luận điểm trong phần nội dung		
Việc cung cấp nguồn cho các trích dẫn		
Các tài liệu tham khảo và cách trình bày		
Phần phụ lục và các minh chứng		
Văn phong khoa học (từ ngữ, câu văn, diễn đạt,...)		
Lỗi chính tả / lỗi đánh máy		
Hình thức trình bày (đánh số thứ tự các phần, chương, mục,...)		

Hoặc cũng có thể nhờ thầy, cô, bạn bè và những người có hiểu biết về vấn đề này đọc, góp ý, nhận xét.

d) Công bố

Báo cáo nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian có thể được công bố dưới các hình thức như:

- Trình bày trong buổi báo cáo kết quả của một dự án học tập về văn học dân gian.
- Trình bày trong buổi sinh hoạt ngoại khoá về chủ đề văn học dân gian của Câu lạc bộ Văn học nghệ thuật của nhà trường.
- Gửi đăng các báo, tạp chí về văn học quen thuộc, vừa sức với học sinh phổ thông.
- Tham gia các cuộc thi về nghiên cứu khoa học dành cho học sinh phổ thông.
- Đưa vào các tài liệu tuyên truyền, giới thiệu về văn hoá, văn học của địa phương.



1. Thế nào là viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian?
2. Sử dụng sơ đồ tư duy mô tả cấu trúc và nội dung của từng phần trong một báo cáo nghiên cứu về vấn đề văn học dân gian.
3. Cần chú ý những yếu tố gì khi viết các phần của báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian?

III. THUYẾT TRÌNH MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

1. Thế nào là thuyết trình một vấn đề văn học dân gian?

Thuyết trình một vấn đề văn học dân gian là trình bày một cách rõ ràng, chặt chẽ và hấp dẫn những kết quả nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian bằng ngôn ngữ nói và các phương tiện phi ngôn ngữ.

2. Nội dung thuyết trình một vấn đề văn học dân gian là gì?

Dựa vào kết quả nghiên cứu và bản báo cáo nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian, tùy vào thời gian cho phép, người nói cần trình bày lần lượt các nội dung sau:

a) Phần mở đầu

- Tên của vấn đề văn học dân gian được nghiên cứu.
- Lí do lựa chọn / ý nghĩa của vấn đề văn học dân gian được nghiên cứu.
- Các câu hỏi nghiên cứu.
- Cách thức triển khai nghiên cứu (các phương pháp, công cụ nghiên cứu,... đã sử dụng).

b) Những nội dung nghiên cứu chính

Dựa vào đề cương và báo cáo đã viết để giới thiệu các nội dung chính.

c) Kết thúc

- Tóm lược ngắn gọn kết quả nghiên cứu.
- Có thể nêu hướng triển khai tiếp.
- Tùy theo bối cảnh, điều kiện trình bày, có thể nêu thêm: tài liệu tham khảo, phụ lục.

3. Thuyết trình một vấn đề văn học dân gian như thế nào?

a) Chuẩn bị

- Tóm tắt những nội dung chính của báo cáo nghiên cứu theo từng phần, mục.
- Từ nội dung tóm tắt, lựa chọn các đề mục và các luận điểm, luận cứ tiêu biểu để trình bày trên giấy khổ A0 hoặc các trang của phần mềm trình chiếu (ví dụ: PowerPoint). Việc trình bày này cần hạn chế số chữ, tránh đưa cả đoạn văn bản lên trang trình chiếu (trừ trường hợp cần trích dẫn đầy đủ ý kiến, nhận định), cần tăng cường các hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ, biểu tượng để nội dung trình bày sinh động, hấp dẫn.

– Chuẩn bị các công cụ phục vụ cho việc thuyết trình (máy tính, máy chiếu, loa,...). Văn học dân gian có tính diễn xướng nên nhiều nội dung cần minh họa, trình chiếu bằng âm thanh, hình ảnh sống động, thậm chí có thể tập biểu diễn một số làn điệu, động tác; nên chuẩn bị trang phục gắn với vấn đề văn học dân gian sẽ được trình bày. Ngoài ra, cần có các công cụ ghi chép những câu hỏi của người nghe để trao đổi, trả lời.

– Trong một số trường hợp, thiết kế thêm bản tài liệu phát tay để những người dự có thể kết hợp giữa nghe và đọc.

– Tập trình bày cá nhân hoặc trong nhóm để chỉnh sửa, hoàn thiện nội dung và cách thức trình bày.

– Chuẩn bị phương tiện ghi âm, ghi hình buổi báo cáo để rút kinh nghiệm sau khi kết thúc.

b) Trình bày

– Trình bày nội dung đã chuẩn bị.

– Chú ý:

+ Trình bày phần mở đầu:

Có hai cách cơ bản khi bắt đầu, đó là mở đầu trực tiếp và gián tiếp.

• Mở đầu trực tiếp là nêu ngay vấn đề cần thuyết trình với những lời nói quen thuộc, chẳng hạn: Xin chào thầy cô và các bạn! / Tôi tên là... / Sau đây, tôi sẽ thuyết trình về vấn đề...

• Với mở đầu gián tiếp, người trình bày có thể dùng video, hình ảnh hay đặt câu hỏi để thu hút người nghe trước khi nêu vấn đề thuyết trình.

Mở đầu là bước tiếp xúc đầu tiên với người nghe nên việc tạo ấn tượng tốt ở khâu khởi đầu này rất có ý nghĩa. Do đó, mở đầu cần tự nhiên, hấp dẫn, lôi cuốn. Cách mở đầu gián tiếp hoặc một cách trình bày sáng tạo khác là những phương án mà người trình bày nên sử dụng.

+ Ở cuối phần mở đầu, có thể thông báo trước cho người nghe về kế hoạch trình bày và thảo luận.

Tham khảo ví dụ sau:

- Trong khoảng thời gian 20 phút, tôi sẽ trình bày cụ thể vấn đề...
- Trong khi tôi thuyết trình, các bạn có thể ghi các câu hỏi hoặc băn khoăn, thắc mắc cần được làm rõ thêm.
- Sau khi tôi báo cáo xong, các bạn có thể đưa ra câu hỏi, ý kiến để cùng trao đổi. Tôi sẽ dành 10 phút cuối buổi thuyết trình để giải đáp thắc mắc của các bạn.

+ Trình bày phần nội dung: cần có những từ ngữ kết nối giữa các phần, mục để đảm bảo tính liên mạch của báo cáo và giúp người nghe theo dõi một cách dễ dàng.

Tham khảo ví dụ sau:

Có thể nối các ý bằng những từ / cụm từ sau:

- Đúng vậy / Đúng thế
- Tôi muốn chuyển sang nói về... Bên cạnh đó / Mặt khác...
- Đó là tất cả những gì tôi muốn nói về...
- Điều này dẫn tới ý tiếp theo...

c) Rút kinh nghiệm

Có thể sử dụng một trong hai cách sau hoặc kết hợp cả hai để rút kinh nghiệm:

– Tự đánh giá qua bản ghi âm, ghi hình của bản thân theo bảng sau:

TT	Nội dung đánh giá	Có	Không	Khác
1	Nội dung báo cáo			
	– Phần mở đầu nêu được vấn đề và thu hút sự chú ý của người nghe			
	– Phần nội dung trình bày được đầy đủ các khía cạnh của vấn đề theo các câu hỏi nghiên cứu			
	– Phần kết luận khẳng định được những kết quả chính theo mục tiêu đã đề ra và hướng nghiên cứu tiếp theo			
2	Người báo cáo			
	– Tác phong đĩnh đạc, tự nhiên			
	– Ánh mắt, nét mặt thân thiện			
	– Điệu bộ, cử chỉ phù hợp với nội dung ở từng phần			
	– Ngôn ngữ trong sáng, biểu cảm			

3	Người nghe			
	– Sự tập trung khi nghe			
	– Ghi chép, trao đổi, đặt câu hỏi			
	– Có cảm xúc, thái độ tích cực			

– Trao đổi với thầy, cô, bạn bè và những người nghe khác về những điểm tốt cần phát huy, điểm hạn chế cần khắc phục của bản thân để những phần trình bày sau có chất lượng cao hơn.

Trong một số trường hợp có thể sử dụng phiếu đánh giá / nhận xét hoặc Google Biểu mẫu để khảo sát ý kiến của người nghe về phần trình bày theo các gợi ý 1, 2 trong bảng nêu trên.



Dựa vào báo cáo nghiên cứu về vấn đề văn học dân gian đã làm và các yêu cầu dưới đây, hãy thuyết trình về một nội dung mà em tâm đắc.

- Địa điểm: lớp học.
- Thời gian: 15 phút (10 phút trình bày và 5 phút trao đổi).
- Người nghe: thầy cô và các bạn cùng lớp.
- Công cụ: khuyến khích sử dụng máy tính, máy chiếu, loa.

Gợi ý:

- Đọc lại báo cáo về một vấn đề văn học dân gian đã làm và lựa chọn một nội dung tâm đắc đã được thực hiện để giải quyết một câu hỏi nghiên cứu nào đó.
- Chuyển nội dung bài viết sang bài thuyết trình, có thể sử dụng phần mềm trình chiếu PowerPoint để thực hiện.
- Tập thuyết trình và chỉnh sửa (cá nhân hoặc trong nhóm).
- Trình bày trước lớp.



1. Việc trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian dựa trên căn cứ nào?
2. Khi trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian, cần tập trung vào những yếu tố chính nào? Vì sao?
3. Sử dụng sơ đồ tư duy tóm tắt quy trình, cách thức trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian.
4. Theo em, việc chủ động ghi âm, ghi hình phần thuyết trình của bản thân có những ưu điểm và hạn chế gì?

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Hiểu thế nào là sân khấu hoá tác phẩm văn học.
- ▶ Biết cách tiến hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học.
- ▶ Nhận biết được sự khác biệt giữa ngôn ngữ trong văn bản truyện, kí, thơ và ngôn ngữ trong kịch bản sân khấu.
- ▶ Yêu thích và nhiệt tình tham gia hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học.

I. THẾ NÀO LÀ SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC?

1. Sân khấu hoá tác phẩm văn học là gì?

Sân khấu hoá tác phẩm văn học là chuyển tác phẩm văn học thành kịch bản và biểu diễn trên sân khấu dưới các hình thức khác nhau. Nói cách khác, tác phẩm văn học được chuyển thể từ câu chuyện trên trang giấy sang hình thức một kịch bản văn học (biên kịch). Từ kịch bản ấy, hình dung ra cách thức biểu diễn (đạo diễn) và thực hành thể hiện nội dung kịch bản trên sân khấu (diễn xuất). Học sinh chuyển từ hoạt động đọc hiểu văn bản sang hoạt động tập làm các nhà biên kịch, đạo diễn và diễn viên là bước đầu làm quen với các công việc của ngành sân khấu, điện ảnh.



Cảnh học sinh đang thực hiện sân khấu hoá tác phẩm văn học
(Ảnh: baolongan.vn)

Em hãy đọc và so sánh một số tình huống sau:

Văn bản văn học

1

Đọc bài thơ *Ông đồ* của Vũ Đình Liên trên giấy.

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu, giấy đỏ
Bên phố đông người qua.*

*Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài
“Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa, rồng bay.”*
[...]
*Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?*

2

Đọc bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* của Minh Huệ trên giấy.

*Anh đội viên thức dậy
Thấy trời khuya lắm rồi
Mà sao Bác vẫn ngồi
Đêm nay Bác không ngủ*

[...]

*Anh vội vàng nằng nặc:
– Mời Bác ngủ Bác ơi!
Trời sắp sáng mất rồi
Bác ơi! Mời Bác ngủ!*

[...]

*Đêm nay Bác ngồi đó
Đêm nay Bác không ngủ
Vì một lẽ thường tình
Bác là Hồ Chí Minh.*

Sân khấu hoá

1

a) Truy cập vào trang YouTube, tìm nghe một số nghệ sĩ ngâm bài thơ *Ông đồ* của Vũ Đình Liên.

b) Dựa vào gợi ý của trang YouTube, hoặc tự đề xuất, học sinh tổ chức ngâm bài thơ *Ông đồ* như biểu diễn một hoạt cảnh có kèm các đạo cụ. Ví dụ: đọc trên nền nhạc kèm theo hình ảnh minh hoạ, gồm:

- Hình ảnh hoa đào.
- Hình ảnh các ông đồ già râu tóc bạc trắng, mặc áo the, khăn xếp đang ngồi viết chữ Nho bằng mực tàu, giấy đỏ,...
- Hình ảnh phố phường Hà Nội qua tranh của Bùi Xuân Phái (“Phố Phái”).

2

a) Truy cập vào trang YouTube, tìm nghe một số nghệ sĩ đọc hoặc hát bài *Đêm nay Bác không ngủ* của nhà thơ Minh Huệ.

b) Dựa vào gợi ý của trang YouTube, hoặc tự đề xuất, học sinh tổ chức đọc bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* như biểu diễn một hoạt cảnh có kèm các đạo cụ. Ví dụ: đọc trên nền nhạc kèm theo hình ảnh minh hoạ, gồm:

- Hình ảnh Bác Hồ ngồi bên bếp lửa.
- Hình ảnh Bác Hồ đang ngồi làm việc.
- Hình ảnh Bác Hồ đi chiến dịch, thăm đội dân quân, du kích.

Đọc đoạn trích sau trong truyện *Lão Hạc* của Nam Cao:

[...] Con chó vẫn héch mồm lên nhìn, chẳng lộ một vẻ gì; lão lừ mắt nhìn trừng trừng vào mắt nó, to tiếng dọa:

– Nó giết mày đấy! Mày có biết không? Ông cho thì bỏ bố!

Con chó tưởng chủ mắng, vẫy đuôi mừng, để lấy lòng chủ. Lão Hạc nạt to hơn nữa:

– Mừng à? Vẫy đuôi à? Vẫy đuôi thì cũng giết! Cho cậu chết!

Thấy lão sùng sộ quá, con chó vừa vẫy đuôi, vừa chực lảng. Nhưng lão vội nắm lấy nó, ôm đầu nó, đập nhẹ nhẹ vào lưng nó và dẩu dí:

– À không! À không! Không giết cậu Vàng đâu nhỉ!... Cậu Vàng của ông ngoan lắm! Ông không cho giết... Ông để cậu Vàng ông nuôi... [...]

Hôm sau, lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay:

– Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!

– Cụ bán rồi?

– Bán rồi? Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà oà lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện:

– Thế nó cho bắt à?

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...

– Khốn nạn... Ông giáo ơi!... Nó có biết gì đâu! Nó thấy tôi gọi về thì chạy ngay

a) Đọc đoạn kịch bản sau đây:

Lão Hạc ngồi trên chiếc chõng tre, bên cạnh có chai rượu uống đã gần hết, vượt ve con chó (cậu Vàng).

LÃO HẠC: À hà, bố cậu về rồi, nó sẽ giết cậu mất thôi. Nhưng cậu Vàng ơi, cậu Vàng ăn khoẻ quá, ông biết lấy gì nuôi cậu. Chẳng lẽ ông bán mảnh vườn này đi à? Bán đi, bố cậu về lấy gì để sống hả cậu Vàng?

Hai thanh niên mua chó đi vào sân nhà lão Hạc, tay cầm gậy đầu có dây thòng lọng.

THĂNG MỤC: Lão Hạc ơi, cháu bắt nhé!

LÃO HẠC: Các bác đến đấy à? Tôi thương nó quá, hay là tôi hoàn lại tiền vậy...

THĂNG MỤC: Ấy, cụ già rồi sao lại làm ăn trẻ con thế! Tôi bắt đây.

Hai người mua chó đi đến bên cậu Vàng.

THĂNG MỤC: (con chó béo quá) Nhanh lên cụ Hạc ơi!

Lão Hạc mang đến cho con chó một bát thức ăn, nói như khóc.

LÃO HẠC: Vàng ơi, con ăn đi.

Người bắt chó dùng cây gậy có thòng lọng chụp vào đầu con chó, Lão Hạc giúp người này lồng vào cổ con chó.

LÃO HẠC: Thôi, các bác bắt ngay đi cho.

Hai người mua lôi con chó đi; con chó kêu, giẫy giụa; lão Hạc rơm rớm nước mắt nhìn theo người ta dắt con chó đi. Lão Hạc buồn rầu đi ra mảnh vườn. Bỗng nghe tiếng ông giáo.

ÔNG GIÁO: Cụ Hạc ơi, tôi xin một nắm lá về xông cho cháu ạ!

LÃO HẠC: Ông giáo vào trong này cái đã.

ÔNG GIÁO: Có chuyện gì đấy ạ?

LÃO HẠC: Con Vàng nhà tôi đi đời rồi.

về, vẩy đuôi mừng. Tôi cho nó ăn cơm. Nó đang ăn thì thằng Mục nắp trong nhà, ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng sau nó dốc ngược nó lên. Cứ thế là thằng Mục với thằng Xiên, hai thằng chúng nó chỉ loay hoay một lúc đã trói chặt cả bốn chân nó lại. Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết!... Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng: “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à?”. Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó!

Tôi an ủi lão:

– Cụ cứ tưởng thế đấy chứ nó chả hiểu gì đâu! Vả lại ai nuôi chó mà chả bán hay giết thịt? Ta giết nó chính là hoá kiếp cho nó đấy, hoá kiếp để cho nó làm kiếp khác.

Lão chua chát bảo:

– Ông giáo nói phải! Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hoá kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra có sung sướng hơn một chút... kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn!...

Tôi bùi ngùi nhìn lão, bảo:

– Kiếp ai cũng thế thôi, cụ ạ! Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chẳng?

ÔNG GIÁO: Thế cụ bán nó rồi à?

LÃO HẠC: Bán rồi. Bán cho hàng thịt chó rồi. Họ vừa bắt đi xong.

ÔNG GIÁO: Âu cũng là ta hoá kiếp cho nó để nó được làm kiếp khác.

LÃO HẠC: Hoá kiếp để nó làm kiếp người như (*ho rừ rươi*) kiếp tôi hoá có sướng hơn, ông giáo nhỉ?

ÔNG GIÁO: Cụ cứ nghĩ ngợi làm gì ốm người ra. Cụ tưởng kiếp tôi sướng hơn chẳng?

LÃO HẠC: Người ta đến bắt, nó cứ giương mắt nhìn tôi. Thế mà tôi lấy bát cơm cho nó ăn, tôi đổ dành nó (*nói như khóc*): “Ông không bán cậu Vàng đâu; ông để ông nuôi.”. Nó tưởng thật, cúi xuống ăn. Nào ngờ tôi tròng cổ lại; mấy thằng lôi tuột đi. Thế ra tôi ngẩn ấy tuổi đầu rồi mà đi lừa một con chó (*khóc nấc lên*).

b) Truy cập vào trang YouTube, tìm xem đoạn trích phim *Làng Vũ Đại ngày ấy*.



Cảnh phim *Làng Vũ Đại ngày ấy*: Lão Hạc đang vuốt ve, nói chuyện với cậu Vàng. Nhà văn Kim Lân trong vai lão Hạc.
(Ảnh: tuoitre.vn)



1. Nhận xét sự giống nhau và khác nhau giữa việc em đọc tác phẩm trên trang giấy với các hình thức xem và nghe trực tiếp qua các video clip hoặc hình thức học sinh biểu diễn hoạt cảnh đã mô tả ở cột phải trang 30.

2. So sánh để chỉ ra sự giống nhau và khác nhau giữa hai văn bản được trình bày trong hai cột ở trang 31, 32. Từ đó, so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa văn bản tác phẩm văn học với kịch bản đã chuyển thể từ tác phẩm văn học ấy.

3. Nhận xét sự giống nhau và khác nhau giữa việc em chỉ đọc đoạn trích truyện *Lão Hạc* trên trang giấy (cả hai cột) với hình thức xem trực tiếp qua video clip trích đoạn phim về lão Hạc.

4. Từ các bài tập nêu trên, em hãy rút ra một số nhận xét chung về ưu điểm và hạn chế của các hình thức sân khấu hoá tác phẩm văn học.

2. Mục tiêu, yêu cầu và hình thức sân khấu hoá tác phẩm văn học trong nhà trường

2.1. Mục tiêu

Mục tiêu 1

Giúp học sinh học tác phẩm bằng một cách khác; hiểu, tiếp nhận tác phẩm văn học bằng một hình thức khác nhằm đa dạng hoá cách tiếp cận, cách khám phá tác phẩm văn học.

Mục tiêu 2

Giúp học sinh chủ động chiếm lĩnh tác phẩm, tạo ra một hình thức giao tiếp khác giữa người đọc và tác phẩm văn học.

Mục tiêu 3

Bồi dưỡng thêm tình yêu và sự ham thích tác phẩm văn học, cải thiện kết quả học tập,... đồng thời góp phần phát triển năng lực sáng tạo, hợp tác, làm việc nhóm, năng lực ngôn ngữ,...

2.2. Yêu cầu

Hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học cần chú ý các yêu cầu sau:

a) Trung thành với nội dung và tư tưởng của tác phẩm văn học; theo đó, không được cải biên tác phẩm thành một sản phẩm khác, xa lạ, không đúng với nội dung chính và tư tưởng của tác phẩm gốc.

b) Đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của ngôn ngữ sân khấu, tính thẩm mỹ, tính giáo dục và phù hợp với tâm lí lứa tuổi.

c) Phát huy tính sáng tạo trong việc chuyển thể từ ngôn ngữ văn bản viết sang ngôn ngữ sân khấu; từ kịch bản văn học đến đạo diễn, thể hiện kịch bản trên sân khấu thông qua hoạt động biểu diễn của diễn viên. Sự sáng tạo này giúp người xem tiếp nhận tốt hơn, sâu hơn nội dung và thông điệp của tác phẩm văn học.

d) Ưu tiên, tập trung vào những tác phẩm văn học có trong Chương trình và sách giáo khoa môn Ngữ văn của các lớp học, cấp học nhằm hỗ trợ, bổ sung cho các tiết đọc hiểu văn bản tác phẩm trong phần chính khoá.

e) Trong trường hợp đã có sẵn kịch bản văn học (như tuồng, chèo, kịch nói) thì việc sân khấu hoá tập trung vào yêu cầu lựa chọn cảnh, màn diễn (tương ứng với đoạn trích đã chọn) và luyện tập thực hành để biểu diễn trên sân khấu.

2.3. Một số hình thức sân khấu hoá tác phẩm văn học

Có nhiều hình thức sân khấu hoá tác phẩm văn học nhưng hình thức phổ biến và thể hiện rõ nhất tính chất sân khấu hoá là hình thức tiểu phẩm và hoạt cảnh.



Học sinh hoá thân vào nhân vật trong tác phẩm *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố (một cảnh của tiểu phẩm)
(Ảnh: thanhnien.vn)

Hình thức	Các dạng thể hiện
Tiểu phẩm sân khấu	Kịch nói, chèo, tuồng, cải lương,...; vở / màn / cảnh trọn vẹn
Hoạt cảnh trên lớp	Đọc / ngâm thơ, múa hát, nhạc kịch,...; minh hoạ ngắn

Với điều kiện thời gian ít (ngay trong giờ học chính khoá), không gian chỉ là lớp học thì chỉ nên minh hoạ bằng các hoạt cảnh ngắn gọn, phù hợp, nhất là với các

tác phẩm trữ tình. Xây dựng tiểu phẩm là hình thức biểu diễn toàn bộ tác phẩm (nhiều cảnh, nhiều màn), cần có vật chất, thời gian và không gian biểu diễn (sân khấu) thì phù hợp với các hình thức chuyên đề, ngoại khoá (mỗi năm học chỉ có thể làm 1 – 2 lần).



Học sinh ngâm bài thơ *Sông* của Xuân Quỳnh trên nền nhạc (hoạt cảnh)
(Ảnh: toquoc.vn)



Nêu mục tiêu, yêu cầu và một số hình thức sân khấu hoá tác phẩm văn học. Theo em, yêu cầu nào quan trọng nhất? Vì sao?

3. Những khía cạnh cần khai thác từ tác phẩm văn học trong việc sân khấu hoá tác phẩm văn học

Nhờ những đặc điểm riêng, tác phẩm văn học có rất nhiều lợi thế trong việc chuyển thể thành hình thức sân khấu.

Thứ nhất, tác phẩm văn học là một bức tranh sinh động về cuộc sống, con người. Trong các tác phẩm tự sự có câu chuyện, sự kiện và những mâu thuẫn, xung đột,... rất giàu kịch tính. Đây chính là điều kiện thuận lợi cho việc sân khấu hoá các tác phẩm này vì một trong những đặc trưng nổi bật của nghệ thuật sân khấu là thể hiện và đẩy các xung đột đến cao trào, giải quyết các xung đột xã hội. Cho nên, với các loại hình tác phẩm tự sự và kịch, cốt truyện thường được tổ chức theo mô hình: mở đầu, phát triển, đỉnh điểm, kết thúc,... Chẳng hạn, trong *Ngữ văn 10*, đoạn trích truyện thần thoại Hy Lạp là câu chuyện về một kì công của *Hê-ra-clét đi tìm táo vàng* với cốt truyện gồm nhiều sự việc và biến cố: trên hành trình đi tìm táo vàng, Hê-ra-clét phải giao đấu với hai cha con thần Chiến tranh A-rét; chàng đi qua vùng sa mạc và phải tiếp tục giao đấu với gã Ăng-tê độc ác; rồi chàng suýt bị bắt làm vật hiến tế; chàng đã giải thoát cho vị thần ân nhân của loài người Prô-mê-tê; chàng phải ghé vai chống đỡ cả bầu trời và cuối cùng chàng đã thành công lấy được những quả táo vàng.



Cảnh Xuy Vân giả dại trong vở chèo
Kim Nham (Ảnh: zingnews.vn)



Cảnh trong vở tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*
(Ảnh: bvhttdl.gov.vn)

Bên cạnh các tác phẩm tự sự là tác phẩm kịch. Chẳng hạn, vở tuồng hài nổi tiếng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến* với những câu chuyện châm biếm các thói hư tật xấu của quan lại ngày xưa. Hoặc đoạn trích *Xuy Vân giả dại* từ vở chèo cổ *Kim Nham* kể lại câu chuyện đầy bi kịch trong hôn nhân gia đình của nàng Xuy Vân, một phụ nữ vừa đáng trách, vừa đáng thương với nhiều mâu thuẫn phức tạp. Đoạn trích chèo *Thị Mầu lên chùa* (trích *Quan Âm Thị Kính*) kể về chuyện lãng lơ, trăng hoa của cô con gái phú ông – nhân vật Thị Mầu, người đã đổ oan cho nàng Thị Kính,... Từ các kịch bản văn học này, việc sân khấu hoá chỉ còn là đạo diễn và biểu diễn trên sân khấu sao cho có hiệu quả.

Thứ hai, câu chuyện trong tác phẩm văn học thường xảy ra trong một bối cảnh, không gian và thời gian cụ thể nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc chỉ dẫn bối cảnh trên sân khấu. Không gian trong sử thi là không gian cộng đồng, bao gồm: không gian thiên nhiên, không gian xã hội. Thời gian trong sử thi là thời gian quá khứ trải qua nhiều biến cố, thời gian gắn với lịch sử cộng đồng của một dân tộc, bộ lạc, chế độ. Ví dụ: Không gian trong đoạn trích *Chiến thắng Mtao Mxây* (trích *Đăm Săn* – sử thi Ê-đê) gồm không gian cộng đồng của người tù trưởng giàu có và uy danh lẫy lừng Đăm Săn, không gian cộng đồng của tù trưởng Mtao Mxây, không gian nơi Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây,... Không gian trong truyện *Người ở bên sông Châu* của Sương Nguyệt Minh là xóm Trại nhỏ bên bên sông Châu, nơi diễn ra nghịch cảnh trở trêu của một mối tình và những hành động vị tha, nhân ái của di Mây – nữ thương binh từ Trường Sơn trở về sau chiến tranh. Thời gian trong truyện ngắn này thường được chú ý tái hiện như một vòng tuần hoàn: sáng, trưa, chiều chiều, chập tối, đêm dài quá, tháng Ba lại về, cuối thu, đêm sông Châu,... diễn tả quãng thời gian trôi chậm chạp, âm thầm, lặng lẽ,... trong cuộc sống của nhân vật di Mây.

Thứ ba, nhân vật trong tác phẩm văn học, nhất là với các tác phẩm tự sự và kịch, được xây dựng sống động với ngoại hình, nội tâm, những suy nghĩ, tình cảm,

ngôn ngữ (lời thoại) và hành động,... Cùng với cốt truyện, nhân vật là một trong hai yếu tố chính để xây dựng kịch bản văn học. Trong sách *Ngữ văn 10*, nhân vật ở các đoạn trích truyện thần thoại là các vị thần (thần Chiến tranh A-rét, thần Đất Mẹ Gai-a, Prô-mê-tê,...) hoặc người trần nhưng có tài năng sánh ngang thần thánh (Hê-ra-clét), có hình dạng và hành động phi thường, có khả năng biến hoá khôn lường. Nhân vật người anh hùng trong sử thi (Đăm Săn, Ra-ma,...) hội tụ những phẩm chất cao quý với vẻ đẹp kì vĩ, hào hùng; có những hành động phi thường, dũng cảm xả thân vì cộng đồng trong chiến đấu chống kẻ thù và chinh phục thiên nhiên. Nhân vật trong các tiểu thuyết chương hồi như Quận Huy, Quang Trung (*Hoàng Lê nhất thống chí*) hoặc Quan Công, Trương Phi (*Tam quốc diễn nghĩa*),... đều là những nhân vật được khắc hoạ tính cách rất rõ nét. Nhân vật di Mây trong truyện *Người ở bên sông Châu* của Suông Nguyệt Minh được khắc hoạ một cách toàn diện cả ngoại hình lẫn nội tâm, cả ngôn ngữ và hành động, thể hiện rất thành công tâm trạng buồn tủi, tính cách kiên định và tâm lòng bao dung, vị tha của một nữ thương binh.

Thứ tư, bên cạnh lời của các nhân vật (đôi thoại, độc thoại), trong tác phẩm văn học còn có lời người kể chuyện thông qua các ngôi kể giúp người đọc hình dung ra được bối cảnh, tiến trình câu chuyện. Ví dụ, đây là lời người kể chuyện trong tác phẩm của Suông Nguyệt Minh: “Từ ngày ra bên sông Châu, di Mây buồn lắm, cứ tha thẩn đi ra đi vào, lúc tư lự ngời ngăm trời nhìn nước, lúc lụi cụi nấu cơm. Vắng Mai, chỉ còn ông và di, hai bố con chòi chọi, ăn được bữa cơm đến khôn khổ. Ông thương di, cố nhai, cố nuốt, mắt ngân ngân nước. Di cũng nảo lòng, có hôm bỏ bữa. Ban ngày đi lại còn khuây khoả. Ban đêm nghe tiếng trẻ sơ sinh khóc bên trạm xá xã vọng sang, di Mây lại giật mình thon thót.” (*Người ở bên sông Châu*). Lời của người kể chuyện trong tác phẩm văn học thường giúp cho biên kịch, đạo diễn hình dung và đưa ra các chỉ dẫn về bối cảnh, trang phục, đạo cụ, lời thoại và hành động của nhân vật,... trên sân khấu.

Thứ năm, ngôn ngữ thơ rất gợi cảm, hàm súc, giàu tính nhạc và hình ảnh độc đáo,... Đây cũng chính là các chất liệu để có thể biểu diễn thơ trên sân khấu với các hình thức đọc thơ, ngâm thơ trên nền nhạc; ngâm thơ, đọc thơ kết hợp với hình ảnh minh hoạ (tranh, ảnh hoặc các video clip) tạo nên sự cộng hưởng giữa ngôn từ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

Trong sách *Ngữ văn 10* có đủ các bài thơ giàu màu sắc biểu cảm và đa dạng như đã nêu. Đó là các bài thơ Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945 như *Đất nước* (Nguyễn Đình Thi), *Lính đảo hát tình ca trên đảo* (Trần Đăng Khoa), *Khoảng trời, hố bom* (Lâm Thị Mỹ Dạ). Đây là các bài thơ tập trung nói lên những suy nghĩ và tình cảm thiết tha, sâu nặng của các tác giả về đất nước và con người Việt Nam trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.



Đất nước (Ảnh: download.vn)



Lính đảo (Ảnh: biengioibienbentre.vn)

Bên cạnh những bài thơ viết sau Cách mạng tháng Tám 1945, có thể kể đến một số bài thơ trữ tình thời trung đại Việt Nam. Đó là bài *Giương bấu khuyên răn* (*Bảo kính cảnh giới*) – bài 43 thể hiện nỗi lòng yêu nước và sự khát khao về một cuộc sống thanh bình, no đủ cho dân của Nguyễn Trãi. Bài *Câu cá mùa thu* (*Thu điếu*) – Nguyễn Khuyến ghi lại bức tranh thu tĩnh lặng mà nặng những suy tư sâu lắng của tác giả. Bài *Tự tình* (bài 2) của nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương thể hiện những trăn trở, dằn vặt của một người phụ nữ tài sắc mà đa đoan trong xã hội phong kiến trước đây,...

Các đặc điểm nêu trên giúp cho việc chuyển thể từ tác phẩm văn học sang hình thức sân khấu khá thuận lợi, nhất là tác phẩm tự sự.

?

1. Những đặc điểm nào của tác phẩm văn học cho phép tiến hành hoạt động sân khấu hoá thuận lợi? Dựa vào mục 3 nêu trên, hãy dẫn ra và phân tích một đặc điểm mà em thấy rõ nhất.

2. Tại sao cần ưu tiên sân khấu hoá các tác phẩm văn học có trong chương trình lớp / cấp học của em?

4. Ngôn ngữ và hình thức của kịch bản sân khấu

Ngôn ngữ trong văn bản truyện, thơ, kí có nhiều thành phần: đối thoại, độc thoại, mô tả, bình luận, trần thuật, miêu tả,... với đầy đủ các đặc điểm và tính chất của ngôn ngữ nghệ thuật: chính xác, biểu cảm, đa nghĩa, hình tượng, thẩm mỹ, hàm súc,... Còn ngôn ngữ trong kịch bản văn học chủ yếu chỉ là lời thoại (đối thoại, độc thoại) và các chỉ dẫn về bối cảnh;...

Muốn biên soạn và trình bày một kịch bản sân khấu cần nhận biết được đặc điểm và yêu cầu về ngôn ngữ của loại văn bản này.

Hình thức của kịch bản sân khấu cũng được trình bày như các kịch bản văn học đã có trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*. Tham khảo một số hình thức trình bày kịch bản sau:

LỚP 19

[...]

NGHÊU: Trời tằm tối đi hầu bỏ ngựa,
Cây bụi bờ rờ chẳng ra đường.
(Này! Này! Thím ơi! Mổ đã sang. Mở cửa mình vào với!)

THỊ HẾN: Chào thầy mới tới,
Trà nước vội vàng.
Đành lòng đây đó giao duyên,
(Nhưng) Sợ nổi thế gian đàm tiếu (thôi).

NGHÊU: Vốn đà trước liệu,
Lựa phải sau lo.
Kệ kinh chuông mõ trả cho chùa,
Cày, cấy, đâm, xay dành phận mổ.
(Này này!) Khuyên cùng với đó,
Chớ khá phụ đây.
Tuy làm vậy cũng tiếng ông thầy,
Ở như vậy uống tài bà goá.
(Tiếng Đẻ Hấu kêu cửa)

THỊ HẾN: (Ủa!) Tiếng ai kêu chi lạ?
Hay thầy Lại tới đây?
(Này! Này! Mô Phật!)
Đi ra kéo tội với thầy,
Ở đó ắt tai trước mắt! (Chớ chẳng chơi đâu.)

NGHÊU: (Trời trời!)
Lão Đẻ lại làm chi quá ngặt?
Khiến thầy tu chạy đã hầu điên.
(Thím ơi! Thím!)
Trốn chỗ nào khác chỉ cho mình!
(Chớ) Ra cửa có thầy Đẻ đứng đó!

THỊ HẾN: Dưới phản ngựa thầy mau xuống đó.
(Để tôi) Ra ngõ mời người đặng vào đây.
Dầu chuyện chi chịu khó một giây.
(Để) Người về đã, sẽ vầy hai mặt.
(*Nghêu chui xuống gầm phản, Để Hầu vào*)
[...]

4.2. Đoạn trích kịch bản văn học “Xuý Vân giả dại” từ vở chèo “Kim Nham”

XUÝ VÂN: Bước chân vào tôi thưa rằng vậy,
Chẳng giấu gì Xuý Vân là tôi.
Tuy dại dột, tài cao vô giá,
Thiên hạ đồn rằng tôi hát hay đã lạ,
Ai cũng gọi là cô ả Xuý Vân.
Phụ Kim Nham, say đắm Trần Phương,
Nên đến nỗi điên cuồng rồ dại.
(*Hát điệu con gà rừng*):
Con gà rừng, con gà rừng ăn lẫn với công,
Đắng cay chẳng có chịu được, ỨC!
Mà để lán giếng ai hay?
Bông bông dất, bông bông dứ,
Xa xa lấc, xa xa lú,
Lán giếng ai hay, ỨC bởi xuân huyền.
Chờ cho bông lúa chín vàng,
Để anh đi gặt, để nàng mang cơm.
Bông bông dất, bông bông dứ,
Xa xa lấc, xa xa lú,
Lán giếng ai hay, ỨC bởi xuân huyền.
(*Tiếng trống nhịp nổi lên, Xuý Vân múa điệu bắt nhện, xe tơ, dệt củi. Múa xong, Xuý Vân hát lên rồi cười và hát điệu sa lệch...*)
Rủ nhau lên núi Thiên Thai,
Thấy hai con quạ đang ăn xoài trên cây.

Ba cô bán mắm trong làng,
Mắm không bán hết còn quang với thùng...
Chị em ơi, tôi than thân tôi vài câu nhé.
(Đế): Ờ.

4.3. Đoạn trích kịch bản văn học từ vở kịch nói “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” của Lưu Quang Vũ

VII NHÀ TRƯƠNG BA

HỒN TRƯƠNG BA: (ngồi ôm đầu một hồi lâu rồi đứng vụt dậy) Không! Không! Tôi không muốn sống như thế này mãi! (nhìn chân tay, thân thể) Tôi chán cái chỗ ở không phải của tôi này lắm rồi, chán lắm rồi! Cái thân thể kềnh càng thô lỗ này, ta bắt đầu sợ mi, ta chỉ muốn rời xa mi tức khắc! Nếu cái hồn của ta có hình thù riêng nhĩ, để nó tách ra khỏi cái xác này, dù chỉ một lát!

(Tới đây, bắt đầu lớp kịch “Cuộc đối thoại giữa Hồn và Xác”. Trên sân khấu, hồn Trương Ba tách ra khỏi xác anh hàng thịt và hiện hình lơ mờ trong dáng nhân vật Trương Ba thật. Thân xác bằng thịt vẫn ngồi nguyên trên chõng và lúc này chỉ còn là thân xác.)

XÁC HÀNG THỊT: (bắt đầu) Vô ích, cái linh hồn mờ nhạt của ông Trương Ba khốn khổ kia ơi, ông không tách ra khỏi tôi được đâu, dù chỉ là thân xác...

HỒN TRƯƠNG BA: A, mày cũng biết nói kia à? Vô lí, mày không thể biết nói! Mày không có tiếng nói mà chỉ là xác thịt âm u, đui mù...

XÁC HÀNG THỊT: Có đấy! Xác thịt có tiếng nói đấy! Ông đã biết tiếng nói của tôi rồi, đã luôn luôn bị tiếng nói ấy sai khiến. Chính vì âm u, đui mù mà tôi có sức mạnh ghê gớm, lắm khi át cả cái linh hồn cao khiết của ông đấy!

HỒN TRƯƠNG BA: Nói láo! Mày chỉ là cái vỏ bên ngoài, không có ý nghĩa gì hết, không có tư tưởng, không có cảm xúc!

XÁC HÀNG THỊT: Có thật thế không?

HỒN TRƯƠNG BA: Hoặc nếu có thì chỉ là những thứ thấp kém, mà bất cứ con thú nào cũng có được: thềm ăn ngon, thềm rượu thịt,...

XÁC HÀNG THỊT: Tất nhiên, tất nhiên. Sao ông không kể tiếp: Khi ông ở bên nhà tôi... Khi ông đứng bên cạnh vợ tôi, tay chân run rẩy, hơi thở nóng rực, cổ nghẹn lại... Đêm hôm đó, suýt nữa thì...

HỒN TRƯƠNG BA: Im đi! Đấy là mày chứ, chân tay mày, hơi thở của mày...

XÁC HÀNG THỊT: Thì tôi có ghen đâu! Ai lại ghen với chính thân thể mình nhĩ! Tôi chỉ trách là sao đêm ấy ông lại tự đứng bỏ chạy, hoài của!... Này, nhưng ta nên thành thật với nhau một chút: Chẳng lẽ ông không xao xuyến chút gì? Hà hà, cái món tiết canh, cổ hũ, khấu đuôi và đủ các thứ thú vị khác không làm hồn ông lâng lâng cảm

xúc sao? Để thoả mãn tôi, chẳng lẽ ông không tham dự vào chút đỉnh gì? Nào, hãy thành thật trả lời!

HỒN TRƯỞNG BA: Ta... ta... đã bảo mày im đi!

XÁC HÀNG THỊT: Rõ là ông không dám trả lời. Giấu ai chứ không thể giấu tôi được! Hai ta đã hoà với nhau làm một rồi!

HỒN TRƯỞNG BA: Không! Ta vẫn có một đời sống riêng: nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn,...

XÁC HÀNG THỊT: Nực cười thật! Khi ông phải tồn tại nhờ tôi, chiều theo những đòi hỏi của tôi, mà còn nhận là nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn!

HỒN TRƯỞNG BA: (*bịt tai lại*) Ta không muốn nghe mày nữa!

[...]

Quan sát ba đoạn trích kịch bản văn học vừa nêu, có thể thấy hình thức trình bày một kịch bản văn học gồm các yếu tố như sau:

- a) Tên hồi, cảnh, lớp của mỗi vở diễn.
- b) Nhân vật (thường được viết chữ in hoa).
- c) Lời thoại (nói, hát,...) kèm theo mỗi nhân vật.

d) Chỉ dẫn bối cảnh và hoạt động của nhân vật như: (*Nghêu chui xuống gầm phân, Đè Hàu vào*) hoặc: (*Tiếng trống nhịp nổi lên, Xuy Vân múa điệu bắt nhện, xe tơ, dệt cửi. Múa xong, Xuy Vân hát lên rồi cười và hát điệu sa lệch,...*),...

- e) Tiếng đế của khán giả: (Đế): Ồ.

Như thế, có thể thấy, ngôn ngữ của kịch bản văn học chủ yếu thể hiện qua lời thoại và hành động của các nhân vật; qua lời thoại và chỉ dẫn hành động mà thể hiện suy nghĩ, thế giới nội tâm của nhân vật; không có ngôn ngữ kể và tả như trong các văn bản văn học (truyện, thơ, kí,...). Những chỉ dẫn về bối cảnh nhằm giúp các nhân vật hoạt động đúng kịch bản và để bài trí sân khấu, tạo không gian cho các nhân vật xuất hiện. Ví dụ, đây là chỉ dẫn trong đoạn trích kịch bản *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ: (*Tới đây, bắt đầu lớp kịch “Cuộc đối thoại giữa Hồn và Xác”. Trên sân khấu, hồn Trương Ba tách ra khỏi xác anh hàng thịt và hiện hình lò mò trong dáng nhân vật Trương Ba thật. Thân xác bằng thịt vẫn ngồi nguyên trên chõng và lúc này chỉ còn là thân xác.*). Hoặc một chỉ dẫn khác: (*ngồi ôm đầu một hồi lâu rồi đứng vụt dậy*).

?

1. Nêu một số đặc điểm về hình thức và ngôn ngữ của kịch bản văn học.
2. Hình thức và ngôn ngữ của kịch bản văn học có gì khác với hình thức và ngôn ngữ của văn bản truyện, thơ, kí?
3. Sưu tầm và giới thiệu một đoạn trích kịch bản văn học chuyển thể từ tác phẩm văn học có trong Chương trình và sách giáo khoa *Ngữ văn*.

II. QUY TRÌNH SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC

Để sân khấu hoá một tác phẩm văn học, cần chú ý tiến hành theo quy trình sau:

- 1 Nghiên cứu, lựa chọn tác phẩm và hình thức chuyển thể
- 2 Biên kịch: xây dựng / soạn thảo kịch bản
- 3 Đạo diễn
- 4 Biểu diễn

1) Nghiên cứu các tác phẩm văn học, ưu tiên các tác phẩm có trong sách giáo khoa *Ngữ văn* lớp 10; lựa chọn một (hoặc nhóm) tác phẩm văn học có thể chuyển thể và hình thức sân khấu hoá phù hợp với tác phẩm ấy (kịch nói, đọc / ngâm thơ, chèo, múa hát, nhạc kịch,...).

2) Biên kịch: Đây là khâu khó nhất trong việc chuyển thể một tác phẩm văn học. Người soạn cần nghiên cứu, đọc kỹ và hiểu đúng nội dung, tư tưởng của tác phẩm được chuyển thể. Từ kết quả đọc hiểu tác phẩm, căn cứ vào nội dung của văn bản và yêu cầu về hình thức sân khấu hoá để chuyển thành một kịch bản văn học với các hình thức sau:

Hoạt động	Những điểm cần chú ý
Biên soạn hoạt cảnh ngắn	Cần gọn gàng, nhẹ nhàng, đơn giản, phù hợp với điều kiện trình bày, biểu diễn (thường là trong giờ học trên lớp hoặc ngâm / đọc thơ trên nền nhạc và múa).
Biên soạn tiểu phẩm	Biên soạn kịch bản có phân hồi, phân lớp gắn với những chỉ dẫn về bối cảnh: chuyện xảy ra ở đâu (không gian), vào lúc nào (thời gian), có những ai (nhân vật), ngoại cảnh, trang phục, đạo cụ,...
Phân vai, phân cảnh, chỉ dẫn	Nêu thứ tự xuất hiện của các nhân vật gắn với sự việc; lời thoại (đối thoại, độc thoại nội tâm) và các chỉ dẫn về hoạt động: cử chỉ, hành động, ngôn ngữ,...

3) Đạo diễn: Khi đã có kịch bản, để biểu diễn trên sân khấu cần thực hiện một số công việc của đạo diễn. Các công việc ấy gồm:

Chuẩn bị	Lựa chọn diễn viên phù hợp với các vai trong kịch bản (ngoại hình, tính cách, ngôn ngữ,...); chuẩn bị thiết bị quay hình, đạo cụ, trang phục, sân khấu,...
Chỉ đạo luyện tập, biểu diễn (Đây là khâu quan trọng nhất)	<ul style="list-style-type: none"> – Với kịch bản, diễn viên, trường quay (sân khấu), đạo diễn chỉ đạo dàn dựng, diễn xuất từng cảnh sao cho đạt được ý đồ nghệ thuật cao nhất. – Chỉ dẫn, uốn nắn, động viên, nhắc nhở,... giúp diễn viên hiểu sâu hơn kịch bản và sáng tạo trong việc thể hiện; chỉ dẫn cách thể hiện tình cảm, động tác, cử chỉ, hành vi, suy nghĩ và biểu cảm phù hợp nhất với nhân vật được thủ vai.
Xem xét, rút kinh nghiệm	Chỉnh sửa, bổ sung, thêm bớt, sắp xếp lại,... sau mỗi lần tập dượt, biểu diễn. Trong nghề thường gọi là biên tập hậu kì.

4) Biểu diễn: Kết quả của hoạt động biểu diễn phụ thuộc nhiều vào diễn viên. Diễn viên muốn biểu diễn tốt, cần chuẩn bị và thực hành rèn luyện với một số lưu ý sau:

- Hiểu tác phẩm, nghiên cứu cách diễn xuất tác phẩm văn học đã sân khấu hoá; nắm được kịch bản, thuộc lời thoại, ca từ,...
- Biết hoá thân vào các nhân vật và biểu diễn tự nhiên, tương tác tốt với bạn diễn và người xem,...
- Biết trình diễn bằng hành động và ngôn ngữ sân khấu (tự tin, biết tương tác, thể hiện cảm xúc chân thực khi diễn xuất).
- Hiểu được tư tưởng của kịch bản và ý đồ của đạo diễn, biết sáng tạo khi thể hiện.
- Thực hành luyện tập nhiều, tuân thủ các chỉ dẫn của kịch bản và đạo diễn.



1. Quy trình sân khấu hoá tác phẩm văn học gồm những bước nào? Nhiệm vụ của mỗi bước là gì?
2. Phân biệt công việc của biên kịch và đạo diễn, nêu lên những điểm giống và khác nhau của hai công việc này.
3. Để biểu diễn tốt trên sân khấu tác phẩm văn học đã chuyển thể, theo em, người biểu diễn cần chú ý những gì?

III. THỰC HÀNH SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Thực hành biên soạn kịch bản văn học (Tập làm nhà biên kịch)

Đọc kĩ phần II. *Quy trình sân khấu hoá tác phẩm văn học*, đặc biệt là các yêu cầu của việc biên soạn kịch bản văn học (biên kịch) để vận dụng vào hoạt động thực hành chuyển thể tác phẩm văn học thành kịch bản sân khấu với hai hình thức hoạt cảnh và tiểu phẩm. Các văn bản văn học dựa vào Chương trình và sách giáo khoa *Ngữ văn 10*.



Chọn một trong các tác phẩm dưới đây, biên soạn kịch bản văn học dưới dạng một hoạt cảnh ngắn để biểu diễn trên lớp học vào tiết học ấy:

- “Đại cáo bình Ngô” của Nguyễn Trãi.
- “Câu cá mùa thu” của Nguyễn Khuyến.
- “Đất nước” của Nguyễn Đình Thi.
- “Lính đảo hát tình ca trên đảo” của Trần Đăng Khoa.

Thực hành theo các bước sau:

a) Chuẩn bị

- Đọc lại các tác phẩm đã nêu ở trên.
- Xác định tác phẩm yêu thích và có thể xây dựng hoạt cảnh ngắn.
- Xác định hình thức hoạt cảnh (đọc / ngâm thơ trên nền nhạc; minh họa ảnh chân dung, tư liệu hay video clip; sử dụng bài hát đã phổ nhạc; kết hợp đọc và múa;...).
- Xác định những thiết bị và dụng cụ cần cho việc xây dựng hoạt cảnh.

b) Biên soạn kịch bản

– Mô tả các yêu cầu cụ thể về thời lượng, thiết bị, dụng cụ,... cho việc dựng hoạt cảnh, mô tả nội dung hoạt cảnh,...

– Ví dụ, kịch bản hoạt cảnh cho bài thơ *Lính đảo hát tình ca trên đảo* của Trần Đăng Khoa:

+ Thời lượng: 5 – 7 phút.

+ Hình ảnh hoặc video clip: sóng, gió, những người lính Trường Sa đầu trọc; những bãi “đá trọc đầu” lô nhô; cột mốc thiêng liêng của Tổ quốc, cờ đỏ sao vàng tung bay trên đảo;...

+ Bài thơ *Lính đảo hát tình ca trên đảo* (in sẵn, trang trí trên phong, nền đẹp).

+ Mô tả nội dung hoạt cảnh: đọc bài thơ *Lính đảo hát tình ca trên đảo* trên nền minh họa bằng cách chiếu các hình ảnh hoặc video clip về Biển Đông và Quần đảo Trường Sa. Tính toán độ dài của bài thơ và bố trí các ảnh minh họa phù hợp với từng nội dung cụ thể mà bài thơ nói tới. Chú ý hình ảnh mở đầu và hình ảnh kết thúc.



Chọn một truyện hoặc đoạn trích tiêu thuyết để biên soạn một kịch bản văn học dưới dạng một tiểu phẩm. Các tác phẩm gồm:

- “Hê-ra-clét đi tìm táo vàng” (trích thần thoại Hy Lạp).
- “Chiến thắng Mtao Mxây” (trích sử thi “Đăm Săn”).
- “Ra-ma buộc tội” (trích sử thi Ấn Độ).
- “Kiêu binh nổi loạn” (trích “Hoàng Lê nhất thống chí” – Ngô gia văn phái).

- “Hồi trống Cổ Thành” (trích “Tam quốc diễn nghĩa” – La Quán Trung).
- “Người ở bến sông Châu” (Sương Nguyệt Minh).

Thực hành theo các bước sau:

a) Chuẩn bị

- Xem lại các văn bản tác phẩm đã học và nêu ở trên.
- Xác định tác phẩm có thể xây dựng hoạt cảnh ngắn với đoạn trích cụ thể.
- Xác định hình thức sân khấu hoá (kịch nói, chèo, tuồng, cải lương, múa,...).
- Xác định những thiết bị và dụng cụ cần cho việc xây dựng tiểu phẩm.

b) Biên soạn kịch bản

– Mô tả các yêu cầu cụ thể về thời lượng, thiết bị, dụng cụ,... cho việc dựng hoạt cảnh; mô tả nội dung tiểu phẩm phù hợp với hình thức sân khấu hoá đã xác định.

– Ví dụ, kịch bản hoạt cảnh cho văn bản *Hồi trống Cổ Thành* (trích *Tam quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung):

+ Đọc lại văn bản *Hồi trống Cổ Thành* và thông kê ra giấy: lời người kể chuyện, lời thoại của các nhân vật chính.

+ Từ bảng thông kê ấy, biên soạn kịch bản, sắp xếp các lời người kể chuyện thành bối cảnh, lời chỉ dẫn, đan xen là các nhân vật và lời thoại. Chẳng hạn, màn *Hồi trống Cổ Thành* có thể biên soạn thành kịch bản như sau:

HỒI TRỐNG CỔ THÀNH

(Hai phu nhân – vợ Lưu Bị, theo Quan Công sang Nhữ Nam. Khi đến Cổ Thành, nghe nói Trương Phi trấn thủ ở đây nên rất mừng.)

QUAN CÔNG: (như nói một mình) Em ta từ khi ở Từ Châu thất tán, lâu nay vẫn không biết ở đâu, ai ngờ lại hoá ra ở đây!

(Quan Công ra lệnh cho Tôn Càn vào thành ra mắt, báo với Trương Phi. Trương Phi nghe xong, chẳng nói năng gì, lập tức mặc áo giáp, vác mâu lên ngựa, đi tắt ra cửa bắc. Quan Công trông thấy Trương Phi ra, mừng rỡ, tể ngựa lại đón. Trương Phi mắt tròn xoe, râu vểnh ngược, hò hét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm Quan Công.)

QUAN CÔNG: (giật mình, vội tránh mũi mâu) Hiện đệ có sao như thế, há quên nghĩa vườn đào rồi ư?

TRƯƠNG PHI: (hầm hầm) Mày đã bội nghĩa còn mặt nào đến gặp tao nữa?

QUAN CÔNG: Ta làm sao mà bội nghĩa?

TRƯƠNG PHI: Mày bỏ anh, hàng Tào Tháo, được phong hầu phong tước, nay lại đến đây đánh lừa tao! Phên này tao quyết liều sống chết với mày.

QUAN CÔNG: Chuyện này đệ không biết, ta cũng khó nói. May có hai chị ở đây, đệ đến mà hỏi.

CAM PHU NHÂN: Chú Ba sao lại thế?

TRƯƠNG PHI: Xin hai chị hãy thông thả, để tôi giết thằng phụ nghĩa này đã, rồi sẽ mời hai chị vào thành.

CAM PHU NHÂN: Khoan đã chú Ba, khoan đã! Chớ hấp tấp mà làm càn bây giờ. Chú hai không biết tin tức mọi người ở đâu, nên phải tạm nương mình bên Tào. Nay đã biết anh nhà ở Nhữ Nam, không ngại hiểm trở, đưa lũ ta đến đây. Chú không được nghĩ lảm như thế.

MY PHU NHÂN: Chú Hai trước ở Hứa Đô, thực là bất đắc dĩ.

TRƯỞNG PHI: Hai chị bị nó lừa dối đấy. Trung thần thà chịu chết không chịu nhục. Có lẽ đầu đại trượng phu lại thờ hai chủ!

QUAN CÔNG: Hiền đệ đừng nói vậy, oan uổng anh quá!

TÔN CÀN: Vân Trường đến đây là cốt để tìm tướng quân.

TRƯỞNG PHI: Mà cũng nói láo, nó đâu có bụng tốt, nó lại đây là để bắt ta đó!

QUAN CÔNG: Nếu ta đến bắt đệ, tất phải đem theo quân mã chứ!

TRƯỞNG PHI: (trở tay đằng xa) Không phải quân mã là gì kia?

(Quan Công ngoảnh đầu lại, quả nhiên thấy bụi bay mù mịt, một toán quân mã kéo đến, cờ hiệu phấp phới chính là cờ Tào. Trương Phi múa bát xà mâu hăm hở lại đâm Quan Công.)

TRƯỞNG PHI: (nổi giận) Bây giờ còn chối nữa không?

QUAN CÔNG: Hiền đệ hãy khoan, xem ta chém tên tướng ấy, để tỏ lòng thực của ta.

TRƯỞNG PHI: Nếu mà quả có lòng thực, ta đánh ba hồi trống, mà phải chém được tên tướng ấy.

(Quan Công nhận lời. Một lát quân Tào kéo đến. Sái Dương đi đầu, vác đao tế ngựa chạy lại, quát to.)

SÁI DƯƠNG: Mà giết cháu tao là Tần Kỳ, lại trốn đến đây, tao phụng mệnh thừa tướng đến bắt mày.

(Quan Công chẳng nói một lời, múa long đao xô lại phía Sái Dương. Trương Phi thẳng cánh đánh trống, chưa dứt một hồi, đầu Sái Dương đã lăn xuống đất. Quân Tào chạy tan tác. Quan Công bắt một tên lính kể chuyện cho Trương Phi nghe. Bây giờ Trương Phi mới tin. Hai bà kể lại những việc Quan Công đã trải qua. Trương Phi rỏ nước mắt khóc, thụp xuống lạy Vân Trường.)

+ Từ nội dung kịch bản đã biên soạn, tính toán, dự kiến các hình ảnh, trang thiết bị, quy định thời gian cho màn diễn. Nếu là hoạt cảnh, có thể thực hiện ngay trong tiết học, thời gian thực hiện hoạt cảnh khoảng 5 – 10 phút. Nếu là tiểu phẩm, có thể bố trí biểu diễn trong khoảng 1 – 2 tiết học.

2. Thực hành đạo diễn (Tập làm đạo diễn)



Từ kịch bản đã biên soạn, thực hành làm đạo diễn với hai hình thức: hoạt cảnh và tiểu phẩm.

Gợi ý: Nêu các ý tưởng tổ chức biểu diễn, thể hiện kịch bản trên sân khấu với các hướng dẫn về bối cảnh, trang phục, nhân vật, đạo cụ; phân màn / cảnh và những lưu ý về cách thức thể hiện hành động, tâm trạng, lời thoại,...

Ví dụ, từ kịch bản *Hồi trống Cổ Thành* ở phần trên, có thể nêu lên một số yêu cầu cho việc chuyển từ kịch bản lên sân khấu như sau:

a) Bài trí sân khấu

– Hình ảnh Cổ Thành (toà thành cổ, trên có lính gác mặc trang phục, khí giới đứng canh thành).

– Trước cổng thành là đoàn người gồm: Quan Công, Cam phu nhân và Mi phu nhân, Tôn Càn, ngựa, xe,...; trang phục theo kiểu quan phục, váy áo Trung Quốc.

b) Trình tự phân cảnh và các hoạt động

– *Cảnh 1*: Quan Công sai Tôn Càn vào thành gặp Trương Phi kể lại sự tình về Quan Công và các phu nhân.

– *Cảnh 2*: Trương Phi nghe xong, chẳng nói năng gì, lập tức mặc áo giáp, vác xà mâu lên ngựa, dẫn một nghìn quân ra cửa bắc gặp Quan Công (*Quan Công mừng rỡ vô cùng, té ngựa lại đón; Trương Phi mắt tròn xoe, râu vênh ngược, hò hét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm Quan Công.*).

Cuộc đối thoại giữa Quan Công và Trương Phi diễn theo kịch bản.

– *Cảnh 3*: Quan Công chém tướng Tào là Sái Dương (*Sái Dương đi đầu, vác đao té ngựa chạy lại, quát to; Quan Công chẳng nói một lời, múa long đao xô lại. Trương Phi thẳng cánh đánh trống, chưa dứt một hồi, đầu Sái Dương đã lăn xuống đất.*).

– *Cảnh 4*: Trương Phi quỳ lạy Quan Công (Tên lính của Sái Dương kể lại những gì biết được về Quan Công. Hai phu nhân kể về những chuyện Quan Công đã phải trải qua trong tướng Tào Tháo. Trương Phi nghe hết chuyện, rỏ nước mắt khóc, thụp xuống lạy Vân Trường.).

c) Phân vai: Giao nhiệm vụ diễn xuất cho từng người theo các nhân vật.

d) Sửa cử chỉ, nét mặt, lời thoại cho diễn viên.

e) Chỉnh sửa kịch bản (nếu cần).

3. Thực hành luyện tập biểu diễn (Tập làm diễn viên)

Biểu diễn trên sân khấu là công việc của diễn viên. Muốn biểu diễn tốt, học sinh tham gia cần:

– Nghiên cứu kịch bản.

– Tập dượt theo hướng dẫn của đạo diễn.

– Liên hệ với những hiểu biết, trải nghiệm của cá nhân để có những sáng tạo về việc thể hiện nhân vật trong kịch bản mà mình được phân công.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Biết cách đọc, viết bài giới thiệu và thuyết trình về một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết.
- ▶ Yêu thích khám phá và chia sẻ các giá trị văn học.

I. PHƯƠNG PHÁP ĐỌC MỘT TẬP THƠ, TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT

1. Phương pháp đọc một tập thơ

1.1. Thế nào là một tập thơ?

Thơ là tiếng nói trực tiếp của tâm hồn con người, bộc lộ những rung động mãnh liệt của cái tôi trữ tình trước cuộc sống qua ngôn ngữ hàm súc, tinh tế, giàu tính biểu tượng và nhạc điệu. Đọc thơ giúp người đọc bước vào thế giới tâm hồn đó để chia sẻ, đồng cảm, thêm yêu và trân trọng cái đẹp, cái thiện.

Tập thơ gồm nhiều bài thơ, được tổ chức thành một cuốn sách. Tập thơ có thể là tác phẩm của một hoặc nhiều tác giả. Ví dụ: *Hương cây – Bếp lửa* là sáng tác của hai cây bút Lưu Quang Vũ và Bằng Việt (NXB Văn học, 1968) hoặc *100 bài thơ hay thế kỉ XX* (NXB Giáo dục, 2007) gồm các bài thơ được chọn lọc của nhiều thi nhân tiêu biểu cho chặng đường một thế kỉ thi ca Việt Nam. Tập thơ có thể được người sáng tác công bố, cũng có thể là sản phẩm do người khác biên tập, lựa chọn, sắp xếp, giới thiệu theo cách thức, tiêu chí nhất định như trường hợp *100 bài thơ hay thế kỉ XX*. Có tập thơ gồm các tác phẩm ra đời trong những giai đoạn sáng tác khác nhau của tác giả. Ví dụ: Sự nghiệp văn học của Tố Hữu được đánh dấu bởi các tập *Từ ấy* (1937 – 1946), *Việt Bắc* (1946 – 1954), *Gió lộng* (1955 – 1961), *Ra trận* (1962 – 1971), *Máu và hoa* (1972 – 1977), *Một tiếng đờn* (1992), *Ta với ta* (1999). Có tập thơ là tuyển tập các bài tiêu biểu nhất cho toàn bộ sự nghiệp thi ca của tác giả. Có tập thơ tập hợp các bài theo thể loại (thơ lục bát, Đường luật, thơ tự do, thơ văn xuôi,...). Có tập thơ tập hợp các bài theo văn tự (*Ức Trai thi tập* là tập thơ được viết bằng chữ Hán, *Quốc âm thi tập* là tập thơ được viết bằng chữ Nôm của Nguyễn Trãi). Có tập thơ tập hợp các tác phẩm theo

đề tài, chủ đề: thơ viết về Bác Hồ, về người mẹ, người thầy, thơ tình,... Trong mỗi tập thơ, người sáng tác hoặc người biên soạn cũng có thể sắp xếp theo một thứ tự nhất định: theo thời gian, theo chủ đề,...



Hình ảnh trang bìa một số tập thơ

1.2. Cách đọc một tập thơ

Để đọc một tập thơ, người đọc cần nắm chắc các đặc trưng của thể loại. Cảm xúc, rung động, tình cảm, suy tư, chiêm nghiệm,... chủ quan của cái tôi nhà thơ là phần nội dung chủ yếu nhất, cũng là phần sâu xa nhất, mời gọi sự đồng cảm, chia sẻ của người đọc. Tâm trạng, suy tư,... trong thơ trữ tình được bộc lộ qua chủ thể trữ tình. Ngôn ngữ thơ được tổ chức đặc biệt để biểu đạt trực tiếp thế giới bên trong con người.

Tiến trình đọc hiểu một tập thơ gồm ba bước: *trước khi đọc*, *trong khi đọc* và *sau khi đọc*. Dù ở bước nào trong chặng hành trình, các em cũng cần biết kết hợp giữa việc tìm hiểu câu chữ, ngôn từ của văn bản thơ với những trải nghiệm của bản thân, “lấy hồn tôi để hiểu hồn người” (Hoài Thanh); biết vận dụng các kỹ thuật, chiến thuật đọc hiểu để thâm nhập vào tập thơ theo đặc trưng thể loại.

a) Trước khi đọc tập thơ



Đọc sách trong thư viện (c3phamngulao.hungyen.edu.vn)

Đọc một tập thơ cần bắt đầu từ những quan sát tổng thể trước khi thực sự đắm mình vào thế giới tình cảm mở ra trong mỗi tác phẩm. Ở giai đoạn trước khi đọc, các em cần:

TRƯỚC KHI ĐỌC TẬP THƠ

1 Quan sát trang bìa và đọc lướt: nhan đề tập thơ, tên tác giả, mục lục, lời nói đầu, các trích dẫn nhận xét,...

2 Nhớ lại một số điều đã biết có liên quan đến tập thơ (ví dụ: hiểu biết về tác giả, tác phẩm, thể loại, giai đoạn văn học và bối cảnh khi tập thơ ra đời).

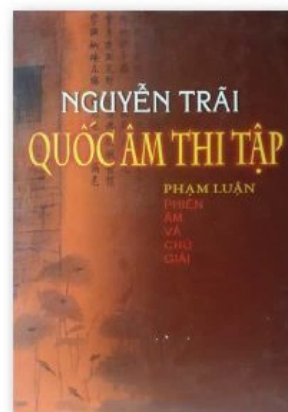
3 Dựa trên **1** và **2** để dự đoán nội dung của tập thơ, quyết định có lựa chọn để đọc tập thơ hay không (nếu như được lựa chọn).

4 Xác định mục tiêu, nhiệm vụ và cách thức đọc. (Mục tiêu, nhiệm vụ có thể được yêu cầu hoặc người đọc tự xác định).

Với tập thơ có lời nói đầu, lời giới thiệu, các em nên chọn đọc lướt như chỉ dẫn trên đây ở bước *trước khi đọc* và quay trở lại đọc kỹ những nội dung này khi đã hoàn thành xong bước *trong khi đọc* để tự mình khám phá tập thơ trước khi tham khảo ý kiến của người khác. Tuy nhiên, khi quan sát và đọc lướt (bước *trước khi đọc*), hoặc khi bắt đầu đọc một vài bài trong tập thơ (bước *trong khi đọc*), nếu em nhận thấy tập thơ quá mới mẻ, khó hiểu,... so với kinh nghiệm đọc của bản thân thì có thể tạm dừng để đọc kỹ phần giới thiệu nhằm thu được những “chỉ dẫn” cần thiết.

Sau đây, chúng ta cùng tìm hiểu hoạt động *trước khi đọc* thông qua một ví dụ cụ thể: Đọc tập thơ *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi.

Bước 1: Đọc lướt và quan sát bìa sách, mục lục, lời giới thiệu,..., người đọc nhận được các thông tin sau đây:



Bìa của tập thơ *Quốc âm thi tập* (Nguyễn Trãi)

Thông tin trên trang bìa của tập thơ

- Tên tác giả: Nguyễn Trãi
- Nhan đề tập thơ: *Quốc âm thi tập*
- Tên người phiên âm, chú giải: Phạm Luận
- Màu sắc và trang trí trên bìa sách: nền bìa màu nâu đỏ, in chìm hoa lá sen và một số dòng thơ Nôm
- ...

Thông tin trong Mục lục của tập thơ

- Lời nhà xuất bản
- Thay lời tựa (của tác giả Nguyễn Ngọc San)
- Bảng chữ viết tắt
- Dẫn nhập
- *Quốc âm thi tập* phiên âm và chú giải
- Phụ lục

Thông tin trong phần *Quốc âm thi tập* phiên âm và chú giải

- | | |
|-------------------------------|----------------------------------|
| – Thủ vĩ ngâm | – Quy Côn Sơn trùng cửu ngẫu tác |
| – Ngôn chí thi (21 bài) | – Giới sắc |
| – Mạn thuật (14 bài) | – Giới nộ |
| – Trần tình (9 bài) | – Huấn nam tử |
| – Thuật hứng (25 bài) | – Thi lệnh môn (6 bài) |
| – Tự thán (41 bài) | – Tích cảnh thi (13 bài) |
| – Tự thuật (11 bài) | – Thủy trung nguyệt |
| – Túc sự (4 bài) | – Thủy thiên nhất sắc |
| – Tự giới (1 bài) | – Hoa mộc môn (34 bài) |
| – Bảo kính cảnh giới (61 bài) | – Cẩm thú môn (7 bài) |

Bước 2: Nhớ lại một số điều đã biết có liên quan đến tập thơ.

Những thông tin đầu tiên này đánh thức vốn hiểu biết về Nguyễn Trãi mà các em đã học, đã đọc về ông. Chẳng hạn: những hiểu biết về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trãi. Chúng ta đã biết đến một Nguyễn Trãi – nhà văn chính luận kiệt xuất – với “áng thiên cổ hùng văn” *Đại cáo bình Ngô* cùng những bức thư có sức mạnh “hơn mười vạn quân” trong *Quân trung từ mệnh tập* (*Tập văn từ lệnh trong quân*). Chúng ta cũng đã biết về một Nguyễn Trãi – thi nhân – khi đọc *Gương báu khuyên răn* (*Bảo kính cảnh giới*) – bài 43, áng thơ Nôm trong *Quốc âm thi tập* giản dị, gần gũi mà chan hoà niềm giao cảm mạnh mẽ với thiên nhiên tạo vật, mà thiết tha, đau đáu khát vọng “Dân giàu đủ khắp đòi phương”,... Văn bản *Nguyễn Trãi – Cuộc đời và sự nghiệp* cũng cho chúng ta thấy rất rõ con người và sự nghiệp của Nguyễn Trãi,...

Bước 3: Dự đoán nội dung và ra quyết định về việc đọc tập thơ.

Kết quả thực hiện *bước 1* và *bước 2* ở trên cho chúng ta dự đoán: Nhan đề cho biết tập thơ được viết bằng chữ Nôm (không phải chữ Hán), bằng tiếng nói của dân tộc (quốc âm), bao gồm nhiều đề tài, chủ đề: thơ tỏ chí, thơ tức sự, thơ viết về thiên nhiên,... Như vậy, *Quốc âm thi tập* hứa hẹn cho người đọc cơ hội được khám phá, hiểu biết sâu sắc và đầy đủ hơn bức chân dung tinh thần của con người Nguyễn Trãi qua thơ ca.

Bước 4: Xác định mục tiêu, nhiệm vụ và cách thức đọc.

Có nhiều mục tiêu đọc, nhưng để tìm hiểu, viết giới thiệu và thuyết trình về một tập thơ, các em cần tập trung vào mục tiêu: hiểu được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tập thơ đó.

Từ mục tiêu trên mà xác định nhiệm vụ đọc: đọc các bài trong tập; ghi chép lại các thông tin cơ bản thu hoạch được trong khi đọc để tổng hợp, nhận xét chung; đọc thêm lời giới thiệu, phần dẫn nhập để hiểu sâu sắc hơn về tập thơ.

Cách thức thực hiện là đọc và tìm hiểu từng bài, chú ý các yếu tố: đặc điểm thể loại, đề tài và chủ đề,... Từ đó, cần so sánh, liên hệ giữa các bài để rút ra một số nhận xét bước đầu về nội dung và nghệ thuật của tập thơ,...



Em hãy thực hiện hoạt động trước khi đọc một tập thơ tự chọn theo sở thích và giới thiệu kết quả thực hiện hoạt động.

b) Đọc tập thơ

Sau khi quan sát và đọc lướt, các em có thể bắt đầu đọc tập thơ theo thứ tự sắp xếp của *Mục lục* hoặc chọn đọc những bài em thấy ấn tượng ngay từ nhan đề. Dù theo cách nào cũng cần đọc kĩ từng bài trong tập thơ. Cần vận dụng cách đọc một văn bản thơ đã được học trong nhiều bài đọc hiểu vào việc đọc từng bài và ghi chép lại một số thông tin cơ bản như:

- Đề tài, chủ đề và nội dung cảm xúc bao trùm bài thơ.
- Đặc điểm thể loại và một số hình thức nghệ thuật tiêu biểu.
- Câu, chữ, hình ảnh,... cụ thể gây ấn tượng có trong bài thơ.

Ví dụ, đây là ghi chép kết quả đọc bài thơ đầu tiên trong tập *Quốc âm thi tập* (Nguyễn Trãi):

Thủ vĩ ngâm

*Góc thành Nam lều một căn,
No nước uống thiếu cơm ăn.
Con đòi trốn đường ai quyến,
Bà ngựa gầy thiếu kẻ chăn.
Ao bới hẹp hòi khôn thả cá,
Nhà quen thú thú ngại nuôi vằn.
Triều quan chẳng phải, ả chẳng phải
Góc thành Nam lều một căn.*

- *Nhan đề*: Thủ vĩ ngâm.
- *Thể thơ*: Thất ngôn xen lục ngôn.
- *Đề tài*: Cuộc sống thanh bần chốn “góc thành Nam” và nỗi niềm tâm sự của tác giả.
- *Chủ đề*: Tâm sự chua chát, tự trào trước cảnh ngộ “Triều quan chẳng phải, ả chẳng phải”.
- *Nghệ thuật*: Lối thơ thủ vĩ ngâm, dòng thơ thứ tám lặp lại hoàn toàn dòng thơ thứ nhất.
- *Những câu thơ, hình ảnh ấn tượng*: “Triều quan chẳng phải, ả chẳng phải / Góc thành Nam lều một căn.”.



Hãy đọc và ghi chép vắn tắt kết quả đọc hiểu một bài trong tập thơ mà em đã lựa chọn.

c) Nhận xét, đánh giá sau khi đọc tập thơ

Muốn nhận xét, đánh giá chung về cả tập thơ, các em cần đọc lướt qua các kết quả đọc, ghi chép từng bài của tập thơ. Từ đó, liên hệ, so sánh và tổng hợp, khái quát lại theo một số yêu cầu sau đây:

Xem lại phần ghi chép kết quả đọc từng bài thơ để tổng hợp, nhận xét, đánh giá

- Ấn tượng, cảm nhận chung của em về toàn bộ tập thơ là gì? Tập thơ gồm tác phẩm của những tác giả nào (nếu tập thơ gồm tác phẩm của nhiều tác giả)?
- Tập thơ viết về những đề tài, chủ đề nào? Đề tài, chủ đề nào nổi bật trong tập thơ? Những bài thơ nào tiêu biểu cho đề tài, chủ đề ấy?
- Có những thể thơ nào trong tập thơ? Thể thơ nào là chính? Hình thức nghệ thuật (vần, nhịp, từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu, biện pháp tu từ,...) trong tập thơ có gì đặc biệt? Những bài thơ, câu thơ nào tiêu biểu cho các nét đặc sắc nghệ thuật ấy của tập thơ?
- Nhận xét, đánh giá chung: Tập thơ có đóng góp gì nổi trội về nội dung và nghệ thuật? Qua tập thơ, có thể thấy chủ thể trữ tình – tác giả hiện lên ra sao (cảm hứng chủ đạo, tâm trạng, cảm xúc, thái độ của nhà thơ với con người và cuộc đời,...)? Có những điểm chung gặp gỡ và điểm riêng, đóng góp nổi bật nào của mỗi gương mặt tác giả trong tập thơ (nếu tập thơ gồm tác phẩm của nhiều tác giả)? Tập thơ gợi ra suy nghĩ gì cho bản thân người đọc?

Sau khi tổng hợp, hệ thống được những nhận xét, đánh giá chung về tập thơ, các em có thể đọc kĩ lời nói đầu, lời giới thiệu (nếu có) để hiểu thêm hoặc điều chỉnh lại những nội dung mà bản thân thấy chưa phù hợp.

Dưới đây là minh họa phần tổng hợp, nhận xét của người đọc sau khi đọc tập thơ *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi:

Ấn tượng chung: Tập thơ hay; ngôn ngữ giản dị, gần gũi, trong sáng; tâm hồn thi nhân phong phú, tinh tế, giàu cảm xúc trước thiên nhiên, con người, thế sự,...

Đề tài, chủ đề tiêu biểu trong tập thơ: Về thiên nhiên, đất nước; về tư tưởng nhân nghĩa, phẩm chất của người quân tử; về thế sự.

Đặc sắc về nghệ thuật: Sáng tạo thể thơ thất ngôn xen lục ngôn; kết hợp giữa thi liệu cổ điển (như tùng, cúc, trúc, mai,...) và hiện thực đời sống (như cây chuối, lảnh mừng tươi, bèo rau muống, luống cày, con cò, con hạc,...); sử dụng chủ yếu lối từ thuần Việt trong sáng, hài hoà.

Đánh giá chung: Tập thơ thể hiện chân thực, sinh động thế giới tâm hồn Nguyễn Trãi với lí tưởng nhân nghĩa cao cả, tấm lòng “ưu ái” mãnh liệt dành cho đất nước, phẩm chất cứng cỏi của người quân tử, tình yêu thiên nhiên tha thiết, tư tưởng triết lí thế sự giản dị mà sâu sắc.

Tập thơ đánh dấu sự hình thành của nền thơ ca thuần Việt.

Một số câu thơ hay trong tập thơ và ý nghĩa của tập thơ với người đọc

– *Bui một tắc lòng ưu ái cũ / Đêm ngày cuộn cuộn nước triều Đông* (Thuật hứng, bài 5); *Vườn quỳnh dầu chim kêu hót / Cõi trần có trúc đứng ngăn* (Tự thán, bài 40); *Cây rọp tán che am mát / Hồ thanh nguyệt hiện bóng tròn / Rùa nằm hạc lẫn nên*

bầy bạn / Ủ ấp cùng ta làm cái con (Ngôn chí, bài 20); Phụng những tiếng cao, diều hây liệng / Hoa thường hay héo, cỏ thường tươi (Tự thuật, bài 9);...

– Tập thơ gợi cho người đọc sự trân trọng, tình yêu, niềm tự hào và những đồng cảm, chia sẻ với lí tưởng, khát vọng, tấm lòng dành cho đất nước, thiên nhiên, con người và tiếng Việt của nhà thơ Nguyễn Trãi,...

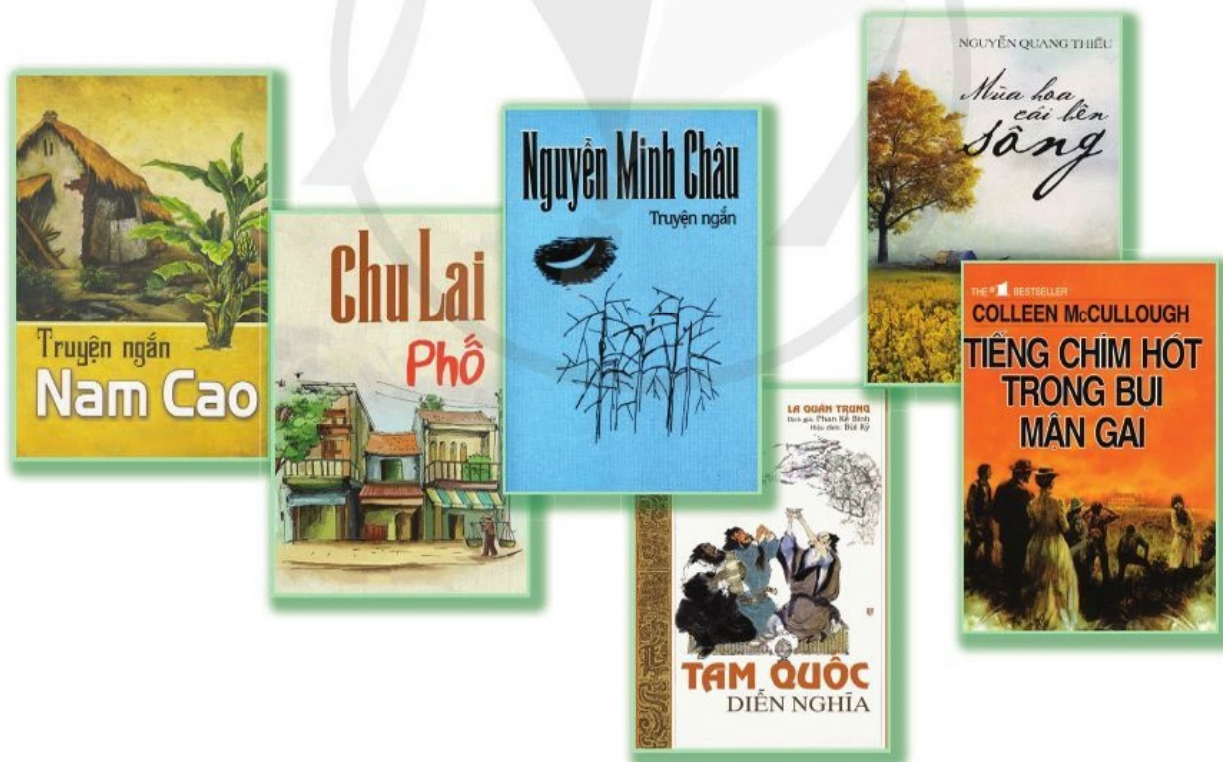
3

Em hãy hoàn thành các hoạt động đọc một tập thơ đã lựa chọn (theo cá nhân hoặc theo nhóm) và ghi lại kết quả các hoạt động đó để chuẩn bị cho việc viết bài giới thiệu một tập thơ.

2. Phương pháp đọc một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

2.1. Thế nào là tập truyện ngắn, tiểu thuyết?

Truyện ngắn, tiểu thuyết là những tác phẩm văn học thuộc loại văn bản truyện (tự sự), có sự kiện, cốt truyện, chi tiết, nhân vật, ngôn ngữ (lời người kể chuyện, lời nhân vật, đối thoại, độc thoại,...), điểm nhìn, bối cảnh, tình huống truyện,... Đây là những “điểm tựa” giúp người đọc tiếp nhận các văn bản thuộc loại truyện nói chung.



Hình ảnh trang bìa một số tập truyện ngắn, tiểu thuyết

Tập truyện ngắn gồm tập hợp hoặc tuyển chọn các văn bản thuộc thể loại truyện ngắn được tổ chức thành một cuốn sách. Tập truyện ngắn có thể được tập hợp, tuyển chọn theo tác giả (ví dụ: *Truyện ngắn Nam Cao*, *Truyện ngắn hai cây bút nữ* –

Phan Thị Vàng Anh, Nguyễn Thị Thu Huệ), theo thời gian (ví dụ: *Truyện ngắn trung đại Việt Nam, Truyện ngắn Việt Nam đầu thế kỉ XX*), theo đối tượng tiếp nhận (ví dụ: *Tập truyện ngắn hay Việt Nam dành cho thiếu nhi*), theo đề tài (ví dụ: *Truyện ngắn đặc sắc về người lính*), theo sự kiện các cuộc thi, giải thưởng (ví dụ: *Truyện ngắn dự thi báo Văn nghệ, Tuyển tập truyện ngắn các tác giả đoạt giải Nô-ben* (Nobel)),... Tập truyện ngắn có thể được công bố bởi tác giả hoặc được người biên tập lựa chọn, sắp xếp theo cách thức, tiêu chí nhất định.

Tiểu thuyết là tác phẩm tự sự cỡ lớn. Dung lượng tiểu thuyết có thể từ vài trăm trang đến hàng nghìn trang (cá biệt, mới xuất hiện loại tiểu thuyết ngắn, dung lượng trên dưới trăm trang), phản ánh hiện thực đời sống ở mọi giới hạn không gian và thời gian. Cốt truyện của tiểu thuyết phức tạp nhất trong các thể loại truyện, có thể kết cấu theo kiểu đơn tuyến hoặc đa tuyến, đan xen nhiều quãng thời gian. Nhân vật trong tiểu thuyết có khi lên đến hàng trăm người, có thể được miêu tả qua nhiều mặt, trong tính quá trình, toàn vẹn, là tổng hoà của mọi bình diện. Hoàn cảnh trong tiểu thuyết được miêu tả chi tiết với những chức năng phong phú, đa dạng: cung cấp không gian cho nhân vật hoạt động, thúc đẩy nhân vật hành động, làm phương tiện để bộc lộ tính cách nhân vật,... Tiểu thuyết là thể loại văn học có thể tổng hợp nhiều nhất khả năng nghệ thuật của các thể loại văn học khác. Phân chia theo nội dung, đề tài, có thể nêu lên một số tiểu loại tiểu thuyết như: tiểu thuyết chương hồi (gồm nhiều hồi, mỗi hồi tập trung viết về một sự kiện chủ yếu, mở đầu bằng một câu văn biền ngẫu dự báo tính tiết chính của hồi; ví dụ: *Tam quốc diễn nghĩa* – La Quán Trung, *Hoàng Lê nhất thống chí* – Ngô gia văn phái), tiểu thuyết hiệp sĩ (kể chuyện nhân vật chính là hiệp sĩ đi lập chiến công, đem lại vinh quang cho bản thân và vì người đẹp; ví dụ: *Đôn Ki-hô-tê* (Don Quijote) của Xéc-van-tét (Cervantes)), tiểu thuyết trinh thám (nhân vật chính là thám tử, cốt truyện tập trung vào điều tra vụ án; ví dụ: *Sê-lôc Hôm* (Sherlock Holmes) của Cô-nan Đoi-lơ (Conan Doyle)), tiểu thuyết lịch sử (lấy các nhân vật, sự kiện lịch sử làm đề tài; ví dụ: *Tam quốc diễn nghĩa* – La Quán Trung), tiểu thuyết tâm lí (đặt trọng tâm ở việc miêu tả diễn biến tâm lí, động cơ, cảnh ngộ của nhân vật; ví dụ: *An-na Ca-rê-ni-na* (Anna Karenina) – Lép Tôn-xtôi (Lev Tolstoy)), tiểu thuyết tự truyện (nhà văn tự kể chuyện đời mình một cách khách quan, chân thực; ví dụ: bộ ba tác phẩm *Thời thơ ấu, Kiếm sống, Những trường đại học của tôi* – M. Go-rơ-ki (M. Gorki)),...

2.2. Cách đọc một tập truyện ngắn, một tiểu thuyết

Đọc một tập truyện ngắn hay một tiểu thuyết cũng cần theo tiến trình *trước khi đọc, trong khi đọc* và *sau khi đọc*; đồng thời, cần dựa trên các đặc điểm của thể loại truyện để định hướng hoạt động đọc hiểu. Cụ thể, các em cần tập trung vào các yếu tố cơ bản như: cốt truyện, nhân vật, bối cảnh, nghệ thuật trần thuật để xác định được đề tài, chủ đề, ý nghĩa của tác phẩm truyện.

a) Trước khi đọc tập truyện ngắn, tiểu thuyết

Cũng giống như đọc tập thơ, người đọc cần quan sát tổng thể tập truyện ngắn hoặc cuốn tiểu thuyết để có những định hướng ban đầu trước khi thực sự đọc vào từng phần cụ thể của toàn bộ cuốn sách (Xem sơ đồ trang 51 và các bước *trước khi đọc tập thơ* để vận dụng vào thực hiện các hoạt động *trước khi đọc* tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết).



Em hãy thực hiện hoạt động trước khi đọc một tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết theo sở thích và giới thiệu kết quả thực hiện hoạt động.

b) Đọc tập truyện ngắn, tiểu thuyết

Với tập truyện ngắn, người đọc có thể lựa chọn thứ tự đọc từng truyện trong tập theo sở thích, điều kiện cá nhân, nhưng vẫn phải bảo đảm đọc đầy đủ và kĩ lưỡng tất cả các truyện. Còn với tiểu thuyết, người đọc cần đọc theo thứ tự từng chương từ đầu đến cuối văn bản. Cần vận dụng cách đọc một văn bản truyện đã được học trong nhiều bài đọc hiểu vào việc đọc từng truyện hoặc chương tiểu thuyết và ghi chép lại một số thông tin cơ bản như:

– Đề tài, chủ đề, tư tưởng: Truyện ngắn, chương tiểu thuyết viết về điều gì và qua đó tập trung thể hiện vấn đề nào? Tư tưởng, thái độ của người kể chuyện là gì?

– Đặc điểm thể loại và một số hình thức nghệ thuật tiêu biểu: chi tiết, cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, người kể chuyện, điểm nhìn, mở đầu và kết thúc,... có gì đặc biệt và tác dụng của các yếu tố hình thức đó trong việc thể hiện nội dung tác phẩm?

– Đánh dấu những chi tiết, hình ảnh, câu chữ, đoạn văn,... trong truyện ngắn hoặc chương tiểu thuyết mà em thấy ấn tượng hoặc thấy băn khoăn, cần lưu ý.

Ví dụ, đây là ghi chép khi đọc truyện *Đứa con đầu lòng* trong tập truyện *Gió đầu mùa* (Thạch Lam):

Đề tài, chủ đề	– Đề tài: Cuộc sống gia đình. – Chủ đề: Sự nảy nở kì diệu, thiêng liêng của tình phụ tử.
Bối cảnh	Căn phòng hộ sinh và căn nhà của vợ chồng Tân.
Cốt truyện	Những cảm giác của Tân khi đón đứa con đầu lòng ra đời (lúc ở phòng hộ sinh, khi về nhà, từ chỗ thấy xa lạ, thậm chí khó chịu, đến khi nhận ra “một tình cảm sâu xa và mới mẻ chàng chưa từng thấy”). Như vậy, cốt truyện không có sự kiện gì đặc biệt.
Nhân vật	Tân (lần đầu được làm bố), cô đỡ, người vợ, đứa bé.
Ngôi kể, điểm nhìn	Ngôi thứ ba, điểm nhìn có lúc từ nhân vật Tân.

Chi tiết, câu chữ,... ấn tượng	<p>Chi tiết ấn tượng (đánh dấu):</p> <ul style="list-style-type: none"> – <i>Tân lại gần, cúi nhìn đứa bé. Chàng thấy trong lòng một cảm động êm đềm và phiền phức. Nhìn đứa trẻ ngây thơ nằm trong lòng mẹ, Tân cảm thấy lần đầu cái thiêng liêng sâu xa của sự sống, và nhận thấy chính những cái bé nhỏ, hèn mọn hằng ngày nó phá hoại cuộc đời.</i> – <i>Tân rón rén, khe khẽ giở tấm màn tuyn nhìn thấy đứa trẻ nằm gọn gàng trong vải trắng. Chàng cúi mình xuống, yên lặng đợi trên cặp môi nhỏ bé một nụ cười. Và Tân thấy trong lòng rung động khe như cánh bướm non, một tình cảm sâu xa và mới mẻ chàng chưa từng thấy.</i>
...	...

2

Hãy đọc và ghi chép vắn tắt kết quả đọc hiểu một truyện ngắn hoặc một chương tiểu thuyết trong tập truyện hoặc cuốn tiểu thuyết mà em đã lựa chọn.

c) Nhận xét, đánh giá sau khi đọc tập truyện ngắn, cuốn tiểu thuyết

Để nhận xét, đánh giá chung về cả tập truyện, cuốn tiểu thuyết, các em cần đọc lướt qua các kết quả đọc, ghi chép từng bài của tập truyện ngắn hoặc các chương của tiểu thuyết. Từ đó, liên hệ, so sánh và tổng hợp, khái quát lại theo một số yêu cầu sau đây:

Xem lại kết quả ghi chép khi đọc từng truyện ngắn, từng chương tiểu thuyết để tổng hợp, nhận xét, đánh giá

- Ấn tượng nổi bật của em về tập truyện ngắn, tiểu thuyết là gì?
- Tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết đề cập tới các đề tài nào? Chủ đề nổi bật của tác phẩm là gì? Chủ đề đó được thể hiện qua những truyện / chương nào?
- Những nhân vật nào được khắc họa đậm nét, giàu ý nghĩa trong tập truyện ngắn, tiểu thuyết?
- Những truyện nào (trong tập truyện ngắn), chương nào (trong tiểu thuyết) đặc sắc hơn cả?
- Nghệ thuật của tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết có gì độc đáo (cách xây dựng tình huống truyện, việc lựa chọn người kể và ngôi kể, trật tự kể, ngôn ngữ của nhân vật, của người kể chuyện, không gian, thời gian của tác phẩm,...)?
- Tập truyện ngắn, tiểu thuyết thể hiện tư tưởng, tình cảm,... của nhà văn với con người và cuộc đời như thế nào?
- Có những điểm chung gặp gỡ và điểm riêng nổi bật nào của mỗi gương mặt tác giả được thể hiện qua các truyện ngắn trong tập (nếu tập truyện ngắn gồm tác phẩm của nhiều tác giả)?
- Ý nghĩa của tập truyện ngắn, tiểu thuyết đối với người đọc là gì?

Cũng giống như đọc một tập thơ, các em có thể đọc kĩ lời giới thiệu, lời tựa,... để hiểu thêm về tập truyện ngắn, tiểu thuyết. Ngoài ra, các em cũng có thể trao đổi với bạn bè, thầy cô hoặc những người có cùng mối quan tâm đến tác phẩm mà em đã đọc.

Dưới đây là minh họa phần tổng hợp, nhận xét, đánh giá sau khi đọc tập truyện ngắn *Gió đầu mùa* của nhà văn Thạch Lam:

Ấn tượng chung:

- Tập truyện ngắn giàu chất trữ tình, chất thơ.
- Cuộc sống, số phận của nhiều nhân vật trong tập truyện để lại niềm cảm thương cho người đọc.
- Thạch Lam là nhà văn “thiên về cảm giác”,...

Đề tài, chủ đề tiêu biểu:

- Cuộc sống đói khổ, cơ cực, bị lãng nhục của những con người bé nhỏ (*Nhà mẹ Lê, Một cơn giận, Đói,...*).
- Chất thơ giản dị của cuộc sống thường nhật (*Đứa con đầu lòng, Những ngày mới, Gió lạnh đầu mùa,...*).

Đặc sắc nghệ thuật:

Phong cách truyện ngắn nghiêng về trữ tình:

- Cốt truyện không có sự kiện đặc biệt mà đi sâu khai thác đời sống nội tâm của nhân vật với những cảm giác tinh tế.
- Ngôn ngữ trong sáng, giàu cảm xúc, giọng điệu nhỏ nhẹ, điềm tĩnh, đượm buồn.

Đánh giá chung:

- *Gió đầu mùa* là tập truyện ngắn tiêu biểu của Thạch Lam, đánh dấu sự thành công của khuynh hướng truyện ngắn trữ tình trong văn học Việt Nam hiện đại.
- Tập truyện thể hiện tấm lòng trắc ẩn, đôn hậu và mẫn cảm của nhà văn dành cho con người và cuộc sống.

Một số truyện ngắn và những câu văn hay trong tập, ý nghĩa của tập truyện đối với người đọc:

- Một số truyện ngắn hay: *Nhà mẹ Lê, Gió lạnh đầu mùa, Đói,...*
- Một số câu văn hay (đánh dấu vào tập truyện).
- Ý nghĩa của tập truyện: Tập truyện ngắn gửi đến người đọc thông điệp về sự ấm áp của tình yêu thương, tình người; giúp chúng ta biết trân trọng, nâng niu, cảm nhận những vẻ đẹp tinh tế, giản dị của cuộc sống thường nhật.

Em hãy hoàn thành các hoạt động đọc một tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết đã lựa chọn (theo cá nhân hoặc theo nhóm) và ghi lại kết quả các hoạt động đó để chuẩn bị cho việc viết bài giới thiệu một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.

II. VIẾT BÀI GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT



1. Đọc và tìm hiểu các bài giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn, một tiểu thuyết

QUỐC ÂM THI TẬP CỦA NGUYỄN TRÃI^(*)

Quốc âm thi tập là tập thơ quốc âm của thi hào Nguyễn Trãi, thuộc quyển VII trong bộ *Ức Trai di tập* do Trần Khắc Kiệm (thế kỉ XV) và Dương Bá Cung (1795 – 1868) sưu tập và được khắc in vào giữa thế kỉ XIX.

Qua bài tựa của Dương Bá Cung, ta thấy rõ tên *Quốc âm thi tập*, tên các phần trong tập thơ do ông biên soạn và đặt ra căn cứ theo chủ đề các nhóm thơ ông sắp đặt. *Quốc âm thi tập* gồm 254 bài thơ chữ Nôm thế kỉ XV, được xếp trong 4 mục: 1. *Vô đề*, 14 tiểu mục, 192 bài thơ; 2. *Thì lệnh môn*, 9 tiểu mục, 21 bài thơ; 3. *Hoa mộc môn*, 23 tiểu mục, 34 bài thơ; 4. *Cầm thú môn*, 7 tiểu mục, 7 bài thơ. Các nhà nghiên cứu văn bản cho rằng có khoảng 20 bài thơ Nôm của Nguyễn Bình Khiêm bị chép lầm sang thơ Nguyễn Trãi. Tuy nhiên, thơ Nôm Nguyễn Trãi có trước thơ Nôm của Nguyễn Bình Khiêm hàng thế kỉ, cho nên rất có thể thơ Nôm Nguyễn Trãi bị chép lầm sang thơ Nôm của Nguyễn Bình Khiêm. Vì vậy, cho đến nay, lịch sử văn học Việt Nam vẫn ghi nhận *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi có 254 bài thơ Nôm mà không có thêm bớt gì hết.

Bản *Quốc âm thi tập* bằng chữ quốc ngữ xuất hiện đầu tiên vào năm 1956 do Nhà xuất bản Văn Sử Địa ấn hành. Bản này do Trần Văn Giáp và Phạm Trọng Điềm

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

phiên âm và chú giải, được coi là bản gốc có giá trị khoa học và lịch sử hơn cả, dày 198 trang, khổ sách 15 cm x 20,5 cm. Sau bản này còn có nhiều bản *Quốc âm thi tập* khác của Đào Duy Anh, Bùi Văn Nguyên,... cũng lần lượt được xuất bản. Tuy nhiên, so với bản quốc ngữ đầu tiên của Trần Văn Giáp và Phạm Trọng Điềm thì không sai khác bao nhiêu.

Quốc âm thi tập bộc lộ mạnh mẽ cái “tôi” cá nhân của Nguyễn Trãi, một Anh hùng dân tộc, Danh nhân văn hoá thế giới, bậc vĩ nhân vì dân vì nước, đồng thời cũng bộc lộ trực tiếp nỗi niềm sâu kín, *ưu thời mãn thế*⁽¹⁾ của ông. Đọc thơ, người đọc ngỡ như đang được đối thoại trực tiếp với ông, nhận biết cốt cách và diện mạo ông – một ông già không giống ai, song lại rất con người trần thế. Đó là một đóng góp vô giá của *Quốc âm thi tập* trong việc tìm hiểu con người và sự nghiệp vĩ đại của Nguyễn Trãi từ thế kỉ XV.

Song *Quốc âm thi tập* còn có một giá trị nổi bật khác: đó là tập thơ tiếng Việt xưa nhất hiện còn hiện diện trong đời sống văn học đương đại mà không hề lạc lõng, không hề gượng ép. Nói thơ tiếng Việt có từ thế kỉ XIII của Hàn Thuyên, Nguyễn Sĩ Cố nhưng cứ liệu văn chương lại không tìm được, nên *Quốc âm thi tập* trở thành bản duy nhất để người thời nay nhận biết thể thơ thất ngôn xen lục ngôn, để xem cách dùng từ, cách đặt câu, để xem các từ Việt cổ nay đã trở nên xa lạ. Giá trị cứ liệu ngôn ngữ văn chương của *Quốc âm thi tập* là một giá trị siêu đẳng⁽²⁾, không tác phẩm nào có thể so sánh được kể cả thơ Nôm của Lê Thánh Tông và hội Tao đàn, thơ Nôm của Nguyễn Bỉnh Khiêm tiếp nối sau này. Đó là một thứ giá trị độc tôn và duy nhất trong lĩnh vực cứ liệu văn chương.

(Theo NGUYỄN ĐĂNG MẠNH, BÙI DUY TÂN, NGUYỄN NHƯ Ý (đồng Chủ biên),
Từ điển tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam (dùng trong nhà trường),
NXB Giáo dục Việt Nam, 2012)

?

1. Những đoạn văn nào giới thiệu thông tin chung về tập thơ? Đó là các thông tin nào?
2. Người viết đã lựa chọn giới thiệu những điều gì về nội dung và nghệ thuật của tập thơ?
3. Theo em, nếu không bị giới hạn về dung lượng, bài viết có nên sử dụng các dẫn chứng để phân tích, làm rõ giá trị nội dung và nghệ thuật của tập thơ *Quốc âm thi tập* không? Vì sao?

(1) *Ưu thời mãn thế*: lo lắng việc đời và đau lòng trước thời thế.

(2) *Siêu đẳng*: thuộc vào loại đặc biệt, vượt ra ngoài các bậc xếp loại thông thường.

VỀ TẬP TRUYỆN NGẮN *GIÓ ĐÀU MÙA*(*)

Gió đầu mùa là tập truyện ngắn của nhà văn Thạch Lam, tập hợp những truyện đã in trên các báo *Phong hoá*, *Ngày nay* những năm 1935 – 1936; Nhà xuất bản Đồi nay xuất bản lần đầu năm 1937, do Khái Hưng đề tựa. Tập truyện gồm *Lời nói đầu* của tác giả và 13 truyện, đi vào hai xu hướng chính:

1) Loạt truyện nghiêng về phản ánh hiện thực: *Nhà mẹ Lê*, *Một cơn giận*, *Người bạn trẻ*, *Đói*, *Một đời người*, *Hai lần chết*, *Cái chân què*,...

2) Loạt truyện đi vào khai thác những khía cạnh bình thường mà nên thơ trong đời sống: *Đứa con đầu lòng*, *Những ngày mới*, *Tiếng chim kêu*, *Gió lạnh đầu mùa*,...

Khác với nhiều nhà văn trong Tự lực văn đoàn lấy hình ảnh lớp thanh niên trí thức đương thời làm đối tượng chính, Thạch Lam, một thành viên, nhưng lại có xu hướng muốn nhận diện tấn bi kịch của những con người lớp dưới. Đây là cảnh sống cơ cực của những người dân xóm chợ chen chúc trong những túp lều thấp và tối, làm quần quật quanh năm mà đói khổ vẫn chẳng buông tha; là những người mẹ không nuôi nổi đàn con, phải đi ăn xin, bị nhà giàu xua chó cắn, và cái chết thê thảm đè nặng lên tâm can những người còn sống (*Nhà mẹ Lê*); là những người phu xe không đủ tiền nộp phạt, phải trốn biệt xứ, để lại mẹ già và đứa con chết vì thiếu tiền mua thuốc (*Một cơn giận*). Đó cũng là cuộc sống bị lãng nhục, bị chà đạp của những người tiểu tư sản: một viên chức nghèo bị con đòi hành hạ, cuối cùng đành phải hi sinh cả phẩm giá, danh dự, nuốt miếng ăn do người vợ kiếm được nhưng lại phải trả bằng cả trinh tiết của mình (*Đói*); một người học trò thất nghiệp vì tham gia bãi khoá, trong bước đường cùng phải treo cổ tự tử (*Người bạn trẻ*). Và cay cực nhất trong số đó là những người phụ nữ. Họ là những người yếu đuối, bất lực, song lại phải gánh chịu mọi phũ phàng và bất công. Bị ràng buộc trong những lễ giáo, thành kiến, dư luận cũ kỹ, đời họ trước sau chỉ là cái bóng âm thầm gắn vào cuộc đời những người khác, không bao giờ dám biết đến hạnh phúc, thậm chí đành nhắm mắt để cho hạnh phúc lướt qua bên cạnh mình (*Một đời người*). Sinh ra họ đã bị hắt hủi, lãng quên, muốn chết đi mà không được chết, nhưng cuối cùng lại phải chết dần, buồn thảm, trong cái cảnh suốt ngày bị gia đình chồng chửi bới, hành hạ; và đây mới là cái chết không còn chỗ bấu víu, không còn ai xót thương, là lần “chết thật, chết hẳn” (*Hai lần chết*). Thông qua tất cả những cảnh đời đen bạc ấy, Thạch Lam đã dựng lên sắc nét một bức tranh xã hội; không phải bức tranh quen thuộc về nông thôn Việt Nam trước Cách mạng, cũng không phải bức tranh mới mẻ về cuộc sống náo nhiệt ở thị thành; mà đây là bức tranh vừa lạ vừa quen về cuộc sống nhỏ nhất của lớp người trung gian, bên lề các thị trấn Việt Nam những năm 30 của thế kỉ XX. Bức tranh tưởng chừng khá êm đềm, nhưng kì thực hết sức bi thảm.

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

Và sức mạnh tố cáo của ngòi bút nhà văn không nằm ở những lời phê phán trực diện, mà ẩn sâu trong những tình tiết bi thảm nói trên. Tuy Thạch Lam chưa làm được điều mà Ngô Tất Tố, Nam Cao sẽ làm, là phơi bày cuộc sống trong dạng thái đối lập gay gắt của nó, nhưng bằng niềm cảm thông chân thành đối với người nghèo khổ mà *Lời nói đầu* tập sách đã đề cập đến một cách thẳng thắn, những truyện ngắn của ông ít nhất cũng bày tỏ một cách nhìn, một thái độ, nó chi phối khuynh hướng tư tưởng của tác giả.

Loại truyện xoay quanh những khía cạnh bình thường, giản dị của đời sống trong *Gió đầu mùa*, nói chung ít có ý nghĩa xã hội hơn loạt truyện đầu. Nhưng ở đây cũng chứng tỏ tài quan sát của Thạch Lam khi khai thác những tác động tinh vi giữa con người và ngoại cảnh, cũng như khi đi vào những diễn biến bên trong, những trạng thái phức tạp của tình cảm, tâm lí, những đổi thay khó nhận biết của tâm hồn con người. Truyện *Đứa con đầu lòng* là cả một quá trình biến chuyển lí thú trong tâm trạng một người trai trẻ, có con lần đầu: bồn chồn, sốt ruột chờ vợ sinh con; băng khuâng, xa lạ khi nhìn đứa trẻ chưa quen và có phần làm cho mình bận bịu; cuối cùng là những rung động sâu kín, như cánh bướm non, báo hiệu một tình cảm mới mẻ và thiêng liêng đang nảy nở ở kẻ làm cha. Các truyện *Tiếng chim kêu*, *Gió lạnh đầu mùa* không những có khả năng gợi lên cảm hứng thi vị về cái đẹp của tạo vật, trong những khoảnh khắc đổi thay bất chợt của bốn mùa, của thời tiết, mà còn mở ra một thế giới hết sức trong trẻo: thế giới tâm hồn trẻ thơ, với tấm lòng trắc ẩn, với lòng thương người hồn nhiên, cao quý, chưa bị thói đời làm cho vẩn đục. Cũng có những truyện, tuy đề tài có vẻ giản dị hoặc nên thơ nữa, nhưng đằng sau đó vẫn chứa đựng một ý nghĩa phê phán thâm trầm đối với cái xấu, nhất là những cái xấu không hiện rõ hình dáng mà ẩn sâu trong tâm lí tư tưởng, và lúc này lúc khác có thể tồn tại ở bất kì một người lương thiện nào (*Trở về*, *Người bạn cũ*). Những truyện này thường mang ý vị một cảm xúc trần trụi chân thành, bắt người đọc không thể không nhìn vào cõi sâu thẳm của chính mình. Có thể nói, Thạch Lam là người rất sành cảm giác. Từ những cảm giác tinh nhạy về mọi chi tiết nhỏ nhất nhất trong đời sống, ông đã bổ sung cho nhận thức nhiều điều mà lí trí khó nhận biết được ngay. Nói như Khái Hưng: “Cảm giác ấy bao quát hết tư tưởng của tác giả và của người đọc, nhiều khi đi xa hơn, sâu hơn tư tưởng, vì có cái ta cảm thấy mà ta không thể dùng tư tưởng để mô tả, giải phẫu cái cảm giác của ta ra được.”.

Dĩ nhiên, việc phân biệt thành hai loại truyện trong tập *Gió đầu mùa* không phải là chủ ý của người viết, vì ở hầu hết các truyện, hai yếu tố “hiện thực” và “thi vị” vẫn đan cài, xen kẽ với nhau. Chính đây là một đặc điểm của ngòi bút Thạch Lam, là sự mẫn cảm và không đơn điệu của tư duy nghệ thuật Thạch Lam, mặt khác cũng biểu lộ tấm lòng đôn hậu của Thạch Lam trong cách nhìn sự vật. Thạch Lam yêu cuộc sống với tất cả trái tim nhân ái của mình và chính vì yêu mà ông biết nhận ra nó trong dạng thái

“tổng hoà” – các mặt tốt xấu luôn luôn quện chặt lấy nhau như chính nó đang tồn tại. Trong mỗi con người bình thường nhiều khi cũng có sự khó chia tách “thiện ác” như vậy. Đó chính là vẻ đẹp chân thực của ngòi bút nhân đạo chủ nghĩa.

Tuy *Gió đầu mùa* là tập truyện ngắn đầu tiên song đã bộc lộ rõ phong cách già dặn và điêu luyện của Thạch Lam. Ông thuộc số những nhà văn có khả năng đi sâu khai thác thế giới nội tâm nhân vật một cách tinh tế, và phát hiện được trong những cái nhỏ nhất hằng ngày những điều sâu xa, thâm kín mà không phải người nào cũng dễ dàng phát hiện. Những truyện ngắn trong *Gió đầu mùa* rất giàu chất thơ, giàu âm thanh và màu sắc của đời sống, được viết bằng ngôn ngữ trong sáng, bình dị. Đây là một trong những tập truyện ngắn tiêu biểu của Thạch Lam, đồng thời cũng đánh dấu sự thành công của khuynh hướng truyện ngắn trữ tình trong văn học hiện đại Việt Nam.

(Theo ĐỖ ĐỨC HIẾU, NGUYỄN HUỆ CHI,
PHÙNG VĂN TỬU, TRẦN HỮU TÁ (đồng Chủ biên);
Đặng Thị Hào, Vũ Thanh (thư kí), *Từ điển văn học* (bộ mới), NXB Thế giới, Hà Nội, 2004)



1. Xác định các nội dung thông tin chính của bài giới thiệu tập truyện ngắn *Gió đầu mùa*, từ đó, trình bày lại bằng một sơ đồ tư duy.
2. Dựa vào nội dung bài viết trên, nếu viết bài giới thiệu tập truyện ngắn *Gió đầu mùa* của Thạch Lam cho thầy cô, các bạn và những người quan tâm, em thấy có thể thay đổi cách trình bày không (ví dụ: đặt các tiêu mục, sử dụng ngôi thứ nhất – xưng “tôi” khi viết giới thiệu và bổ sung hình ảnh cho bài giới thiệu)? Vì sao?
3. Theo em, bài giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết cần đảm bảo những yêu cầu gì về nội dung thông tin, về bố cục, cách trình bày?

2. Cách viết bài giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

a) Viết bài giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết là trình bày cho người đọc biết những thông tin khái quát chung về tác phẩm (như tác giả, hoàn cảnh ra đời, cấu trúc của tác phẩm,...); nêu và làm rõ nội dung, nghệ thuật của tập thơ, tập truyện ngắn hoặc cuốn tiểu thuyết; phát biểu cảm nhận, đánh giá của người viết về tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết đó. Người viết có thể đặt nhan đề, các tiêu mục cho bài viết, sử dụng thêm tranh, ảnh phù hợp,... để tăng hiệu quả tác động của bài viết tới người đọc.

b) Để viết bài giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết, các em cần:

– Lựa chọn tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết định giới thiệu. Đọc kĩ văn bản và tìm hiểu thêm các thông tin về tác giả, tác phẩm để hiểu văn bản.

– Xác định đối tượng đọc bài giới thiệu và nơi công bố bài giới thiệu (trong tập san của lớp, trong trang nhóm lớp,...) để lựa chọn cách thức trình bày cho phù hợp.

– Tìm ý và lập dàn ý cho bài giới thiệu.

– Chuẩn bị tư liệu, tranh, ảnh,... sử dụng trong bài giới thiệu (nếu có).

3. Thực hành viết bài giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết



Hãy viết bài giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết mà em đã chọn đọc ở trên.

a) Chuẩn bị

– Lựa chọn tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết đã đọc để viết bài giới thiệu.

– Lựa chọn tư liệu, hình ảnh sử dụng trong bài giới thiệu. Ví dụ: chân dung tác giả, hình ảnh tập thơ, tập truyện, tiểu thuyết,...

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài giới thiệu bằng cách đặt ra và trả lời các câu hỏi sau:

+ Mục đích của bài giới thiệu là gì? Ai là người đọc bài giới thiệu (thầy cô, bạn bè,...)?

+ Bài viết sẽ giới thiệu những điều gì về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm? Những dẫn chứng nào từ văn bản được sử dụng để làm rõ nội dung định giới thiệu?

+ Có thể đặt nhan đề cho bài giới thiệu, đặt các tiêu mục cho bài giới thiệu như thế nào? Có cần sử dụng thêm tranh, ảnh trong bài giới thiệu không?

– Lập dàn ý cho bài giới thiệu:

+ Mở bài:

• Nhan đề bài viết.

• Dẫn dắt và nêu tên tác phẩm, tác giả, ấn tượng chung hoặc nội dung khái quát của bài giới thiệu.

+ Thân bài: Lần lượt trình bày các nội dung định giới thiệu theo thứ tự phù hợp, ví dụ:

• Giới thiệu thông tin khái quát về tác phẩm (nhà xuất bản, số lượng bài thơ / truyện ngắn, bố cục,...).

- Giới thiệu nội dung chính của tác phẩm.
- Giới thiệu đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm.
- Nêu nhận xét, đánh giá và tác động của tác phẩm đến người đọc.

+ Kết bài: Khái quát lại nội dung bài giới thiệu, khích lệ mọi người cùng đọc và chia sẻ về tác phẩm.

c) Viết bài giới thiệu

– Viết bài giới thiệu theo dàn ý.

– Chú ý diễn đạt mạch lạc, sử dụng từ ngữ trong sáng, đảm bảo chuẩn chính tả và ngữ pháp.

– Sử dụng tranh ảnh (nếu cần thiết) và các công cụ (cỡ chữ, phông chữ, màu sắc,...) phù hợp để trình bày bài viết.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết

Dựa vào dàn ý đã lập và chỉ dẫn trong mục *Viết bài giới thiệu* để tự kiểm tra và chỉnh sửa.

III. THUYẾT TRÌNH GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT



1. Cách thức thuyết trình giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

a) Thuyết trình giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết là sử dụng ngôn ngữ nói kết hợp với các yếu tố hỗ trợ như cử chỉ, điệu bộ, hình ảnh, hoạt cảnh, bản trình chiếu,... để chia sẻ với người nghe các thông tin về nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa,... của tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết đó.

b) Để thuyết trình giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết, các em cần:

- Lựa chọn và đọc kĩ để hiểu tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết định giới thiệu.
- Xác định đối tượng, không gian, thời gian giới thiệu để có cách thức trình bày phù hợp.

– Lựa chọn hình thức thuyết trình giới thiệu: Có thể thuyết trình giới thiệu theo cá nhân, theo nhóm, sử dụng hình thức giới thiệu thuyết trình truyền thống hoặc talkshow (đóng vai các chuyên gia trao đổi, trò chuyện về tập thơ, tập truyện ngắn, tiểu thuyết), vòng tròn trao đổi về cuốn sách (mỗi thành viên đảm nhiệm một vai: người giới thiệu cốt truyện, người xây dựng chân dung nhân vật, người đặt câu hỏi thảo luận về văn bản, người kết nối tìm hiểu thông tin về tác giả, thời đại,... để hiểu sâu hơn văn bản, người tìm các chi tiết, hình ảnh, câu văn, câu thơ hay trong văn bản,...).

– Tìm ý và lập dàn ý cho bài thuyết trình giới thiệu.

– Chuẩn bị các tư liệu, tranh ảnh, pa nô, bản trình chiếu, hoạt cảnh,... phục vụ cho bài thuyết trình giới thiệu.

– Sử dụng nét mặt, ánh mắt, hành động,... phù hợp với nội dung giới thiệu để tăng hiệu quả tác động tới người nghe.

– Tập luyện nhiều lần để làm chủ nội dung và cách thức thuyết trình giới thiệu.

2. Thực hành thuyết trình giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết



Hãy thuyết trình giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết mà em đã lựa chọn để đọc và viết bài giới thiệu ở trên (có thể lựa chọn hình thức giới thiệu theo cá nhân hoặc theo nhóm).

a) Chuẩn bị

– Lựa chọn tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết để thuyết trình giới thiệu. Ví dụ, chọn tập thơ *Quốc âm thi tập* (Nguyễn Trãi).

– Xác định đối tượng, không gian, thời gian và cách thức thuyết trình giới thiệu. Ví dụ, giới thiệu trước thầy cô và các bạn trong lớp, thời gian thuyết trình từ 8 – 10 phút, tiến hành theo nhóm.

– Chuẩn bị các phương tiện cho bài thuyết trình: bản trình chiếu nội dung giới thiệu, nhạc nền, phần đọc diễn cảm một vài bài thơ trong tập,...

b) Tìm ý và lập dàn ý; xây dựng kịch bản cho bài thuyết trình giới thiệu

– Tìm ý: Xem lại bài viết giới thiệu tập thơ *Quốc âm thi tập* để xác định các thông tin cần thuyết trình giới thiệu.

– Lập dàn ý cho bài thuyết trình (có thể sử dụng sơ đồ tư duy):

+ Mở đầu: Chào hỏi, giới thiệu tên tập thơ *Quốc âm thi tập*, tác giả, người sưu tập tập thơ và đánh giá chung ban đầu về tập thơ.

+ Nội dung chính: Thuyết trình giới thiệu các thông tin về tập thơ theo một trình tự hợp lí. Ví dụ: giới thiệu chung về tập thơ, giới thiệu nội dung chính của tập thơ, giới thiệu đặc sắc nghệ thuật của tập thơ, nêu nhận xét, đánh giá về tập thơ,...

+ Kết thúc:

• Khái quát chung về tập thơ, khích lệ mọi người cùng đọc tập thơ.

• Bày tỏ mong muốn nhận được ý kiến phản hồi từ người nghe về bài thuyết trình giới thiệu.

– Xây dựng kịch bản giới thiệu dựa vào dàn ý bài thuyết trình và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên. Các thành viên tập luyện theo kịch bản.

c) Thuyết trình giới thiệu

Người nói
<ul style="list-style-type: none">– Thuyết trình theo dàn ý và kịch bản.– Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp, kết hợp lời nói với cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt và các phương tiện của bài thuyết trình (slide trình chiếu, nhạc nền,...) phù hợp. Đảm bảo thời gian quy định.– Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có).

Người nghe
<ul style="list-style-type: none">– Tập trung lắng nghe, nắm bắt được các thông tin chính của bài thuyết trình.– Sử dụng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,... phù hợp để khích lệ người nói.– Nêu câu hỏi để được người nói chia sẻ thêm những điều bản thân chưa rõ hoặc muốn biết thêm (ví dụ: Tại sao bạn cho rằng đây là một tập thơ Nôm đặc sắc mở đầu cho nền thơ ca tiếng Việt?).

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Người nói
<ul style="list-style-type: none">– Đối chiếu với các yêu cầu ở mục c, em thấy điều gì hài lòng / chưa hài lòng với bài thuyết trình của bản thân / nhóm?– Dựa vào các yêu cầu cho người nghe ở mục c, em thấy người nghe bài thuyết trình của mình / nhóm mình đã tích cực chưa?

Người nghe
<ul style="list-style-type: none">– Đối chiếu với mục c để xác định / chỉ ra những điều bản thân đã đạt được.– Dựa vào các yêu cầu cho người nói ở mục c, em thấy bài thuyết trình của bạn / nhóm bạn có ưu điểm gì và cần rút kinh nghiệm về điều gì?

NGỤC TRUNG NHẬT KÍ

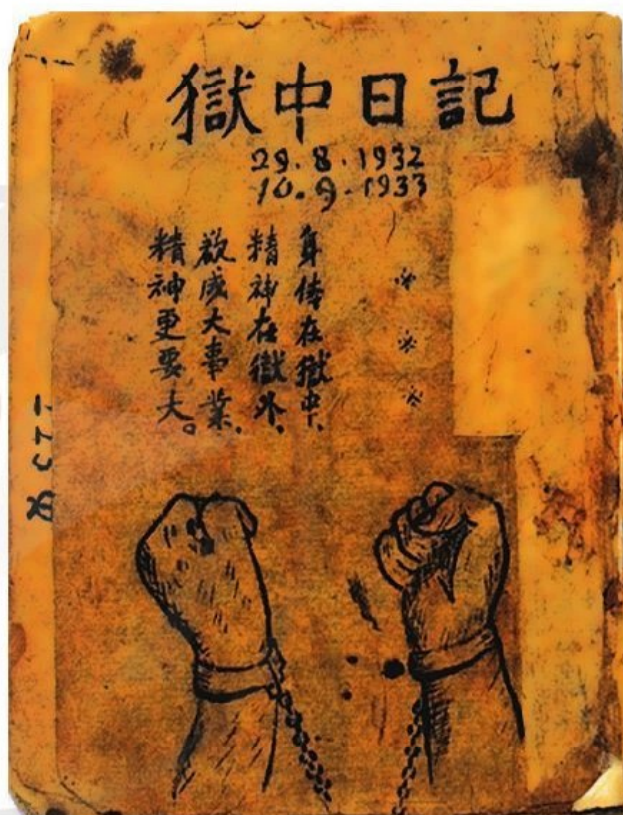
(Nhật kí trong tù)

Ngục trung nhật kí (*Nhật kí trong tù*) là cuốn sổ được Chủ tịch Hồ Chí Minh ghi chép trong thời gian Người bị nhà cầm quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch giam giữ, đày ải qua 18 nhà tù của 13 huyện của tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) từ tháng 8-1942 đến 9-1943.

Trong *Ngục trung nhật kí*, Người đã viết 133 bài thơ chữ Hán, trong đó có 126 bài theo thể tứ tuyệt của thơ Đường. Tập thơ có kích thước 9,5 cm x 12,5 cm, gồm 79 trang, kể cả trang bìa.

Ngục trung nhật kí được lưu giữ tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam (nay là Bảo tàng Lịch sử Quốc gia) với nguồn gốc như sau: Ngày 14-9-1955, khi đến duyệt nội dung triển lãm về *Cải cách ruộng đất* tại phố Bích Câu, Hà Nội, Người đã trao tác phẩm này cho đồng chí Nguyễn Việt, trưởng ban tổ chức triển lãm và nói: “Tôi có quyển sổ tay cách đây mười mấy năm còn giữ đến bây giờ, các cô, các chú xem có triển lãm được thì dùng.”. Cuốn *Ngục trung nhật kí* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được đưa ra trưng bày, giới thiệu tới công chúng ngay tại triển lãm ấy. Đồng chí Trần Ngọc Chương, nguyên Phó phòng Suu tầm Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, đã được chứng kiến Chủ tịch Hồ Chí Minh giao tác phẩm tại phòng trưng bày. Sau đó, đồng chí đã tiếp nhận hiện vật này tại cơ quan Bảo tồn, bảo tàng số 35, đường 296 (nay là phố Nguyễn Đình Chiểu), Hà Nội, ngày 14-9-1955.

Tập thơ *Ngục trung nhật kí* là một minh chứng gắn liền với cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngoài ra, tác phẩm còn mang nhiều giá trị về mặt lịch sử, văn học, tư tưởng, nhân văn, ... của một lí tưởng cao đẹp, phấn đấu giành độc lập cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân.



Hình ảnh trang bìa cuốn bản thảo *Nhật kí trong tù* của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Nét nổi bật dễ nhận thấy nhất trong tập thơ *Nhật kí trong tù* là tinh thần yêu nước, lạc quan cách mạng, biến những điều trông thấy, những cảnh khổ cực, đọa đày ở trong tù trở thành niềm tin, tinh thần vươn lên, khát khao đối với tự do, bình đẳng. Với Người, tự do chính là ánh sáng, là nguồn sức mạnh tiếp sức cho con người. Do đó, Người luôn luôn khao khát vươn tới tự do dù ở trong ước mơ, trong giấc ngủ, dù đó là một chút tự do hiếm hoi của chế độ nhà tù:

*Hai giờ ngục mở thông hơi,
Tù nhân ngẩng mặt ngắm trời tự do.*

Những khát vọng tự do mạnh mẽ đó, thực chất là khao khát chiến đấu, giải phóng ách nô lệ cho nhân dân, cho dân tộc đang bị thực dân xâm chiếm. Sức mạnh của lời thơ cũng là lí trí của người chiến sĩ cách mạng, với quyết tâm vượt lên mọi đau khổ về thể xác, tâm hồn, giữ vững niềm tin vào tương lai:

*Kiên trì và nhẫn nại,
Không chịu lùi một phân;
Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần.*

Nhưng bao trùm lên tất cả là tấm lòng yêu thương bao la của Người đối với nhân loại. Tư tưởng của tác phẩm đã phản ánh tâm hồn “đại trí, đại nhân, đại dũng” của người chiến sĩ cách mạng không chịu khuất phục trước kẻ thù.

Những vần thơ được viết trong tù ngục, những cảm nhận hằng ngày về cuộc sống trong nhà lao, trên đường đi đày từ nhà lao này sang nhà lao khác, phản ánh hiện thực về chế độ hà khắc của nhà tù Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch nhưng vẫn mang đến cho người đọc một cảm giác khoan khoái bởi một tâm hồn nghệ sĩ, một con người yêu thiên nhiên, yêu con người. Mười ba tháng bị đày ải trong nhà ngục đến nỗi:

*Răng rụng mất một chiếc,
Tóc bạc thêm mấy phân,
Gầy đen như quý đỏi*

Nhưng những điều đó cũng không làm nhụt chí khí, lay chuyển niềm tin chiến thắng của người cộng sản, mà trái lại, những vần thơ còn thể hiện một tâm hồn nghệ sĩ tài hoa, một trí tuệ anh minh, linh hoạt và sắc sảo, rất nhạy cảm với vẻ đẹp thiên nhiên:

*Mặc dù bị trói chân tay,
Chim ca rộn núi, hương bay ngát rừng.*

Những phác họa về thiên nhiên dưới cái nhìn của một người mất tự do nhưng vẫn đầy lạc quan tuy sơ sài mà chân thật, thắm tình non nước. Những câu thơ như lời tự sự,

trữ tình, thể hiện tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh: đó là một tấm gương nghị lực phi thường, một bản lĩnh thép vĩ đại không có gì lung lạc được:

*Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao.*

Vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, những phút suy tư của Người là lời phản kháng mãnh liệt đối với chế độ hủ bại và tàn bạo của Tưởng Giới Thạch trong nhà lao cũng như ngoài xã hội, phản ánh tất cả nỗi gian nguy, hiểm trở trong cuộc sống lao tù. Tác phẩm thể hiện sự ung dung như một khanh tướng của tác giả, nhưng cũng đánh thép như một tiếng hô xung phong của người chiến sĩ ngoài mặt trận:

*Hôm nay xiềng sắt thay dây trời,
Mỗi bước leng keng tiếng nhạc rung;
Tuy bị tình nghi là gián điệp,
Mà như khanh tướng vẻ ung dung.*

Ngục trung nhật kí của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tập nhật kí bằng thơ độc đáo, bao hàm hai yếu tố hoà hợp với nhau một cách nhuần nhuyễn: chất trữ tình và chất thép.

Tập thơ *Nhật kí trong tù* có giá trị đặc biệt về nội dung, tư tưởng và nghệ thuật diễn tả, mà tác giả chính là người Anh hùng dân tộc vĩ đại, Danh nhân văn hoá – Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngoài tất cả những giá trị độc đáo nêu trên, tác phẩm *Nhật kí trong tù* còn là hiện vật độc bản, một văn bản gốc, là văn bản duy nhất có tại Việt Nam. Chính vì những lí do nêu trên, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam (nay là Bảo tàng Lịch sử Quốc gia) đã lựa chọn hiện vật gốc cuốn *Ngục trung nhật kí* (tức *Nhật kí trong tù*) của Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị công nhận bảo vật quốc gia. Và ngày 1-10-2012, Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định công nhận bảo vật quốc gia cho tác phẩm *Ngục trung nhật kí* (*Nhật kí trong tù*).

DƯƠNG HÀ
(baotanglichsu.vn)

ĐẾ MÈN PHIÊU LƯU KÍ – CUỐN SÁCH CỦA TUỔI THƠ

Đã từng được đưa vào trong sách *Ngữ văn* lớp 6 của cấp Trung học cơ sở, do đó, tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu kí* của nhà văn Tô Hoài chắc hẳn đã không còn xa lạ gì đối với nhiều thế hệ học sinh.

Dù tác phẩm đã được ra mắt rất lâu rồi, thế nhưng sức hút và thông điệp ý nghĩa từ *Đế Mèn phiêu lưu kí* vẫn còn nguyên giá trị cho đến ngày hôm nay. Hãy cùng mình khám phá và cảm nhận về tác phẩm nổi tiếng này trong bài viết sau đây.

Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu kí*

Vào năm 1941, nhà văn Tô Hoài từng đăng một mẫu truyện ngắn mang tên *Con Dế Mèn* trong một ấn phẩm của NXB Tân Dân, sau đó, được đổi tên thành *Dế Mèn phiêu lưu kí*.

Dù đã trải qua hơn 79 năm ra đời, nhưng *Dế Mèn phiêu lưu kí* vẫn là một trong những tác phẩm văn học thiếu nhi có sức hút và ý nghĩa nhất tại Việt Nam.

Nói về bối cảnh của tác phẩm này, nhà văn Tô Hoài đã từng chia sẻ với NXB Kim Đồng rằng: “Tôi ở Nghĩa Đô, lúc đó Hồ Tây, sông Tô Lịch, những cánh đồng lúa làng Bái Ân, làng Nghĩa Đô, làng Hồ, làng An Thái,... còn là thiên đường của trẻ con... Toàn bộ không gian của *Dế Mèn phiêu lưu kí* chính là ở vùng ngoại ô ấy.”.

Với lời chia sẻ này, thì mọi người cũng đã phần nào hiểu được những vùng đất mà Dế Mèn đã đi qua đều mang những dấu ấn và kỉ niệm của tác giả, nhờ vậy mà tác phẩm này càng trở nên gần gũi và quen thuộc hơn.

Nội dung và thông điệp của *Dế Mèn phiêu lưu kí*

Tác phẩm này được chia thành từng chương nhỏ, nội dung chủ yếu nói về hành trình phiêu lưu của chú Dế Mèn ham chơi đầy lí kì. Trong các chuyến phiêu lưu này, Dế Mèn đã được làm quen và tiếp xúc với nhiều người bạn khác nhau, chẳng hạn như chú Dế Choắt, Dế Trũi và rất nhiều nhân vật đặc biệt khác, mỗi nhân vật này đều mang một tính cách và suy nghĩ khác nhau, càng làm cho tác phẩm thêm sự đa dạng và lôi cuốn như chính xã hội của con người.

Nói về nhân vật chính là Dế Mèn, nhà văn Tô Hoài đã tạo ra một nhân vật có ngoại hình và tính cách rất ấn tượng đối với người đọc ở những phần đầu tiên của cuốn truyện. Theo đó, Dế Mèn là một chàng dế trẻ có đôi càng mẫm bóng, đôi cánh dài phủ kín xuống tận chấm đuôi, thân hình rung rinh một màu nâu bóng mỡ ưa nhìn, sợi râu dài một vẻ rất đỗi hùng dũng.

Có thể thấy với miêu tả trên, Dế Mèn là một nhân vật toát lên sự oai hùng và tráng lệ của thế giới loài vật trong tác phẩm này.

Ngoài ra, Tô Hoài cũng đã rất thành công trong việc thu hút người đọc đi vào những tình tiết lí kì trong chuyến hành trình phiêu lưu của Dế Mèn, nhất là phân đoạn có sự xuất hiện của người bạn tên là Dế Trũi. Những tình huống dở khóc dở cười và thú vị đã xảy ra được Tô Hoài miêu tả rất chân thực và gần gũi, khiến người đọc như hoà cùng cảm xúc với các nhân vật.

Trong đó có rất nhiều tình tiết tuy đơn giản nhưng lại rất hài hước, chẳng hạn như đoạn khi Dế Mèn đang rất đói bụng thì Dế Trũi liền nói với Dế Mèn là hãy ăn cái càng

của nó để đỡ đỏi, nhưng Dế Mèn lại nhất quyết không chịu, thế là cả hai lại ôm nhau khóc làm mình cũng xúc động theo. Hay đến phân đoạn khi đang trong thời kì hạn hán, thì chú Cóc trong tác phẩm lại hóm hỉnh nói rằng: “Con cóc là cậu ông Trời. Bấy lâu thằng cháu bạn quá, bạn đến nỗi quên cả cho cậu nó uống nước.”

Có thể nói dù với bất cứ chi tiết nào, Tô Hoài đều mong muốn đem lại sự hài hước và vui nhộn cho tác phẩm của mình, điều này giúp cho nội dung gần gũi với thiếu nhi hơn cũng như tạo sự thoải mái cho tất cả người đọc.

Xuyên suốt tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu kí* là sự xuất hiện của nhiều nhân vật khác nhau, chúng đều mang trong mình tính cách và lối sống khác nhau, nhằm phản ánh xã hội thực tại của con người. Do đó, người đọc sẽ dễ dàng liên tưởng từ những nhân vật thiện – ác trong cuốn sách đến thực tế cuộc sống một cách chân thực hơn.

Để giúp làm nổi bật tính cách của từng nhân vật, Tô Hoài đã dùng rất nhiều từ ngữ chi tiết và sống động nhằm giúp người đọc của mình nắm bắt nội dung và tinh tiết nhanh chóng hơn.

Ngoài ra, vì đây là tác phẩm dành cho thiếu nhi nên nhà văn Tô Hoài cũng không quên lồng ghép những tình tiết phù hợp với tâm tư, suy nghĩ của tuổi mới lớn, để tạo ra những thông điệp ý nghĩa và nhân văn một cách ngọt ngào mà không bị khô khan hay sáo rỗng.

Thông qua nhân vật Dế Mèn, chúng ta có thể thấy rõ hình ảnh của sự kiên cường, nghị lực, dám sẵn sàng đòi lại công bằng trước những bất công đang xảy ra trước mắt. Dù cho Dế Mèn từng phải rơi vào nhiều tình huống éo le và khó khăn, thế nhưng sau cùng vẫn là nghị lực phi thường, không bỏ cuộc trong bất cứ tình huống nào của Dế Mèn.

Bên cạnh đó, sẽ thật thiếu sót nếu bỏ qua các địa điểm, bối cảnh được miêu tả trong *Dế Mèn phiêu lưu kí*. Trong suốt hành trình của *Dế Mèn phiêu lưu kí*, người đọc sẽ dễ dàng bắt gặp những hình ảnh quen thuộc của Việt Nam với những làng quê, sông núi được xuất hiện liên tục. Mỗi bối cảnh này đều là những kỉ niệm thực tế của tác giả, nơi mà ông đã từng sinh sống cũng như là phép ẩn dụ để thể hiện sự trưởng thành của Dế Mèn qua mỗi vùng miền mà chú đã đi qua.

Lời kết

Cuộc phiêu lưu của Dế Mèn không chỉ đơn giản là tác phẩm dành cho thiếu nhi, mà hơn hết chúng đều chứa đựng một thông điệp ý nghĩa lớn đến tất cả mọi người, đó là tình đoàn kết, khao khát cho hoà bình và nghị lực phi thường trước mọi khó khăn. Chỉ với một nhân vật chú dế nhỏ bé, nhưng tác giả lại muốn truyền tải rất nhiều bài học đến con người, do đó, rất đáng để chúng ta suy ngẫm.

Sau khi khép lại cuốn sách này, chính bản thân mình cũng cảm thấy thoải mái và yêu đời hơn rất nhiều. Và mình nhận ra rằng, khi ta còn trẻ thì hãy cứ thử một lần tự tạo cho mình những cuộc phiêu lưu như chú Đế Mèn, biết đâu mình cũng sẽ gặp được những người bạn tốt và dám đối mặt với mọi khó khăn của cuộc đời để trưởng thành hơn.

(sachhay24h.com)

TIỂU THUYẾT HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ^(*)

Hoàng Lê nhất thống chí, còn gọi là *An Nam nhất thống chí*, là tiểu thuyết lịch sử kí sự, gồm 17 chương. *Phần chính biên* có 7 chương; *phần tục biên* có 10 chương.

Hoàng Lê nhất thống chí là một tập sách cùng với rất nhiều tập sách khác được chép trong *Ngô gia văn phái*. Bước đầu xác định được ba tác giả họ Ngô Thì cùng biên soạn là: Ngô Thì Chí, con thứ Ngô Thì Sĩ, em ruột Ngô Thì Nhậm đã viết 7 hồi phần chính biên; Ngô Thì Du, con Ngô Thì Đạo, gọi Ngô Thì Sĩ bằng bác ruột, Ngô Thì Thiên là con út Ngô Thì Nhậm viết phần tục biên.

Mở đầu tác phẩm là bối cảnh bê bối, lục đục, diễn ra căng thẳng, quyết liệt trong phủ chúa. Trịnh Sâm mê đắm Tuyên phi Đặng Thị Huệ đã phế ngôi thế tử của con trưởng, đặt con thứ lên ngôi đó. Trịnh Sâm mất, Quận Huy về phe với Thị Huệ, gây bất bình trong triều và ngoài trấn. Lĩnh tam phủ nổi loạn diệt Quận Huy, phế Trịnh Cán, đưa Trịnh Tông lên ngôi chúa. Trịnh Tông bắt lục. Quân lính lộng hành trả thù các đại thần và bắt ép mẹ con Trịnh Tông. Cơ đồ chúa Trịnh nhất đán sụp đổ. Giữa lúc đó, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc lần thứ nhất, lập lại kỉ cương và đưa Lê Chiêu Thống lên ngôi vua. Khi Nguyễn Huệ trở vào Nam thì triều chính nhà Lê lại chao đảo. Chính khách Nguyễn Hữu Chỉnh xuất hiện. Nguyễn Hữu Chỉnh từng ở đất Bắc, bỏ vào Nam, phò tá Nguyễn Huệ hành quân ra Bắc, nhưng Nguyễn Huệ biết lòng dạ phản phúc của Chỉnh đã bỏ Chỉnh lại khi ông bí mật lui quân về Thuận Hoá. Tương kế tựu kế, Chỉnh lập mưu gian, đoạt được vùng Nghệ An, khuếch trương thanh thế. Vua cho vời Chỉnh về triều dẹp bọn Trịnh Bồng, cho đốt sạch cơ nghiệp chúa Trịnh. Thắng thế, Chỉnh lấn át Chiêu Thống, tự coi mình như một vị chúa mới! Được tin, Nguyễn Huệ sai Võ Văn Nhậm ra Thăng Long, phanh thây Chỉnh. Hoảng sợ, Lê Chiêu Thống bỏ nước chạy sang cầu viện quân Mãn Thanh. Thừa dịp tốt, vua Thanh là Càn Long bèn giao Tôn Sĩ Nghị cất hơn 20 vạn quân sang xâm chiếm nước ta. Lúc đầu, theo kế hoạch lui quân chiến lược của Ngô Thì Nhậm, quân Tây Sơn rút cả về thủ hiểm tại vùng núi Tam Điệp, chờ đại quân. Tin cáo cấp về đến Thuận Hoá,

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

Nguyễn Huệ liền lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu Quang Trung, rồi thần tốc kéo quân ra Bắc dẹp giặc. Đại quân triển khai thành nhiều mũi bao vây, tấn công và tiêu diệt địch ngay từ đêm trừ tịch (30 tết Nguyên đán). Chỉ 5 ngày sau, với đại thắng Đống Đa lịch sử, toàn bộ quân xâm lược tan rã, táng đờm kinh hồn, một mạch hướng biên giới mà chạy thục mạng, không dám ngoái cổ lại! Lê Chiêu Thống và bọn tòng vong theo gót tàn binh chạy sang Trung Quốc, về sau lần lượt chết mòn bên đó.

Vua Quang Trung thống nhất giang sơn, xuống chiếu cầu hiền, thiết lập mối bang giao hoà hiếu với nhà Thanh, cũng cố mọi mặt để đưa đất nước đến ổn định và phú cường, nhưng nhà vua đột ngột từ trần quá sớm, để lại nền vương nghiệp chưa vững chắc. Do vậy, nội bộ triều Tây Sơn chia rẽ và suy yếu. Nguyễn Ánh lợi dụng cơ hội đó đã đánh bại Tây Sơn, lập ra triều Nguyễn. Mấy năm sau, di cốt của Lê Chiêu Thống và của bọn tay chân được đưa về nước chôn cất. Vua triều Nguyễn là Gia Long cho lập đền thờ và ban phong tước vị.

Viết nên cuốn tiểu thuyết đặc sắc này, các tác giả họ Ngô đã để lại cho nền văn học dân tộc một tập đại thành của thể loại truyện văn xuôi bằng chữ Hán. Cả nội dung và nghệ thuật, truyện đều đạt được nhiều thành tựu lớn. Điều dễ nhận thấy đầu tiên là các tác giả vẫn coi nhà họ Ngô Thì thuộc về triều đại trước, bởi họ đã từng chịu ơn mưa móc dày nặng của vua Lê, chúa Trịnh nên trước sau họ vẫn tỏ ra luyến tiếc triều đại này. Hễ có dịp là họ đề cao, xưng tụng Lê Duy Kỳ (tức Chiêu Thống), Trịnh Cán, thông minh thánh trí! Họ coi việc thống nhất đất nước là công trạng, là hồng phúc của nhà Lê... Khi phải kể, miêu tả tình trạng bi đát, hỗn độn nơi cung vua, phủ chúa, họ không có ý phủ định, chỉ lên tiếng cảnh tỉnh mà thôi. Bối cảnh xã hội lúc bấy giờ đầy bão táp, vừa có bi kịch, lại vừa có anh hùng ca, song các tác giả cố ý phớt lờ đi mọi diễn biến lớn lao, phức tạp và sôi động trên nhiều bình diện của cuộc sống. Ví như các tầng lớp nhân dân bị dồn vào thế cùng đường đã vùng dậy mạnh mẽ như sóng trào bão cuốn ngay sát kinh thành và khắp tứ trấn. Viết *Hoàng Lê nhất thống chí*, các tác giả chỉ mới ghi nhận được tình hình náo loạn nơi cung vua, phủ chúa trên đế đô Thăng Long. Nói một cách khác, những gì xảy ra có quan hệ đến sự mất còn của chiếc ngai vàng thì được phản ánh chân thực và sinh động. Có thể coi đó là sự hạn chế đáng lưu ý. Tuy vậy, cuốn tiểu thuyết vẫn là kiệt tác của văn học cổ điển Việt Nam.

(NGUYỄN ĐĂNG MẠNH, BÙI DUY TÂN, NGUYỄN NHƯ Ý (đồng Chủ biên),

Từ điển tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam (dùng trong nhà trường),

NXB Giáo dục Việt Nam, 2012)

CÂY NÔ-EN (NOEL), QUYỂN TIỂU THUYẾT CỦA THỜI ĐẠI CHÚNG TA

Truyện *Cây Nô-en*⁽¹⁾ mở đầu ở chương I bằng những câu: “Không ai khóc xa hơn tôi... Không ai bốc cháy cao hơn tôi... Không ai nhìn sâu hơn tôi... Không ai hét dữ hơn tôi...”. Đó là những kí hiệu thông báo những tiếng kêu SOS, những đau đớn, những hờn oán, những tuyệt vọng, những giận dữ, khởi đầu một tiểu thuyết xôn xao nhiều giọng nói, một hỗn hợp phong cách đủ màu sắc, cung bậc, để biểu đạt những xúc cảm dữ dội, những suy tư sâu thẳm của loài người trước một cuộc chiến tranh hạt nhân đe dọa tiêu diệt hành tinh này.

Truyện xuất bản năm 1967, được trao ngay giải thưởng Ngòi bút vàng (Báo *Lơ Phi-ga-rô (Le Figaro) văn học*), của Mi-xen Ba-tai-ơ (Michel Bataille), nhà văn Pháp đã đoạt nhiều giải thưởng văn học khác. Nữ dịch giả Lê Hồng Sâm chuyển ngữ một cách uyển chuyển, vừa tôn trọng nguyên bản vừa sáng tạo văn phong hợp với tâm hồn Việt Nam, đúng như định nghĩa “Dịch thuật là sự tuân thủ có sáng tạo”.

Cây Nô-en kể chuyện em bé trai Pát-xcan (Pascal), mười tuổi, mẹ đã chết, sống với bố, Lô-ron Sê-guy (Laurent Ségur). Một kì nghỉ hè, hai cha con từ Pa-ri (Paris) đi du lịch xuống vùng biển đảo Coóc (Corse) đẹp tuyệt vời. Hai người đang bơi trên một ca nô, chợt trên không, một máy bay nổ tung; một công-te-nơ vỡ toác, rơi xuống biển, ngay cạnh ca nô. Máy bay chở bom nguyên tử, và chú bé Pát-xcan bị nhiễm xạ. Về đến Pa-ri, Lô-ron được bác sĩ chuyên gia số một của châu Âu về ung thư đo nhiễm xạ, cho biết em bé bị bạch cầu ác tính, mọi người thường gọi là ung thư máu. Em chỉ còn sống được ba tháng, từ đó đến ngày lễ Nô-en. Đau đớn như điên như dại, Lô-ron, như chó sói bảo vệ con, đưa con về lâu đài Trung cổ của anh, vùng Ô-ve-nơ (Auvergne) cổ sơ, giữa rừng hoang vu. Ở đây, anh cùng con trai sống những ngày đầy phiêu lưu, cùng với một bầy sói, một cuộc sống tưởng tượng, mơ ước của nhân loại từ hàng triệu năm nay. Lễ Nô-en đến, với tuyết và cây Nô-en lộng lẫy đèn hoa, lễ Nô-en kì diệu với bao phép lạ, nhưng cũng là lễ Nô-en định mệnh, bi thảm tàn nhẫn: Pát-xcan chết. Câu chuyện kể của Mi-xen Ba-tai-ơ thật hấp dẫn vì tính thời đại của nó: truyện phiêu lưu và truyện triết lí, hai trong những đặc trưng của tiểu thuyết thế kỉ XX. Đó là hai lớp truyện vừa tách rời nhau vừa hoà quyện với nhau.

Cây Nô-en hấp dẫn mọi người, trẻ em và người lớn, vì nó kể những cuộc phiêu lưu kì lạ. Phiêu lưu của truyện thế kỉ này không phải là phiêu lưu nơi biển cả, với những đảo hoang vu (*Rô-bin-xơn (Robinson)*, *Gu-li-vơ (Gulliver) du kí*, *Pôn (Paul)* và *Via-ghi-ni (Virginie)*,...), hoặc ở miền Bắc nước Mỹ với những mỏ vàng, gấu trắng, mà nó ở quanh ta. Nhà văn phát hiện ở ngay Pa-ri, ở ngay miền Ô-ve-nơ, giữa nước Pháp, những thế giới bí mật. Đó là chuyện máy bay chở bom nguyên tử nổ tung, chuyện

(1) *Cây Nô-en*, Lê Hồng Sâm dịch; NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1989; 270 trang.

câu tôm, chuyện chiếc máy kéo màu xanh da trời, chuyện đi tìm kho vàng dưới tầng hầm lâu đài Ê-rô-đơ (Hérode), và nhất là chuyện chó sói. Có thể gọi tiểu thuyết *Cây Nô-en* là *Truyện chó sói*. Ngay từ những trang đầu, người đọc đã thấy mơ ước của Pát-xcan là chó sói, được làm bạn với sói. Sói ám ảnh chú bé da diết. Từ khi Lô-ron biết con mình chỉ sống đến Nô-en, ba tháng nữa thôi, anh đau xót, anh cô độc, anh muốn biết, anh oán thù bọn người sản xuất bom H để giết con anh, mưu toan giết toàn nhân loại. Anh mơ những giấc mơ chó sói. Như một con sói, anh đưa con về lâu đài Ê-rô-đơ cổ xưa, miền Ô-ve-nơ hoang dã; anh trở thành sói: “Tôi đã thành chó sói ... Con và cha, như hai con sói bị săn lùng, từ Pa-ri trốn về ẩn nấp nơi núi rừng.”. Chú bé Pát-xcan, bất cứ nói chuyện với ai, cũng hỏi về chó sói. Hình như trong bản năng chú có mầm mống chó sói, như một định mệnh. Lô-ron quyết tâm lùng bắt chó sói cho con: Pát-xcan chỉ được sống vài tháng nữa. Ở nước Pháp này, bây giờ chỉ còn lại hai con sói ở Vườn thú. Từ Pa-ri – Lô-ron cùng anh bạn Véc-đăn (Verdun) tốt bụng, người đàn ông mắt xéch, có lẽ một di tích của người Hung Nô thuở xưa tràn sang tận nước Pháp, phóng ô tô lên từ Pa-ri, vào Vườn thú ăn trộm hai con sói. Một cuộc phiêu lưu kì lạ, có dáng dấp truyện trinh thám – trèo rào sắt, bẻ khoá, lẩn trốn cảnh sát, giữa đêm khuya. Bắt trộm được hai con sói mang về lâu đài Ê-rô-đơ cho Pát-xcan, Lô-ron và Véc-đăn, cùng với chú bé Pát-xcan và hai con sói, hợp thành một thế giới riêng, một xã hội sói – người, người – sói. Từ đây bắt đầu một cuộc sống lạ lùng của “cộng đồng sói”, cô độc, lặng lẽ, tách khỏi xã hội loài người dã man, bạo lực. Ở đây là tình yêu, người chăm sói, sói quần quýt người. Bỗng trong vùng, một con ngựa trắng hoá điên, thấy người là xông đến cắn chết. Bé Pát-xcan trượt tuyết ven rừng, gần nhà, ngựa điên phi tới, chú bé hét lên, chạy thục mạng. Hai con sói từ lâu đài lao ra như hai mũi tên đến cứu. Một trận huyết chiến rừng rợn; cuối cùng, ngựa điên bị sói cắn cổ chết tươi, ... Lễ Nô-en đến, ngày Tết rực rỡ với một cây thông xum xuê, xanh tốt giữa nhà, được Pát-xcan trang hoàng bằng những ngôi sao bạc, những quả cầu thủy tinh, những dải băng lấp lánh. Lô-ron vui mừng phóng xe ô tô đến bưu điện gần đây có chút việc. Trở về đến lâu đài, anh nghe thấy những tiếng rú từng hồi ghê rợn của đàn sói dưới hầm nhà. Anh lao xuống, sói xúm quanh Pát-xcan nằm dưới đất: Pát-xcan đã chết.

Cây Nô-en đưa người đọc vào một thế giới nửa hư nửa thực; huyền thoại “cộng đồng chó sói” sống ở lâu đài hoang vu, lạnh lẽo, một thành trì khô khốc như một khối đá, cô độc như một con tàu giữa biển cả, là rừng Ô-ve-nơ âm u, biểu đạt lòng căm giận, nỗi đau xót của loài người trước bạo lực, trước hết là vũ khí hạt nhân. Cái nhóm “sói” ưu ái, đầy tình thương yêu, ẩn nấp trong hang đá, chịu đựng mọi khổ cực, đắng cay. Con người bị nhiễm xạ, những tế bào quái đản, khốc hại, ăn thịt người, người ta rét, buốt, buốt ghê gớm giữa một trời sáng rực, những vết tím bầm trên người, rồi người ta lăn ra chết. Hàng ngàn tên lửa sẵn sàng bám nút, cả châu Âu sẽ loé lửa xanh, lửa vàng, đỏ, tím, ... Con người bé nhỏ, trước định mệnh của bạo lực, đành câm lặng

như sói, gan góc, con mắt khinh bỉ nhìn kẻ thù. Nhưng tư tưởng này được diễn đạt trong tác phẩm xen lẫn những chuyện phiêu lưu kì lạ, là những “ngoại đề” triết lí về con người bị dồn ép vào trong hang sâu của khối đá, song vẫn không thoát khỏi định mệnh: hằng ngày, đều đặn, đúng giờ Ngọ, tiếng một máy bay ì ầm trên trời, vô cùng ghê sợ, nhắc nhở mọi người trong hang trú ẩn, sự tồn tại của những máy bay giết người, của vũ khí diệt chủng, của bạo lực ngập tràn khí quyển. Cảnh tượng hạm đội xục xạo tìm xác máy bay bị nổ, tuần dương hạm, phi cơ phản lực gầm rú, người nhái quần áo cao su đen, từng đoàn hiến binh khùng khiếp canh gác bờ biển,... Những cảnh tượng bạo lực kinh hoàng ấy, chốc chốc hiện lên trong suốt quyển tiểu thuyết, là đối cực vô cùng dã man của cái cộng đồng bé nhỏ đầy đau khổ, đầy tình nhân đạo, đầy kiêu hãnh, không khuất phục. Cái cảnh “nhức nhối ấy” biến thành những lời chửi rửa phần uất những “tên du côn mang súng lục”, “bọn người hèn nhát, nhục nhã” ấy: “Hãy chết đi, đồ chó!... Cái mệnh mang vô tận của sự thờ ơ nơi chúng ta, sẽ bẻ gãy các người, đồ chó!” và: “Tôi ghét quân đội, tôi ghét chiến tranh, tôi ghét các quả bom.”.

Bên dưới các cấu trúc biểu đạt ấy – những chuyện phiêu lưu, tính truyền thuyết, tính biểu trưng,... là thế giới tiềm thức của con người. Nó bùng thức dậy để bảo vệ đời sống, nhân phẩm.

Cây Nô-en xuất bản năm 1967, giữa lúc chiến tranh lạnh vô cùng căng thẳng trên toàn thế giới và chiến tranh nóng thiêu đốt một số khu vực. Hàng chục triệu người là nạn nhân bị thảm của chủ nghĩa bạo lực. Hơn hai chục năm đã qua. Ở thập niên cuối thế kỉ XX này, nhân loại chứng kiến một không khí hoà dịu dần, chưa từng có. Tên lửa bị phá huỷ hàng loạt, từng đoàn quân khổng lồ di chuyển về phía hoà bình. Có phải *Cây Nô-en* góp một tiếng nói nhỏ bé vào đòi hỏi của nhân loại buộc các quyền lực hiếu chiến phải giải toả bạo lực và khủng bố?

(ĐỖ ĐỨC HIẾU, *Đổi mới phê bình văn học*,
NXB Khoa học xã hội – NXB Mũi Cà Mau, 1994)

Mục lục

	Lời nói đầu	Trang
1	Chuyên đề 1. TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN	5
	Yêu cầu cần đạt	5
	I. Yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian	5
	II. Viết báo cáo nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian	18
	III. Thuyết trình một vấn đề văn học dân gian	25
2	Chuyên đề 2. SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC	29
	Yêu cầu cần đạt	29
	I. Thế nào là sân khấu hoá tác phẩm văn học?	29
	II. Quy trình sân khấu hoá tác phẩm văn học	43
	III. Thực hành sân khấu hoá tác phẩm văn học	44
3	Chuyên đề 3. ĐỌC, VIẾT VÀ GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT	49
	Yêu cầu cần đạt	49
	I. Phương pháp đọc một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết	49
	II. Viết bài giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết	60
	III. Thuyết trình giới thiệu một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết	66
	Phụ lục: Một số bài giới thiệu tập thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết	69

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

Địa chỉ: 07 Hà Nội, Tp. Huế
Điện thoại: 0234.3834486 – Website: <http://huph.hueuni.edu.vn>

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc: TRẦN BÌNH TUYẾN

Chịu trách nhiệm nội dung:
Quyền Tổng biên tập: NGUYỄN CHÍ BẢO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm bản quyền nội dung:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM
Chủ tịch Hội đồng Quản trị: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI
Tổng Giám đốc: VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập:
NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG

Trình bày bìa:
TRẦN TIỂU LÂM

Thiết kế sách và vẽ minh họa:
GIÁP THỊ HỒNG NHUNG

Sửa bản in:
LÊ THỊ BÍCH HẢO – NGUYỄN THỊ HƯƠNG CÚC

Địa chỉ: Tầng 5, toà nhà hỗn hợp AZ Lâm Viên, 107 đường Nguyễn Phong Sắc,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Tranh bìa: *Phong cảnh* (NGUYỄN GIA TRÍ)

Trong sách có sử dụng một số hình ảnh trên Internet. Trân trọng cảm ơn các tác giả.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGỮ VĂN 10

Mã số:
ISBN:

In, khổ 19 x 26,5cm, tại

Địa chỉ:
Số xác nhận đăng kí xuất bản:
Quyết định xuất bản số:
In và nộp lưu chiểu năm 2021

Mang cuộc sống vào bài học Đưa bài học vào cuộc sống



Theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018, ngoài sách giáo khoa Ngữ văn dùng cho tất cả học sinh, mỗi lớp còn có các chuyên đề học tập. Đây là những chuyên đề tự chọn nhằm nâng cao kiến thức Ngữ văn, rèn luyện kỹ năng vận dụng những tri thức đã được trang bị vào thực tiễn học tập và cuộc sống; đáp ứng như cầu, sở thích cá nhân của người học; giúp học sinh bước đầu phân hoá theo định hướng nghề nghiệp, nhất là với những em có thiên hướng về lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

Các tác giả là những nhà giáo, nhà khoa học giàu kinh nghiệm và tâm huyết trong lĩnh vực giáo dục Ngữ văn cấp Trung học phổ thông.

1. Quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập website bộ sách Cánh Diều: www.hoc10.com
2. Vào mục Hướng dẫn (www.hoc10.com/huong-dan) để kiểm tra sách giả và xem hướng dẫn kích hoạt sử dụng học liệu điện tử.

SỬ DỤNG
TEM CHỐNG GIẢ

SÁCH KHÔNG BÁN